BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ 8

TẬP HAI

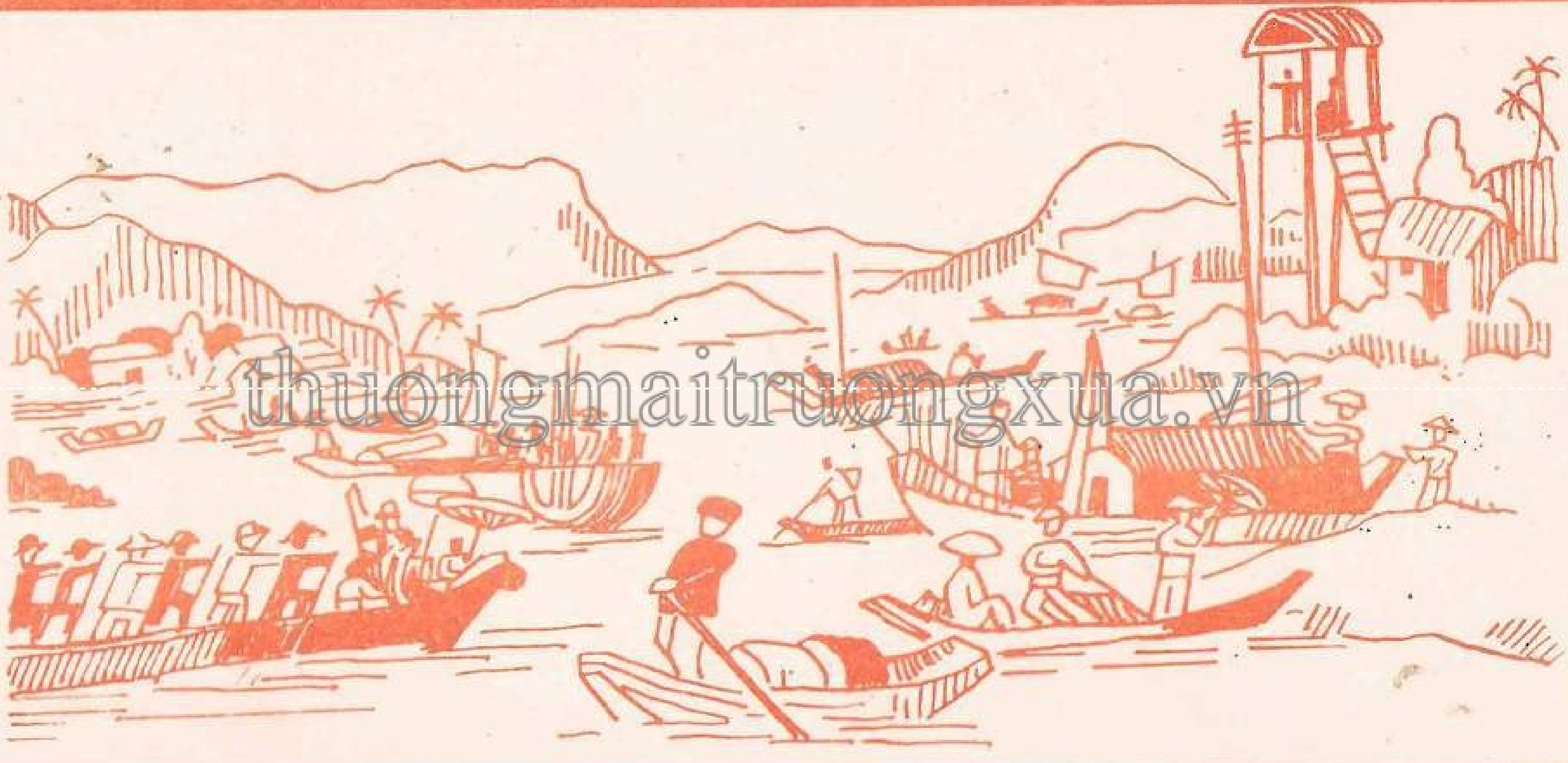

thuongmaitruongxua.vn

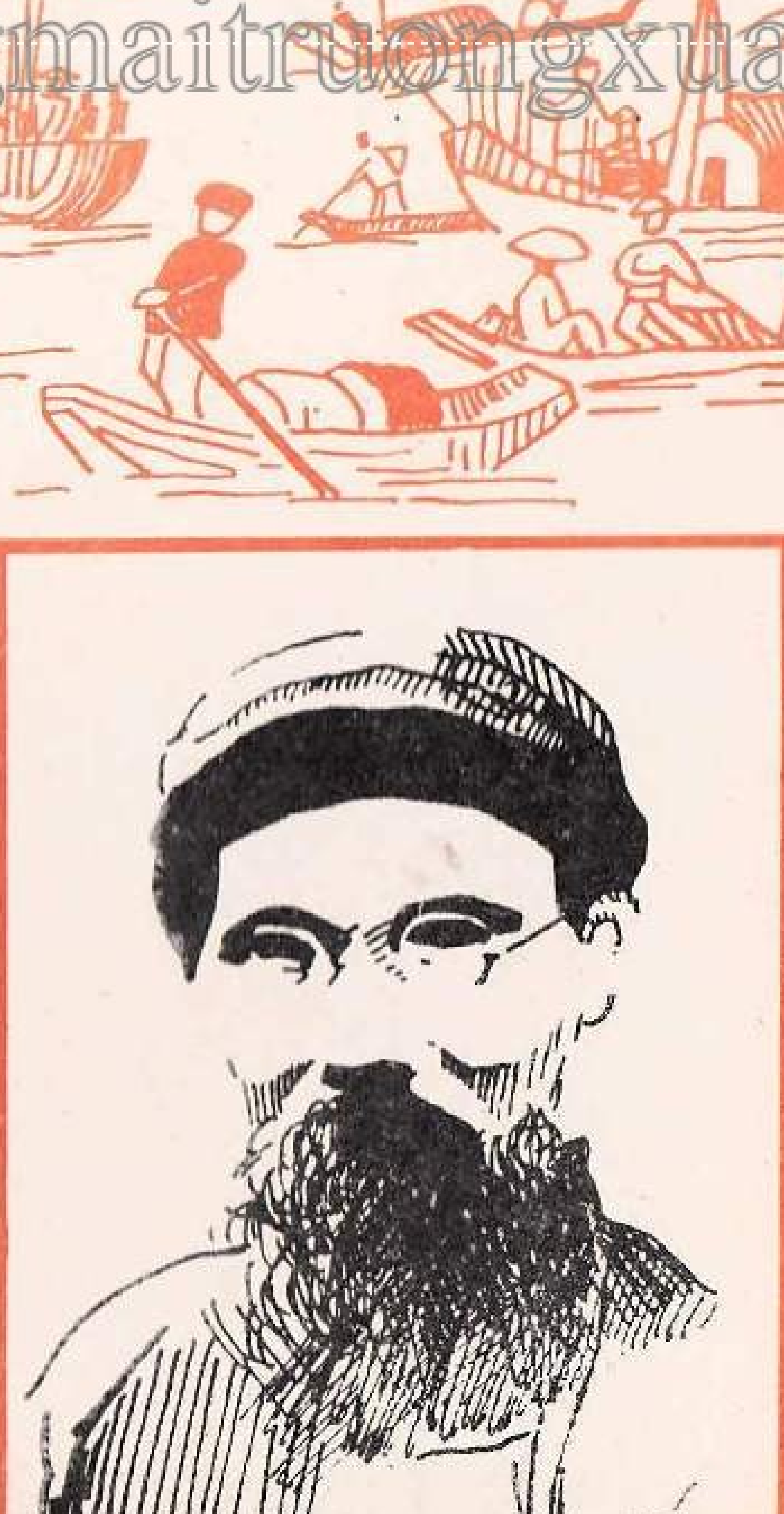

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐINH XUÂN LÂM - PHAN ĐẠI DOÃN - TRƯƠNG HỮU QUÝNH

LỊCH SỬ 8

ruongxua.vn

TẬP HAI
PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM

(Tái bản lần thứ 10)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc PHẠM VĂN AN
Tổng biên tập NGUYỄN NHƯ Ý

Biên tập lần đầu và tái bản :

LÊ ĐÌNH HÀ

Trình bày bìa :

PHẠM QUANG

Sửa bản in :

PHAN TƯ TRANG

Sắp chữ :

TRUNG TÂM CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

9(075) / GD - 99 767/131 - 98 Mã số : 2H806T9
thuongmaitr

CHƯƠNG I

XÃ HỘI VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XVI ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Bài 1

TÌNH HÌNH NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN (THẾ KỈ XVI - XVII)

ruongxua.vn

I - TÌNH HÌNH NHÀ LÊ VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN

1. Tình hình nhà Lê

Thời Lê Thánh Tông, chính quyền vững vàng, kinh tế ổn định, văn hóa khoa học có nhiều thành tựu đáng kể.

Nhưng sang thế kỉ XVI, Lê Uy Mục lên ngôi vua, suốt ngày rượu chè, khi say sai giết người hầu rượu làm trò vui. Người đương thời gọi Uy Mục là "vua quỷ". Uy Mục bỏ mặc triều chính cho cận thần. Bọn hoạn quan, ngoại thích(1) tập hợp xung quanh y, chống các quan văn võ, các công thần. Các phe phái mâu thuẫn, đánh nhau. Cảnh máu đổ, người chết rải khắp nơi từ Thanh Hóa đến Thăng Long.

---

(1) Hoạn quan là một loại quan chuyên hầu hạ vua chúa trong cung cấm; ngoại thích là người thuộc họ bên vợ vua.

Uy Mục bị giết, Tương Dực lên thay. Vừa lên ngôi, Tương Dực đã bắt nhân dân xây Đại Điện và Cửu Trùng Đài to lớn. Ngày ngày vua chỉ mải mê ăn chơi trụy lạc. Sử cũ ghi về Tương Dực : "Tướng hiếu dâm như tướng lợn, loạn vong không còn lâu nữa". Các phe phái vẫn tiếp tục đánh nhau. Cung đình càng rối loạn. Năm 1516, Tương Dực bị giết. Mấy vua nữa thay nhau kế vị, nhưng bất lực hoàn toàn, không điều khiển nổi triều chính. Nhà nước phong kiến Lê sơ đã đến lúc suy tàn.

? – Em hãy tóm tắt vài nét về chính quyền Lê sơ từ thời Uy Mục đến Tương Dực.

2. Đời sống nông dân

Sang thế kỉ XVI, bọn địa chủ và quan lại đã lấn chiếm nhiều ruộng đất công làng xã và của nông dân. Phép quân điền của nhà Lê không còn tác dụng tích cực. Người nghèo khổ chỉ nhận được ít ruộng xấu, còn kẻ giàu và bọn có thế lực trong làng được nhiều ruộng đất tốt hơn.

Mỗi triều vua mới lên là mỗi lần ruộng đất của làng xã bị cướp đoạt để ban cấp cho các quan lại và công thần mới. Bọn chúng còn tìm mọi cách vơ vét thêm nhiều của cải. Một viên quan cao cấp thời bấy giờ là Lương Đắc Bằng kể tội ác của triều đình như sau : "Thuế má thu đến tơ tóc, mà dùng của cải như bùn đất; bạo ngược như vua nhà Tần, coi nhân dân như cỏ rác". Công việc xây cung điện, đắp thành lũy, phu dịch nặng nề đã tiêu phí nhiều sức lực của nông dân. Nhân dân Thuận Hóa (Thừa Thiên – Huế) và Quảng Nam (từ Quảng Nam – Đà Nẵng đến Phú Yên – Khánh Hòa) xa xôi phải săn voi nộp cho triều đình, nếu không phải nộp vàng thay thế.

Hai công trình lớn nhất mà vua Tương Dực cho xây dựng là Đại Điện và Cửu Trùng Đài (đài 9 tầng) do Vũ Như Tô làm đốc công. Sử cũ ghi : "Mặt trước điện đào hồ thông với sông Tô Lịch để dẫn nước vào. Hồ ấy quanh co uốn khúc, mở cửa cống có thể cho thuyền nhẹ ra vào để rong chơi. Dân gian đau khổ, quân lính nhọc mệt. Thành đắp chưa xong lại phải khiêng đất lấp hồ. Có chỗ đã làm xong rồi lại thay đổi mấy năm không công. Quân lính đắp thành bị bệnh dịch chết đến một phần mười".

Trong lúc đó, nhà nước lại không chăm lo đến sản xuất nông nghiệp. Đê điều để mặc cho mưa nắng hủy hoại. Chính quyền cũng không tổ chức khai hoang, lập thêm làng xóm mới.

Đời sống nông dân gặp rất nhiều khó khăn, nặng nề nhất là trận đói cuối năm 1517. Sử cũ ghi :

"Nhân dân chết đói, thây nằm chồng chất lên nhau. Nhiều huyện thuộc hai trấn Hải Dương và Kinh Bắc (Bắc Ninh, Bắc Giang) nạn đói càng dữ hơn".

Gánh nặng thuế khóa, phu dịch, lại thêm thiên tai, đói kém, chiến tranh liên miên đã dẫn nền nông nghiệp đến chổ sa sút.

? – Em hãy nói nguyên nhân dẫn đến tình hình cực khổ của nông dân vào đầu thế kỉ XVI.

3. Phong trào nông dân

Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ, giữa nhân dân với nhà nước phong kiến trở nên gay gắt. Đầu năm 1511, *Trần Tuân* cầm đầu cuộc khởi nghĩa ở Sơn Tây. Nghĩa quân có đến hàng vạn người. Cuối năm đó, Trần Tuân kéo quân xuống uy hiếp kinh thành. Cả triều đình náo động, hoảng sợ phải dồn hết quân mới chống nổi cuộc khởi nghĩa này.

Khởi nghĩa Trần Tuân bị dập tắt, nhưng phong trào nông dân lan rộng khắp nơi, đỉnh cao nhất là khởi nghĩa của *Trần Cảo*. Đầu năm 1516, Cảo tự xưng là Đế Thích giáng sinh, nổi dậy ở Đông Triều (Quảng Ninh). Nghĩa quân cạo trọc đầu chỉ để ba chỏm tóc,

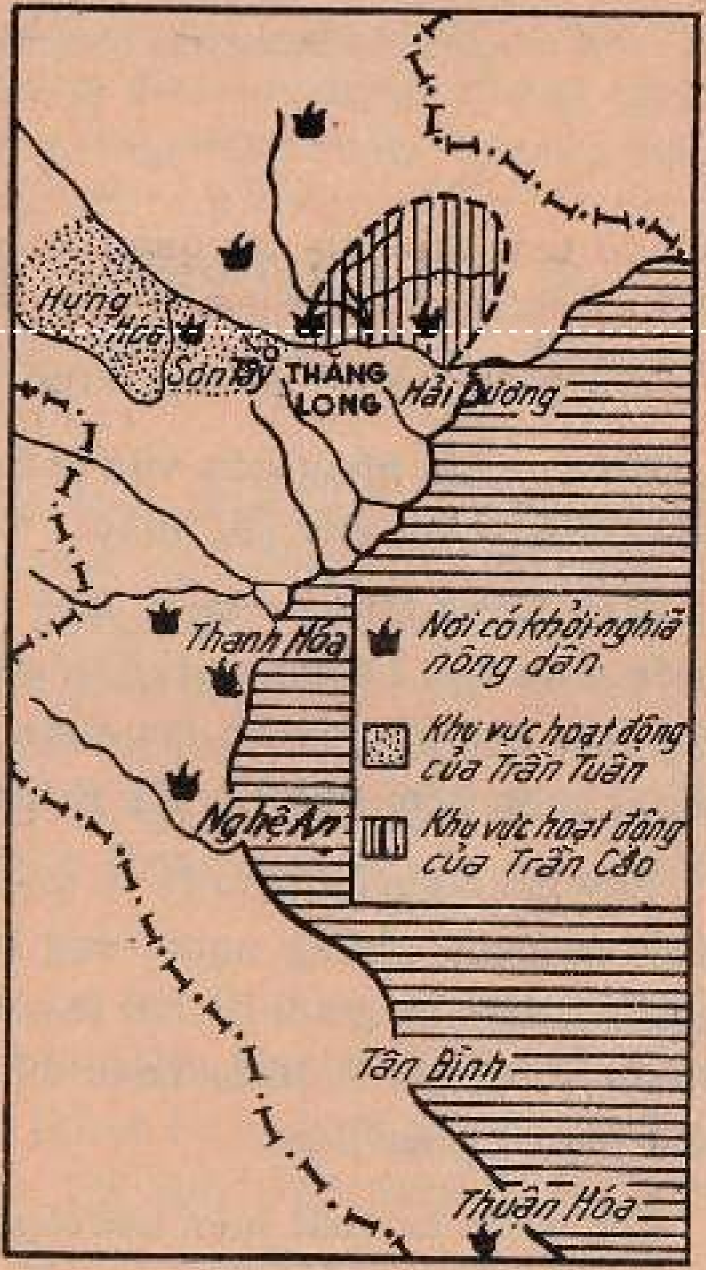

Hình 1 – Lược đồ phong trào nông dân khởi nghĩa thế kỉ XVI.

truongxua.vn

gọi là "quân ba chỏm". Cờ nghĩa kéo lên, nhân dân vùng Đông Bắc sôi nổi hưởng ứng. Từ căn cứ Đông Triều, nghĩa quân mở rộng kiểm soát cả trấn Hải Dương rồi tiến lên đánh chiếm Thăng Long. Triều đình nhà Lê phải vất vả lắm mới lấy lại được kinh thành. Sau đó, nghĩa quân còn hai lần uy hiếp Thăng Long. Đến năm 1521, khởi nghĩa Trần Cảo mới bị dập tắt.

Khởi nghĩa nông dân Trần Tuân, Trần Cảo và một số cuộc khởi nghĩa khác tuy thất bại nhưng đã giáng một đòn mãnh liệt vào nền thống trị của nhà Lê. Triều đình phong kiến Lê vì thế càng mau chóng sụp đổ.

?

1. Em hãy nói nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa nông dân thế kỉ XVI.

2. Chỉ trên lược đồ những điểm hoạt động của phong trào nông dân thời bấy giờ.

3. Ý nghĩa của phong trào nông dân thế kỉ XVI ?

II – CHIẾN TRANH PHONG KIẾN VÀ HẬU QUẢ

thuongmaitr

1. Chiến tranh phong kiến Nam Triều – Bắc Triều

Khởi nghĩa nông dân vừa chấm dứt, các phe phái phong kiến lại xung đột, chém giết lẫn nhau.

Mạc Đăng Dung vốn là một võ quan bình thường, biết lợi dụng triều đình nhà Lê đang bị phân chia thành nhiều bè phái, dựa vào bên này diệt bên kia rồi leo lên chức vụ tể tướng. Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, lập ra nhà Mạc.

Bấy giờ Nguyễn Kim là võ quan nhà Lê không chịu theo nhà Mạc. Kim đã cùng những người ủng hộ nhà Lê vào Thanh Hóa, lập một người thuộc dòng dõi Lê Lợi lên làm vua, lấy danh nghĩa "phù Lê diệt Mạc". Sử cũ gọi là Nam Triều để phân biệt với Bắc Triều (Triều đình nhà Mạc ở phía Bắc).

Đất nước ta xuất hiện hai tập đoàn phong kiến đối lập, đánh nhau liên miên. Dải đất từ Thanh – Nghệ ra Bắc hơn 50 năm đều có chiến trường. Nhiều nơi trên vùng hạ lưu sông Mã, sông Hồng khói lửa ngút trời, làng mạc điêu tàn, vắng lặng, cả Nam Triều và Bắc Triều đều ra

sức vơ vét người và của cải, đổ vào cuộc tranh chấp. Mãi đến năm 1592, Nam Triều mới chiếm được Thăng Long, tập đoàn họ Mạc chạy lên Cao Bằng. Chiến tranh Nam – Bắc Triều chấm dứt.

? – Nguyên nhân xảy ra chiến tranh Nam – Bắc Triều và tác hại của nó ?

2. Họ Nguyễn chiếm giữ vùng Thuận – Quảng. Chiến tranh Trịnh – Nguyễn

Nguyễn Kim chết, con rể là Trịnh Kiểm thay thế nắm giữ chính quyền. Trịnh Kiểm sợ mất địa vị, đã giết con cả Nguyễn Kim. Con thứ là Nguyễn Hoàng lo sợ đã tìm cách xin vào Thuận Hóa để thoát khỏi vòng kiểm soát của anh rể.

Nguyễn Hoàng là người nhiều mưu cơ, cai quản vùng Thuận Hóa từ năm 1558, sau kiêm luôn cả Quảng Nam. Nguyễn Hoàng và các con cháu của ông đều ra sức xây dựng vùng đất Thuận – Quảng thành cơ sở chiếm đóng lâu dài.

Thế kỉ XVI, họ Nguyễn còn cho người ra Thăng Long nộp cống. Nhưng từ đầu thế kỉ XVII, họ Nguyễn đắp lũy Thầy ở phía Nam sông Gianh, công khai đối địch lại họ Trịnh.

Mâu thuẫn quyết liệt giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh–Nguyễn bốc thành ngọn lửa chiến tranh. Từ năm 1627 đến năm 1672, hai bên đã đánh nhau 7 lần, có lần kéo dài hàng năm. Cả vùng Nghệ An và Bố Chính (Quảng Bình) là chiến trường ác liệt. Cuối cùng, cả hai đều mệt mỏi, phải lấy sông Gianh làm giới tuyến phân chia đất nước. Từ sông Gianh ra Bắc thuộc họ Trịnh gọi là *Đàng Ngoài*. Từ sông Gianh vào Nam thuộc họ Nguyễn gọi là *Đàng Trong*... Để thuận lòng người, cả hai đều dựa vào nhà Lê.

Ở Đàng Ngoài, từ năm 1595 về sau, Trịnh Tùng và các con cháu kế vị đều xưng vương. Nhân dân gọi là "chúa Trịnh". Họ Trịnh không cướp ngôi vua nhưng đã biến vua Lê thành bù nhìn để giữ danh nghĩa chính thống, chống lại các phe cánh đối lập. Trên thực tế họ Trịnh nắm toàn quyền thống trị.

Ở Đàng Trong, con cháu họ Nguyễn cũng thế tập nắm chính quyền. Nhân dân quen gọi là "chúa Nguyễn".

Tình trạng đất nước bị phân chia thành hai miền kéo dài đến cuối thế kỉ XVIII.

? – Em hãy nói về sự hình thành thế lực họ Nguyễn ở Đàng Trong.
– Chiến tranh Trịnh – Nguyễn đã dẫn đến hậu quả như thế nào ?

3. Tình hình đất nước

Chiến tranh Nam – Bắc Triều đã cản trở sự phát triển kinh tế nhà nước Lê sơ mục nát cùng với nạn bao chiếm ruộng đất của quan lại và địa chủ lại đẩy thêm nông dân vào cảnh thống khổ triền miên.

Trên vùng đất rộng lớn ở đồng bằng Thanh – Nghệ và Sơn Nam (Hà Nam, Nam Định, Thái Bình) nhiều xóm làng xơ xác, đồng ruộng hoang phế. Cảnh đói kém và lưu tán xảy ra ở nhiều nơi.

Cao Bằng vẫn là nơi cát cứ của họ Mạc. Cảnh khổ dịch, chia li vẫn còn được ghi lại trong câu ca dao quen thuộc :

"Cái cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non
Nàng về nuôi cái cùng con
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng".

thuongmaitr

Chiến tranh Nam – Bắc Triều vừa chấm dứt, chiến tranh Trịnh – Nguyễn kế tiếp luôn. Tai họa lại đè nặng lên nhân dân ta. Dân ở hai bên sông Gianh phải di chuyển đi nơi khác. Lũy Thầy ở phía Nam như bức thành phân chia đất nước.

"Khôn ngoan qua được Thanh Hà
Dẫu rằng có cánh khó qua Lũy Thầy".

Các cuộc chiến tranh phong kiến đã gây biết bao đau thương và tổn hại cho dân tộc ta.

? 1. Em hãy nói rõ hậu quả của sự phân chia đất nước (Nam Triều, Bắc Triều, Đàng Trong, Đàng Ngoài).

2. Em có nhận xét gì về tình hình chính trị, xã hội nước ta vào thế kỉ XVI – XVII (so sánh với thế kỉ XV).

Bài 2

TÌNH HÌNH KINH TẾ - VĂN HÓA (THẾ KỈ XVI - XVII)

I - TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Kinh tế nông nghiệp

Chính quyền họ Trịnh không lo xây dựng và củng cố đê điều, không tổ chức khai hoang ở Đàng Ngoài. Đồng bằng Sơn Nam (Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương) và Thanh – Nghệ diễn ra nhiều cuộc xung đột đổ máu làm cho sản xuất nông nghiệp bị phá hoại nghiêm trọng. Vì thế nông dân đói khổ thường xuyên.

Đàng Trong đất rộng dân thưa, có nhiều nơi chưa khai phá. Trong hai thế kỉ XVI – XVII, chính quyền họ Nguyễn tổ chức di dân khai hoang vùng Thuận – Quảng. Nhà nước cung cấp nông cụ, lương ăn trong nửa năm cho dân khai khẩn. Khi lập thành làng ấp, nhà nước không thu thuế mấy năm đầu. Ruộng đất mới khẩn hoang là của nhà nước. Người cày ruộng phải nộp tô thuế, đi phu, đi lính.

Có thể kể một biện pháp khai hoang của chính quyền họ Nguyễn : Năm 1648, chiến tranh Trịnh – Nguyễn xảy ra quyết liệt. Quân Nguyễn bắt được gần 3 vạn tù binh đưa tất cả vào vùng đất từ Quảng Nam đến Phú Yên khai khẩn. Cứ 50 người làm một ấp, được cấp nông cụ và lương thực trong nửa năm.

Riêng đất Thuận Hóa, nếu tính theo sử cũ, đầu thế kỉ XV có 5662 suất đinh và 7.100 mẫu ruộng, đến năm 1776 số đinh tăng lên 126.857 suất, số ruộng đất tăng lên 265.507 mẫu.

Nhờ chính sách khai hoang tích cực, vùng Thuận – Quảng diện tích canh tác được mở rộng nhiều, xóm làng mọc lên ngày càng đông đúc.

Trên vùng đất đồng bằng sông Cửu Long, trong thế kỉ XVII đã có những nhóm di dân người Việt vào làm ăn. Cuối thế kỉ này, họ Nguyễn lại khuyến khích nhà giàu bỏ tiền của thuê người khai khẩn lập ấp trại. Năm 1698, chúa Nguyễn sai Nguyễn Hữu Cảnh (cũng gọi là Kính) vào kinh lí phía Nam đặt Phủ Gia Định gồm 2 dinh Trấn Biên (các

tỉnh Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước) và Phiên Trấn (Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Sau đó Mĩ Tho và Hà Tiên (phần Tây Nam Bộ ngày nay) cũng sáp nhập vào phủ này. Đến giữa thế kỉ XVIII, miền đồng bằng sông Cửu Long có nhiều thôn xã mới được lập thêm.

Sự phát triển kinh tế nông nghiệp Đàng Trong dẫn đến sự hình thành một tầng lớp địa chủ. Nông dân lại bị tước đoạt ruộng đất, lâm vào cảnh nghèo khổ, bần cùng. Tuy nhiên, trong các thế kỉ XVI, XVII đến nửa đầu thế kỉ XVIII, chưa thấy có phong trào nông dân đấu tranh vì kinh tế nông nghiệp Đàng Trong còn đang phát triển.

? – Tại sao kinh tế nông nghiệp Đàng Trong cho đến nửa đầu thế kỉ XVIII còn có điều kiện phát triển ?

2. Thủ công nghiệp và thương nghiệp

Vào thế kỉ XVII và đầu thế kỉ XVIII, nước ta xuất hiện thêm nhiều làng thủ công nghiệp (dệt, gốm, rèn, sắt, đúc đồng, làm chiếu, khắc bản in...). Các làng gốm có Bát Tràng, Thổ Hà (Đàng Ngoài) ; các làng dệt có La Khê (Đàng Ngoài), Phú Châu, Long Phượng (Đàng Trong) ; các làng rèn sắt có Hoa Lâm, Hoa Chàng (Đàng Ngoài), Hiền Lương, Tam Thái (Đàng Trong)...

thuongmaitr

Nghề thủ công phát triển, thương nghiệp cũng được mở rộng. Hầu hết các huyện vùng đồng bằng và ven biển đều có *phố nhỏ* và nhiều *chợ phiên*. Một xã hay vài ba xã gần nhau, họp chợ phiên theo một số ngày quy định trong tháng. Còn phố nhỏ là nơi buôn bán thường xuyên hơn. Trên vùng đất Gia Định (đồng bằng sông Cửu Long) các phố nhỏ thường được gọi là *thị tứ*. Phố nhỏ và chợ phiên là những điểm thương nghiệp ở nông thôn, là nơi nông dân, thợ thủ công và thương nhân mua bán những sản phẩm cần thiết.

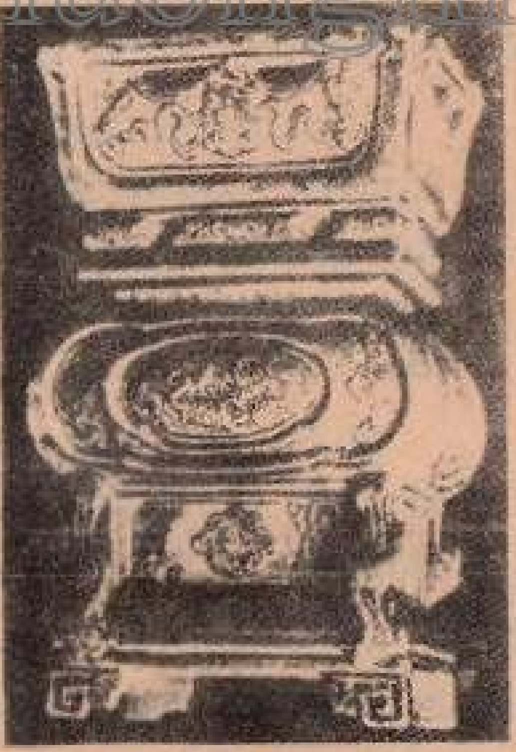

Hình 2 – Lư hương (gốm) thế kỉ XVI – XVII (Bát Tràng – Hà Nội)

? – Em hãy kể một số làng thủ công nghiệp ở Đàng Ngoài và Đàng Trong.

3. Thành thị

Ở thời kì này, nước ta xuất hiện thêm một số thành thị. Đàng Ngoài, ngoài Thăng Long có *Phố Hiến* (Hưng Yên). Người đương thời có câu : "Thứ nhất kinh kì, thứ nhì Phố Hiến" chỉ cảnh phồn thịnh của hai thành thị này.

Một người phương Tây từng ở Thăng Long vào cuối thế kỉ XVII có ghi lại : "Có nhiều phố xá rộng rãi, quang đãng. Các hàng hóa mỗi thứ bán ở một phố... Đặc biệt đông là ngày mồng một và ngày rằm âm lịch, nhân dân các làng lân cận đem hàng hóa đổ về nhiều không tưởng tượng được. Các phố vốn rộng nhưng khi ấy vẫn chậtních người".

Đàng Trong có *Thanh Hà, Hội An.*

Điểm nổi bật của nhiều thành thị thời bấy giờ là ngoại thương phát triển mạnh. Thương nhân châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ), châu Âu (Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Pháp) đến Phố Hiến, Hội An buôn bán tấp nập. Họ mở cửa hàng bán len, dạ, đồ pha lê; mua tơ tằm, trầm hương, ngà voi... Chúa Trịnh, chúa Nguyễn đều cho họ vào để lợi dụng mua vũ khí. Nhưng sau thấy họ vừa buôn bán vừa điều tra tình hình chính trị, xã hội phục vụ cho âm mưu xâm lược, nên các chúa lại hạn chế ngoại thương. Sang nửa sau thế kỉ XVIII, hai thành thị Phố Hiến, Thanh Hà suy tàn; Hội An có phần giảm sút.

? 1. Vì sao vào thế kỉ XVII trên đất nước ta lại xuất hiện một số thành thị ?

2. Em có nhận xét gì về vị trí địa lí của các thành thị ấy ?

II – ĐỜI SỐNG TINH THẦN

1. Tư tưởng, tôn giáo và hội làng

Vào các thế kỉ XVI, XVII, *Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo* vẫn được lưu hành.

Chính quyền vẫn đề cao Nho giáo, sử dụng Nho giáo làm nội dung học tập, thi cử để tuyển lựa quan lại. Phật giáo và Đạo giáo bị sút kém trong thế kỉ XV, nay lại phục hồi. Phần lớn các làng ở Đàng Ngoài

và Đàng Trong có chùa với nhiều sư sãi. Đạo giáo kém thế hơn, thường hòa lẫn vào Phật giáo bằng phương thuật mê tín.

Nửa sau thế kỉ XVI, trên đất nước ta bắt đầu xuất hiện đạo *Thiên Chúa*. Sang thế kỉ XVII, đạo này mở rộng hơn.

Đạo Thiên Chúa ra đời ở Rôma (I-ta-li-a). Vào giữa thế kỉ XVI, các giáo sĩ theo thuyền buôn phương Tây vào nước ta truyền bá đạo Thiên Chúa. Sang thế kỉ XVII, cùng với sự mở rộng mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản, họ càng hoạt động ráo riết. Họ là công cụ dọn đường cho sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản Tây Âu. Một giáo sĩ sau gần 30 năm truyền đạo đã tuyên bố : "Đây là một vị trí cần phải chiếm lấy và chiếm được vị trí này (chỉ nước ta) thì thương gia châu Âu sẽ tìm được một nguồn lợi nhuận và tài nguyên phong phú".

Đó là mục đích truyền đạo của các giáo sĩ phương Tây. Đạo này cũng không phù hợp với truyền thống tín ngưỡng cổ xưa như bỏ thờ cúng tổ tiên và các loại thần khác, nên chúa Trịnh và chúa Nguyễn đã ngăn cấm. Phần lớn nhân dân ta cũng không ưa thích. Nhưng các giáo sĩ vẫn lén lút hoạt động.

thuongmaitr

Ở nông thôn, nhân dân ta vẫn duy trì nếp sống tinh thần truyền thống của mình. Làng xã thờ thành hoàng và gia đình thờ tổ tiên. Hàng năm vào những ngày tết âm lịch, ngày tế lễ thành hoàng, ở vùng đồng bằng, làng nào cũng mở hội tại đình. Có làng mở hội chùa. Trong ngày hội, dân làng tổ chức biểu diễn văn nghệ như chèo, tuồng. Ở Kinh Bắc (Bắc Ninh, Bắc Giang) có hát Quan họ; ở Nghệ An có hát Dặm. Ngoài ra, nhân dân còn tổ chức các trò chơi như đánh vật, đua thuyền, thổi cơm thi, đấu cờ... Hội làng đã mang lại niềm vui, thắt chặt thêm tình đoàn kết thương yêu nhau giữa những người lao động ở thôn quê.

Mặc dầu cuộc sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhưng họ vẫn lạc quan. Điểm nổi bật nhất trong sinh hoạt tinh thần của người Việt Nam là lòng yêu nước và tình đoàn kết xóm làng. Đâu đâu nhân dân ta cũng lưu truyền câu ca :

"Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng".

?

- Em hãy nói rõ tình hình tôn giáo Nho, Phật và Thiên Chúa ở nước ta thế kỉ XVII.
- Em có cảm nghĩ gì về hội làng ở thôn quê ?

2. Chữ Quốc ngữ ra đời

Vào thế kỉ XVII, một số giáo sĩ phương Tây ở nước ta đã học tiếng Việt để truyền đạo và dùng chữ cái La tinh để ghi âm tiếng Việt. Từ đó, chữ Quốc ngữ bắt đầu xuất hiện.

> *Năm 1651, giáo sĩ A-lếch-xăng đờ Rốt cho xuất bản ở Rôma (I-ta-li-a) quyển* Từ điển Việt – Bồ–La tinh *và một quyển giáo lí sơ lược. Việc sáng tạo ra chữ Quốc ngữ bằng cách dùng chữ cái La tinh ghi âm tiếng Việt là một quá trình và là công trình của nhiều giáo sĩ phương Tây hợp tác với nhiều người Việt Nam.*

Các giáo sĩ phương Tây ghi âm Việt bằng chữ La tinh với mục đích là làm công cụ truyền bá đạo Thiên Chúa. Trong thời gian dài, chữ quốc ngữ chỉ được lưu hành trong giới truyền đạo, hoàn toàn không có tác dụng gì đối với sự phát triển của văn hóa dân tộc.

Tuy nhiên, chữ Quốc ngữ là thứ chữ viết tiện lợi, khoa học. Chữ Quốc ngữ ra đời là hiện tượng tiến bộ. Nhưng giai cấp phong kiến thống trị với thái độ bảo thủ đã không biết sử dụng chữ quốc ngữ để xây dựng chữ viết cho nền văn hóa dân tộc.

?

- Chữ Quốc ngữ ra đời trong hoàn cảnh nào ?
- Tại sao chữ Quốc ngữ trong thời gian dài không được sử dụng ?

III – NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HỌC VÀ NGHỆ THUẬT

1. Văn học

Ngôi sao sáng trong nền văn học nước ta thế kỉ XVI – XVII là *Nguyễn Bỉnh Khiêm*. Ông là nhà văn, nhà tư tưởng có tấm lòng cao

thượng muốn "lo trước những việc lo của thiên hạ", muốn đem hết khả năng của mình phục vụ cho đời. Nhưng chí hướng không thành, ông lui về quê dạy học. Sáng tác của ông còn lại ngày nay là bộ *Bạch Vân Am thi văn tập*. Thơ văn ông ca ngợi cuộc sống trong sạch, phê phán thói đời xấu xa bị đồng tiền làm vẩn đục.

Nguyễn Bỉnh Khiêm người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (Hải Phòng, hiệu là Bạch Vân, đậu trạng nguyên, đã nhiều năm làm quan cho nhà Mạc. Vua Mạc phong ông là Trình quận công, người đời quen gọi là Trạng Trình.

Sau Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Dữ là nhà văn nổi tiếng. Tác phẩm của ông để lại có tập truyện ngắn *Truyền kì mạn lục* (ghi chép tản mạn những chuyện lạ lưu truyền), Phùng Khắc Khoan cũng là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thơ Nôm.

Đàng Trong có Đào Duy Từ là nhà văn, nhà quân sự có tài. Ông là cánh tay đắc lực của chúa Nguyễn. Nguyễn Hữu Hào và Nguyễn Cư Trinh cũng sáng tác nhiều thơ Nôm.

Văn học thời kì này đã phản ánh nỗi khổ cực của các tầng lớp nhân dân và sự thối nát của quan lại phong kiến. Sáng tác thơ viết bằng chữ Nôm ngày càng nhiều, có cả những truyện Nôm như bộ *Thiên Nam ngữ lục* (diễn ca lịch sử) dài hơn 8000 câu rất có giá trị.

Thơ ca dân gian phát triển mạnh. Một số truyện được khởi thảo và lưu truyền như *Quan Âm Thị Kính*. Thế kỉ XVII đã xuất hiện truyện cười, truyện Trạng. Truyện Trạng Lợn, tác phẩm dân gian tiêu biểu, vạch mặt bọn quan lại đương thời chẳng qua là bọn ngu dốt nhờ vào số may mà thăng quan tiến chức, leo lên địa vị thống trị.

Thể thơ lục bát đã phát triển hoàn chỉnh, có khả năng diễn đạt phong phú đời sống tình cảm của người Việt Nam. Thể thơ lục bát được dùng phổ biến trong ca dao, trong truyện kể.

? – Em hãy kể lại những nhà văn và những tác phẩm tiêu biểu ở thế kỉ XVI-XVII.

– Em hãy giới thiệu nội dung một tác phẩm văn học thời kì này.

thuongmaitr

2. Nghệ thuật

Nghệ thuật dân gian Việt Nam vốn có lịch sử lâu đời đến thế kỉ XVII lại phát triển mạnh mẽ. Điêu khắc gỗ dân gian trong các đình, chùa rất phong phú thường diễn tả những cảnh sinh hoạt thường ngày ở nông thôn như chèo thuyền, đấu vật, chọi gà, đi cày, đánh cờ, săn bắn... Nét chạm trổ không tỉ mỉ, tinh vi mà đơn giản dứt khoát. Công trình điêu khắc nổi tiếng bậc nhất thời bấy giờ là tượng Phật bà nghìn tay nghìn mắt ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh). Tượng Phật bà nghìn tay nghìn mắt được tạc vào năm 1656. Trên bức tượng, các cánh tay to

Hình 3 – Phật bà nghìn tay nghìn mắt (tượng gỗ) ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh)

ruongxua.vn

xòe ra uyển chuyển như động tác múa và những bàn tay nhỏ sắp xếp như ánh hào quang tỏa ra xung quanh. Bức tượng có vẻ đẹp tự nhiên mềm mại.

Nghệ thuật sân khấu cũng đa dạng và phong phú. Khắp nông thôn, Đàng Ngoài và Đàng Trong, đâu cũng có gánh hát. Nhiều khách nước ngoài đến nước ta còn được xem biểu diễn *múa trên dây, múa đèn*. Nội dung của các vở *chèo, tuồng, hát ả đào* phản ánh cảnh đấu tranh chống gian nịnh, phản ánh cảnh sinh hoạt gian khổ của nông dân nhưng tin tưởng ở chính nghĩa và đậm đà tình thương yêu con người. Văn học và nghệ thuật dân gian thế kỉ XVII đang vươn lên mạnh mẽ và khác biệt, đối lập với văn hóa cung đình.

?

1. Trình bày sự phát triển phong phú và đa dạng của các loại hình nghệ thuật (điêu khắc, sân khấu).
2. Vì sao nghệ thuật dân gian thời kì này lại có sự phát triển cao ?
3. Em hãy lập bảng tóm tắt tình hình kinh tế và văn hóa nước ta thế kỉ XVI – XVII. Có những điểm gì mới ?

thuongmaitı

Bài 3

KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN Ở ĐÀNG NGOÀI

1. Tình trạng chính quyền họ Trịnh và đời sống nhân dân

Nửa sau thế kỉ XVIII, chính quyền phong kiến Đàng Ngoài đã mục nát đến cực độ. Vua Lê chỉ là cái bóng mờ nhạt trong cung cấm. Trịnh Giang làm chúa, bày ra hội hè, yến tiệc quanh năm, phung phí rất nhiều tiền của. Y còn cho xây dựng nhiều chùa chiền to lớn, có ngôi chùa phải điều động dân phu vài huyện. Trịnh Doanh thay thế, cố chấn chỉnh bộ máy chính quyền, nhưng sang thời Trịnh Sâm lại mục nát hơn. Sâm không lưu ý đến đê điều, không tổ chức khai hoang, lại lún sâu vào vũng bùn ăn chơi hưởng lạc. Quan lại các cấp và binh lính ra sức hoành hành đục khoét nhân dân.

Sau đây là một cảnh ăn chơi của chúa Trịnh được ghi lại trong sách Vũ Trung tùy bút *(Ghi chép trong mưa) : "Mỗi tháng, ba bốn lần chúa ngự chơi cung Thúy Liên trên bờ hồ Tây. Binh lính đứng vòng quanh bốn mặt hồ, các kẻ nội thần đều bịt khăn, bày hàng bách hóa chung quanh bờ hồ để bán".*

Còn bọn hoạn quan trong triều đình và phủ chúa có đến bốn năm trăm. Chúng "ngạo mạn, hách dịch, phi lí đến nỗi, mọi người đều căm ghét, ghê tởm cũng như kinh sợ chúng."

Kinh tế Đàng Ngoài sút kém nghiêm trọng. Hạn, lụt, mất mùa xẩy ra liên tiếp. Đê sông Hồng, đê sông Mã nhiều năm bị vỡ khiến hàng chục huyện bị ngập, nhà cửa bị trôi dạt, người chết, lúa mất trắng. Mặt khác, thuế má lại nặng nề, công thương nghiệp sa sút. Chợ, phố điêu tàn.

Nhà sử học Phan Huy Chú có viết : "Sự trưng thu quá mức đến nỗi trở thành bần cùng mà bỏ cả nghề nghiệp. Có người vì thuế sơn mà chặt cả cây sơn, vì thuế vải lụa mà phá khung cửi, vì thu cá tôm mà phải xé chài lưới..."

Vào những năm 40 của thế kỉ XVIII, nông dân Đàng Ngoài thực vô cùng khốn khổ. Nạn phiêu tán và chết đói xảy ra khắp nơi và kéo dài. Nạn đói năm 1740 kéo dài đến năm 1741 khủng khiếp nhất. Sử cũ ghi : "Trấn Hải Dương (Hải Dương, Hưng Yên và Hải Phòng) người chết đói ngổn ngang, sống sót không còn một phần mười".

Hàng chục vạn nông dân bị chết trong cảnh thê thảm. Những người sống sót cũng kiệt sức phải lìa bỏ làng quê phiêu tán khắp nơi. Nỗi thống khổ và lòng bất bình với chính quyền phong kiến đã thúc đẩy họ vùng dậy đấu tranh giành quyền sống.

?

– Nguyên nhân và những biểu hiện của đời sống cực khổ của nông dân Đàng Ngoài giữa thế kỉ XVIII.

2. Phong trào nông dân Đàng Ngoài giữa thế kỉ XVIII

Khởi đầu của phong trào nông dân Đàng Ngoài là *khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng* ở Sơn Tây vào năm 1737. Từ năm 1739 trở đi, phong trào nổi lên khắp các trấn đồng bằng và Thanh – Nghệ.

Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu. Nguyễn Hữu Cầu còn gọi là *quận He*, cầm đầu phong trào nông dân Hải Dương. Khẩu hiệu "lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo" được giương cao, nông dân hưởng ứng nhiệt liệt.

Quận He lấy Đồ Sơn (Hải Phòng) làm căn cứ tập hợp lực lượng. Bị quân Trịnh tiến đánh, ông chuyển lên Kinh Bắc, rồi xuống Sơn Nam, vào Thanh Hóa, Nghệ An. Đi đâu, ông cũng được người người tin phục. Có lần bị bao vây ngặt nghèo, một mình một ngựa vượt vòng vây, mấy ngày sau lại có hàng vạn người theo. Đầu năm 1751, Nguyễn Hữu Cầu bị bắt và bị xử tử.

Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu, với mười năm hoạt động ở đồng bằng sông Hồng, là đối thủ kiên quyết nhất, dũng mãnh nhất của triều đình họ Trịnh.

Khởi nghĩa Hoàng Công Chất. Năm 1740, Hoàng Công Chất cầm đầu phong trào nông dân Sơn Nam. Ông cũng hành động "lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo", tập hợp được đông đảo nghĩa quân.

thuongmaitr

Sau một thời gian hoạt động, Hoàng Công Chất chuyển lên Tây Bắc. Ông lấy Mường Thanh (Lai Châu) làm căn cứ chính, xây thành Bản Phủ. Ông được nhân dân các dân tộc thiểu số ủng hộ hết lòng, thu hồi lại nhiều vùng đất biên giới bị bọn quan lại Trung Quốc lấn chiếm. Cuộc sống của nhiều bản mường ổn định.

Ngày nay, nhân dân Mường Thanh còn lưu truyền bài ca ca ngợi Hoàng Công Chất :

"Dưới xuôi có vua,
Trên này có chúa
... Chúa thật lòng yêu dân
Chúa xây dựng bản mường
Mọi người được yên ổn làm ăn
... Nghe chăng tiếng hát của quân Then Chất
Ngân vang khắp Mường Thanh bao la"

Năm 1769, cuộc khởi nghĩa này bị dập tắt.

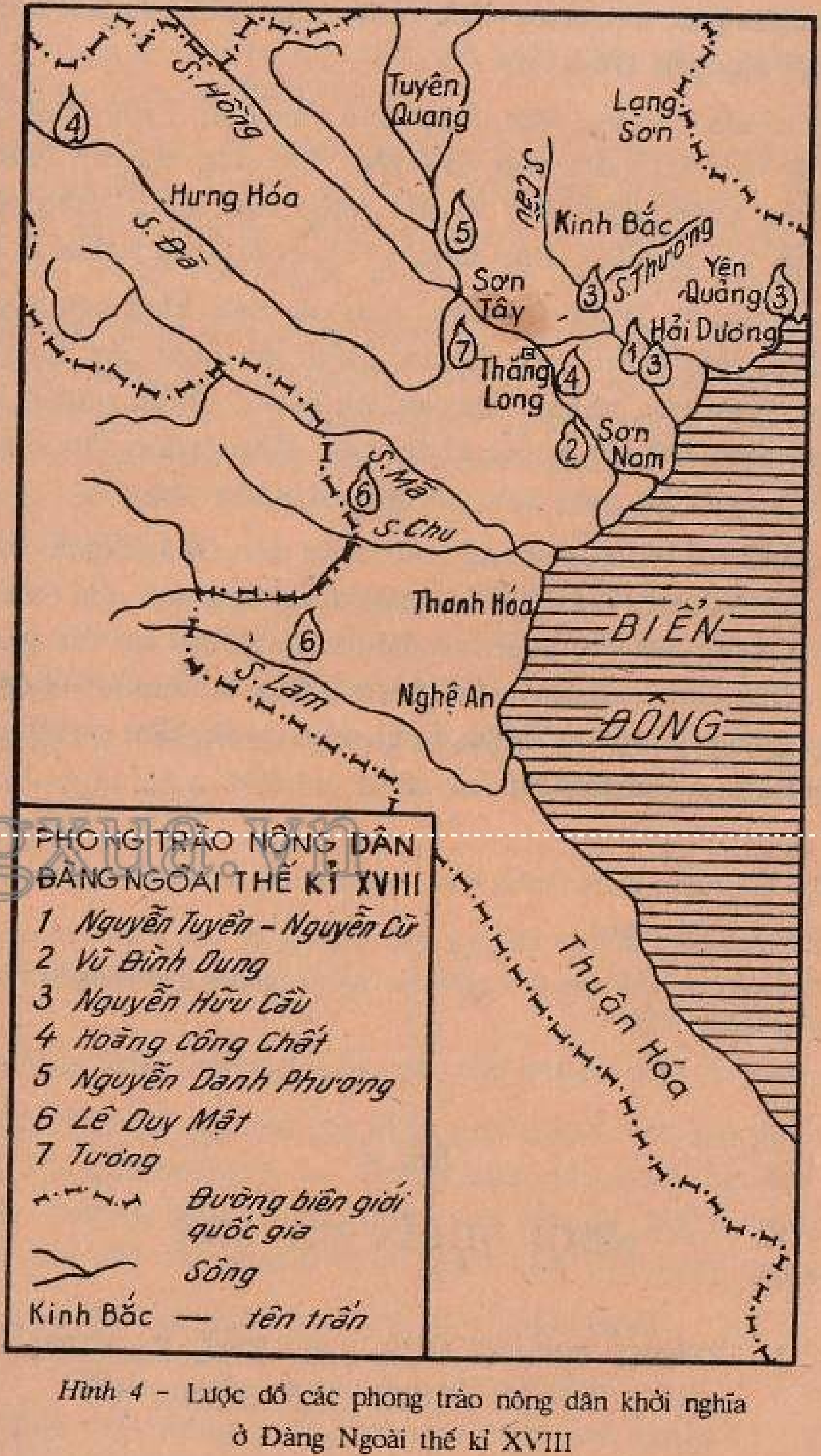

Hình 4 – Lược đồ các phong trào nông dân khởi nghĩa ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII

truongxua.vn

* ***Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương.*** Khởi đầu từ năm 1740, Nguyễn Danh Phương lấy Tam Đảo (Vĩnh Phúc) làm căn cứ xây dựng phong trào rồi mở rộng hoạt động khắp các trấn Sơn Tây, Tuyên Quang

như "một địch quốc của triều đình". Đầu năm 1751, ông bị xử tử cùng một lúc với Nguyễn Hữu Cầu.

* *Khởi nghĩa Lê Duy Mật.* Khởi đầu vào năm 1739, ông lấy miền Tây Thanh Hóa làm địa bàn chủ yếu. Sau ông chuyển căn cứ vào Trình Quang (Tây Nghệ An) và mở rộng hoạt động khắp miền Tây Nghệ An và Thanh Hóa. Đầu năm 1771, cuộc khởi nghĩa bị dập tắt.

Chính quyền họ Trịnh đã nhấn chìm các cuộc khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài trong biển máu. Nhược điểm lớn nhất của các cuộc đấu tranh này là rời rạc, không liên kết với nhau. Chính quyền họ Trịnh đã lợi dụng, tiêu diệt từng cuộc khởi nghĩa. Chúng đến đâu cũng khủng bố khốc liệt, triệt hạ làng mạc và tàn sát nhân dân.

Tuy bị thất bại, nhưng phong trào nhân dân Đàng Ngoài có ý nghĩa lịch sử to lớn. Xương máu nghĩa quân đổ xuống làm cho chính quyền họ Trịnh bị lung lay suy yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào nông dân Tây Sơn sau này thu được thắng lợi nhanh chóng. Đồng thời, phong trào cũng thể hiện ý chí đấu tranh kiên quyết chống áp bức bóc lột của nhân dân ta.

thuongmaitr

?

1. Em hãy tường thuật những hoạt động của các cuộc khởi nghĩa nông dân tiêu biểu ở Đàng Ngoài.
2. Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của phong trào nông dân Đàng Ngoài giữa thế kỉ XVIII.

Bài 4

KHỞI NGHĨA TÂY SƠN

I – ĐÀNG TRONG NỬA SAU THẾ KỈ XVIII. KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN BÙNG NỔ

1. Tình hình xã hội

Nửa sau thế kỉ XVIII, việc mua bán quan chức khá phổ biến, số quan lại ở Đàng Trong rất đông, đặc biệt là ngạch thu thuế và bộ phận

quan chức ở huyện, xã. Thậm chí có nơi, một xã có đến hàng chục xã trưởng. Chúng là bọn cường hào, kết thành bè cánh, đàn áp và bóc lột nhân dân vô cùng thậm tệ.

Trong triều đình, tập đoàn Trương Phúc Loan nắm hết quyền hành, Loan tự xưng là quốc phó, giết hại những kẻ chống đối. Loan là tiêu biểu của sự tham nhũng, "vàng bạc, châu báu, gấm vóc chứa đầy nhà, ruộng vườn, tôi tớ, trâu ngựa, không biết bao nhiêu mà kể".

Ngược lại, nông dân ngày càng cơ cực. Ruộng đất công làng xã phần lớn bị cường hào lấn chiếm. Ruộng tư của nông dân vốn rất ít, lại bị địa chủ cướp đoạt. Nhân dân đồng bằng chịu thuế khóa nặng nề, bị bóc lột gay gắt, phải làm phu phen xây dựng cung điện, thành lũy. Nhân dân miền núi phải nộp các thứ lâm thổ sản như ngà voi, sừng tê, mật ong v.v...

Nhà bác học Lê Quý Đôn (thế kỉ XVIII) có nhận xét : "Mỗi năm có hàng trăm thứ thuế, mà trưng thu thì phiền phức, gian lận, nhân dân khốn khổ về nỗi một cổ hai tròng".

Các tầng lớp nông dân, thương nhân, đồng bào miền núi phải sống trong cảnh ngột ngạt. Nỗi bất bình oán giận chính quyền họ Nguyễn ngày càng bốc cao.

uongxua.vn

? – Em hãy trình bày những biểu hiện suy yếu và mục nát của chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong.

2. Phong trào chàng Lía và các cuộc đấu tranh khác

Lía xuất thân trong một gia đình nghèo khổ, lớn lên phải đi ở cho nhà giàu. Lía giỏi võ nghệ, lại ngang tàng, khí khái. Lía tập hợp dân nghèo, lấy Truông Mây (Bình Định) làm căn cứ. Nghĩa quân lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo được nhân dân nhiều nơi quy phục.

Vè kể chuyện Lía được lưu truyền ở Bình Định :

"... *Vào buồng nai nịt quân nhung*
Lên yên thẳng xuống trùng trùng rình rang(1)
Lâu la(2) *kén đủ trăm ngàn*

(1) Chỉ khí thế đàng hoàng nghênh chiến.
(2) Lâu la ở đây là nghĩa quân.

Thình lình cướp trại đánh ngang quân triều
Quân binh đang lúc bao vây
Chợt đâu bị đánh, xiết bao hãi hùng
Kéo quân mà chạy rùng rùng
Bốn bề hỗn loạn, vô cùng rối ren".

Khởi nghĩa của Lía bị dập tắt, nhưng hình ảnh của Lía hào hùng vẫn đọng lại trong lòng nhân dân miền Trung :

"Chiều chiều én liệng Truông Mây
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành"

Ngoài ra còn có các cuộc khởi nghĩa của người H're ở miền núi Quảng Ngãi, người Chăm ở Thuận Thành (Bình Thuận), của thương nhân và thợ thủ công ở Đông Phố (Đồng Nai).

Các cuộc khởi nghĩa trên xảy ra trong một phạm vi nhỏ hẹp, đều bị thất bại nhanh chóng, nhưng đã nêu cao tinh thần đấu tranh chống chính quyền họ Nguyễn.

? – Em hãy trình bày về các cuộc khởi nghĩa ở Đàng Trong và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa này ?

thuongmaitr

3. Anh em Nguyễn Nhạc lập căn cứ Tây Sơn

Mùa xuân năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lên vùng Tây Sơn thượng đạo (An Khê thuộc Gia Lai) lập căn cứ, dựng phong trào chống chính quyền họ Nguyễn.

Anh em Nguyễn Nhạc quê ở ấp Kiên Thành, huyện Phù Li (nay là xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Kiên Thành và vùng xung quanh xưa kia gọi là Tây Sơn hạ đạo.

Tổ bốn đời của Nguyễn Nhạc vốn người Nghệ An. Giữa thế kỉ XVII, một lần quân Nguyễn tiến ra lưu vực sông Lam, bắt nhiều nông dân,trong đó có tổ tiên Nguyễn Nhạc,đưa vào vùng An Khê (Gia Lai) khai khẩn. Qua mấy đời, đến cha của Nguyễn Nhạc mới dời xuống ấp Kiên Thành. Cả ba anh em đều được đi học.

Trên Tây Sơn thượng đạo, anh em Nguyễn Nhạc được nhân dân Ba–na ủng hộ lương thực, voi ngựa. Nguyễn Nhạc còn xây thành lũy, lập kho tàng, huấn luyện nghĩa quân.

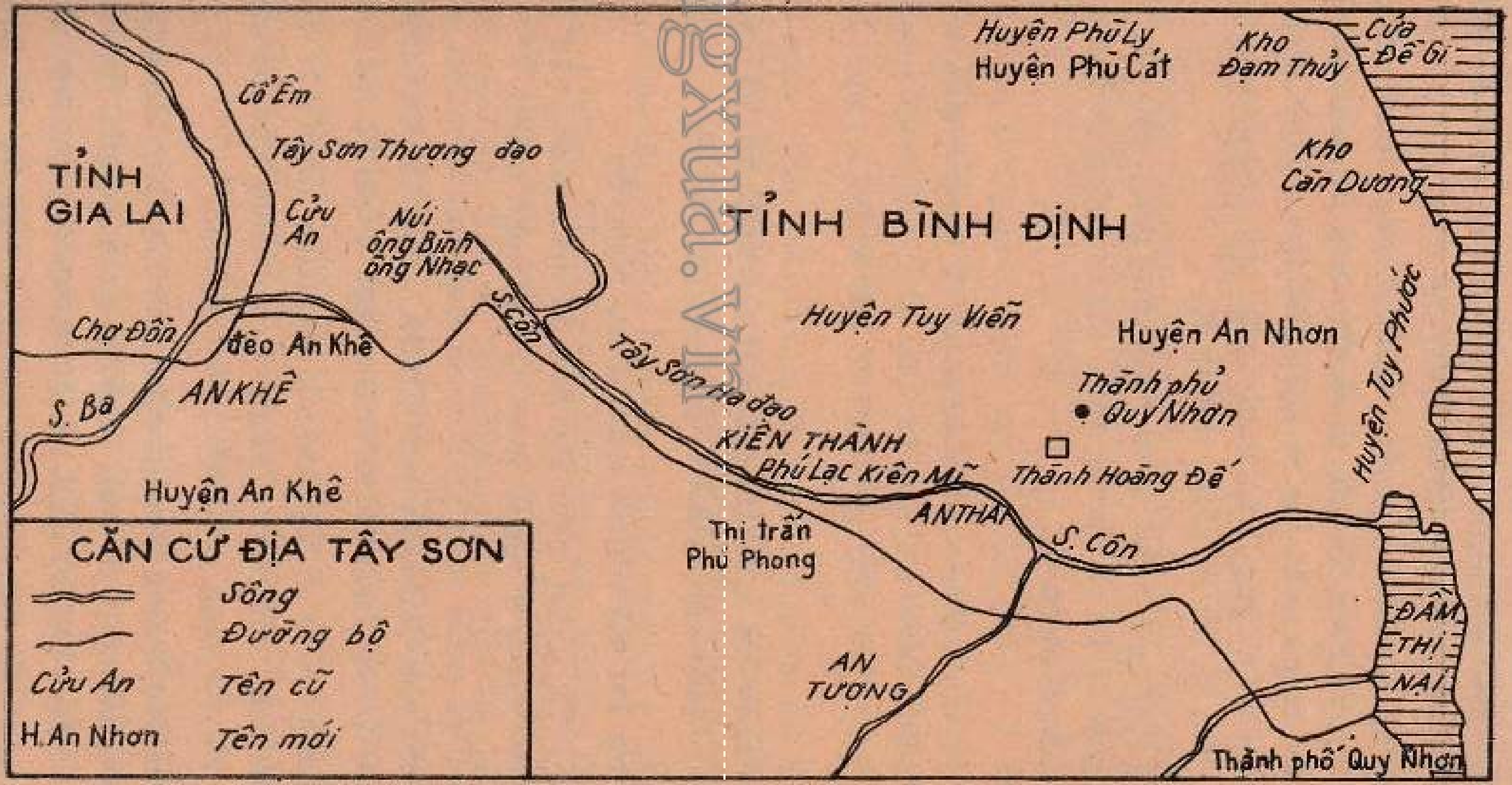

Hình 5 - Căn cứ địa Tây Sơn

uongxua.vn

Trên đất huyện An Khê hiện nay còn vết tích các thành lũy buổi đầu của nghĩa quân Tây Sơn như lũy An Khê, thành đất trên núi Ông Nhạc, núi Ông Bình.

Khi lực lượng đã mạnh, Nguyễn Nhạc mở rộng căn cứ xuống đồng bằng, lấy làng quê Kiên Thành, thuộc Tây Sơn hạ đạo làm đại bản doanh. Từ đây, nghĩa quân tỏa ra khắp phủ Quy Nhơn (Bình Định). Đến đâu, nghĩa quân cũng "lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo", xóa nợ cho nông dân và bãi bỏ nhiều thứ thuế.

Lực lượng tham gia nghĩa quân ngày càng đông, chủ yếu là nông dân nghèo, ngoài ra còn có thương nhân, thợ thủ công, đồng bào Chăm và đồng bào Tây Nguyên.

?

1. Anh em Nguyễn Nhạc đã xây dựng căn cứ Tây Sơn thượng đạo và Tây Sơn hạ đạo như thế nào ?
2. Em hãy nói rõ các thành phần tham gia nghĩa quân.

II – TÂY SƠN LẬT ĐỔ CHÍNH QUYỀN NGUYỄN, TRỊNH VÀ ĐÁNH TAN QUÂN XIÊM

thuongmaitr

1. Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Nguyễn

Đầu năm 1773, nghĩa quân Tây Sơn đã kiểm soát phần lớn phủ Quy Nhơn. Đầu tháng 9, nghĩa quân hạ được phủ thành.

Giữa năm 1774, nghĩa quân Tây Sơn mở rộng vùng kiểm soát, phía Bắc đến Quảng Nam, phía Nam đến Bình Thuận. Vùng đất của chính quyền họ Nguyễn chỉ còn lại Thuận Hóa và Gia Định (Nam Bộ ngày nay).

Biết tin Đàng Trong có Tây Sơn nổi dậy, chúa Trịnh liền phái mấy vạn quân vào đánh chiếm Phú Xuân (Huế). Chúa Nguyễn chạy vào Quảng Nam rồi vội vàng vượt biển vào Gia Định.

Quân Trịnh vào Quảng Nam, đụng độ với Tây Sơn. Tây Sơn bị dồn vào thế bất lợi : Bắc có quân Trịnh, Nam còn quân Nguyễn. Nguyễn Nhạc phải tạm hòa hoãn với quân Trịnh để tập trung lực lượng đánh Nguyễn.

Tạm yên mặt Bắc, Tây Sơn dốc sức đánh Nguyễn. Từ năm 1776 đến năm 1783, nghĩa quân đã 4 lần đánh vào Gia Định, lần nào cũng

chiến thắng. Mạnh mẽ nhất là lần tiến quân năm 1777, Tây Sơn bắt giết được chúa Nguyễn, chỉ còn lại Nguyễn Ánh chạy thoát. *Chế độ thống trị của tập đoàn họ Nguyễn đến đây bị đánh đổ.*

? – Tại sao Nguyễn Nhạc lại phải hòa hoãn với quân Trịnh ?

2. Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút

Cùng đường, Nguyễn Ánh chạy sang Xiêm sống nhờ và xin quân cứu viện. Vua Xiêm nhân cơ hội được Nguyễn Ánh dẫn đường vội điều động quân sang xâm lược nước ta.

Giữa năm 1784, quân Xiêm kéo vào Gia Định : 2 vạn quân thủy đổ bộ lên Kiên Giang, 3 vạn quân bộ xuyên qua Chân Lạp tiến vào Trấn Giang (Cần Thơ). Lúc đầu thế giặc còn mạnh, quân Tây Sơn vừa chống cự vừa rút lui về Sài Gòn để bảo toàn lực lượng.

Cuối năm 1784, quân Xiêm đã chiếm cả miền Tây Gia Định (các tỉnh miền Tây Nam Bộ). Giặc hung bạo tàn sát nhân dân, triệt hạ làng mạc, vơ vét của cải, bắt phụ nữ và trẻ em đem về Xiêm. Chúng gây bao nhiêu tội ác khiến Nguyễn Ánh cũng phải lo ngại.

Tháng 1 năm 1785, Nguyễn Huệ tiến quân vào Gia Định. Vị tướng trẻ 32 tuổi này chọn khúc sông Tiền từ Rạch Gầm đến Xoài Mút (thuộc huyện Châu Thành, Tiền Giang) làm trận địa quyết chiến.

Đây là vùng sông nước hiểm yếu. Từ Rạch Gầm đến Xoài Mút dài khoảng 7 km, rộng hơn 1 km, có chỗ đến gần 2 km. Hai bên bờ sông cây cối rậm rạp, giữa dòng có cù lao Thới Sơn. Địa hình thuận lợi cho việc đặt phục binh. Địch từ phía Trà Lọt theo dòng nước tiến xuống Mĩ Tho, đại bản doanh của quân Tây Sơn.

Sáng ngày 19 tháng giêng, quân Xiêm lọt vào trận địa phục kích của Nguyễn Huệ. Thủy binh ta từ Rạch Gầm và Xoài Mút, từ cù lao Thới Sơn xông vào đội hình hành quân của địch, tận lực chiến đấu. Quân địch bị tiêu diệt gần hết. Số còn lại theo đường bộ chạy về nước. Nguyễn Ánh thoát chết, cố bám gót quân bại trận, lưu vong sang Xiêm.

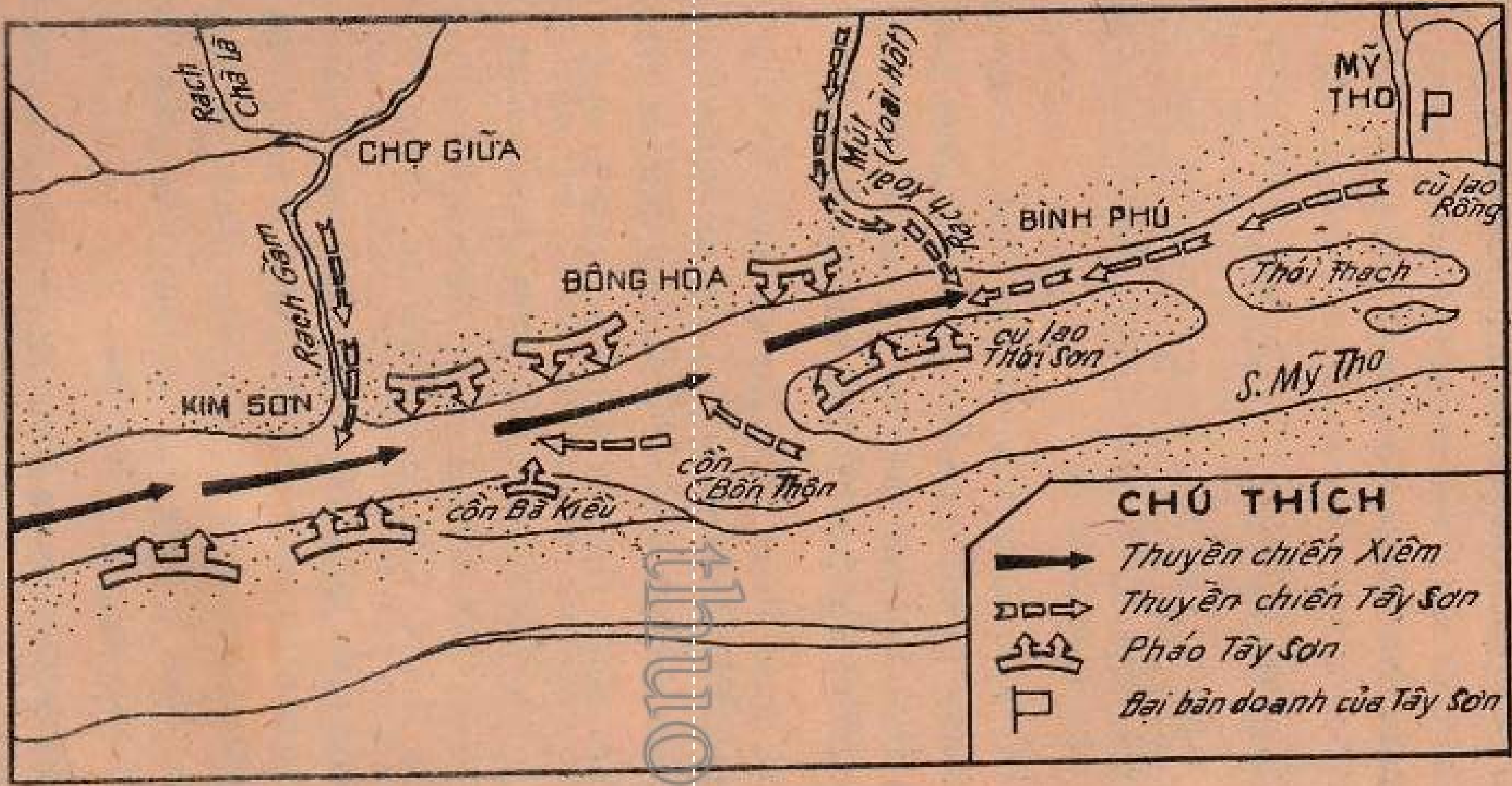

Hình 6 – Lược đồ chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút (19–1–1785)

Trận Rạch Gầm – Xoài Mút là chiến thắng lừng lẫy của nghĩa quân Tây Sơn, đã đập tan âm mưu xâm lược của phong kiến Xiêm và trừng trị thích đáng hành động bán nước của Nguyễn Ánh. Sử cũ nhà Nguyễn cũng ghi nhận : "Từ đấy quân Xiêm ngoài miệng tuy nói khoác, nhưng trong lòng thì sợ quân Tây Sơn như sợ cọp".

? – Bằng lược đồ, em hãy nói rõ diễn biến của chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút.

– Ý nghĩa của chiến thắng này ?

3. Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh và nhà Lê, lập lại nền thống nhất đất nước

Bấy giờ ở Đàng Ngoài, chính quyền họ Trịnh đang đổ nát. Sau khi Trịnh Sâm chết, các phe phái quan lại mâu thuẫn và xung đột gay gắt. Mùa hè năm 1786, Nguyễn Huệ tiến quân vượt qua Hải Vân đánh thành Phú Xuân. Quân Trịnh ở đây hoàn toàn bạc nhược, bị tiêu diệt nhanh chóng. Sau đó, Nguyễn Huệ quyết định tiến ra Thăng Long. Ông nêu danh nghĩa "phù Lê diệt Trịnh", và kêu gọi nhân dân hưởng ứng.

Tây Sơn hành quân nhanh chóng. *Giữa năm 1786*, Nguyễn Huệ tiến sát Thăng Long. Quân triều đình chống cự không nổi. Chúa Trịnh bị dân bắt nộp cho Tây Sơn. *Cơ đồ thống trị của họ Trịnh xây dựng gần 300 năm đến đây bị sụp đổ.*

Nguyễn Huệ vào Thăng Long giao chính quyền cho vua Lê rồi trở vào Nam.

Tình hình Bắc Hà (chỉ vùng đất từ Hà Tĩnh trở ra), sau khi Tây Sơn rút, trở nên rối loạn. Lê Chiêu Thống không đủ sức đánh dẹp những cuộc nổi loạn của một số con cháu họ Trịnh, phải dựa vào Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh nhanh chóng đánh tan các tàn dư của họ Trịnh, nhưng lại lộng quyền và ra mặt chống lại Tây Sơn.

Bấy giờ, ba anh em Tây Sơn chia nhau giữ ba miền. Nguyễn Nhạc : Trung ương hoàng đế đóng ở Quy Nhơn. Nguyễn Huệ : Bắc Bình Vương đóng ở Phú Xuân. Nguyễn Lữ : Đông Định Vương ở Gia Định.

Trước tình hình Bắc Hà rối loạn, Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm kéo quân ra Bắc trị tội Chỉnh. Diệt được Chỉnh, Nhậm lại kiêu ngạo,

cớ mưu đồ riêng. Giữa năm 1788, Nguyễn Huệ lại kéo quân ra Thăng Long diệt Nhậm và tự tay xây dựng chính quyền. Ông được nhiều sĩ phu nổi tiếng giúp sức như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thiếp... Bè lũ Lê Chiêu Thống chạy trốn, hết nơi này đến nơi khác.

Từ cuối năm 1786 đến giữa năm 1788, Tây Sơn đã ba lần kéo quân ra Bắc. Các cuộc hành quân này đã lần lượt *lật đổ các tập đoàn phong kiến họ Trịnh, nhà Lê và xóa bỏ hẳn sự phân chia Đàng Trong – Đàng Ngoài, căn bản thống nhất đất nước.*

?

1. Em hãy kể những hoạt động của Nguyễn Huệ trên đất Bắc Hà từ giữa năm 1786 đến giữa năm 1788.
2. Do những nguyên nhân gì mà Tây Sơn đã lật đổ được chính quyền mục nát họ Nguyễn, họ Trịnh và nhà Lê ?

Bài 5

TÂY SƠN ĐÁNH TAN QUÂN THANH

thuongmaitr

I– QUÂN THANH XÂM LƯỢC NƯỚC TA. PHÒNG TUYẾN TAM ĐIỆP – BIỆN SƠN

1. Quân Thanh xâm lược nước ta

Nguyễn Hữu Chỉnh bị diệt, Lê Chiêu Thống bơ vơ. Thế cùng lực kiệt, y sai người sang cầu cứu nhà Thanh mưu dựa vào nước ngoài để giành lại quyền lợi và địa vị vừa bị lật đổ.

Nhà Thanh bấy giờ đang trong thời kì thịnh đạt. Vua Thanh là Càn Long muốn thực hiện ý đồ mở rộng lãnh thổ xuống phương Nam. Nhân việc cầu cứu của bè lũ Lê Chiêu Thống, chúng thực hiện ngay âm mưu xâm lược nước ta.

Cuối năm 1788, nhà Thanh cử Tôn Sĩ Nghị làm tổng chỉ huy 29 vạn quân xâm lược. Giặc chia làm 3 đạo tiến vào nước ta :

– Đạo quân Quảng Tây, qua Lạng Sơn do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy.

– Đạo quân Điền Châu, qua Cao Bằng do Sầm Nghi Đống chỉ huy.

– Đạo quân Vân Nam, theo dọc sông Hồng do Ô Đại Kinh chỉ huy.

Lê Chiêu Thống sai người lên tận biên giới đón Tôn Sĩ Nghị. Y sắm sửa lễ vật, giết trâu bò khao quân và dẫn chúng về Thăng Long.

2. Phòng tuyến Tam Điệp – Biện Sơn. Tội ác của giặc và bè lũ bán nước

Trước thế mạnh ban đầu của giặc, quân Tây Sơn ở Thăng Long theo kế hoạch của Ngô Thì Nhậm đã chủ động rút lui về phía Nam để bảo toàn lực lượng. Ngô Văn Sở và Ngô Thì Nhậm một mặt cử người vào Phú Xuân phi báo cho Nguyễn Huệ biết tình hình, một mặt gấp rút lập phòng tuyến Tam Điệp – Biện Sơn.

Phòng tuyến có quân bộ đóng ở Tam Điệp (Thị xã Tam Điệp, Ninh Bình), quân thủy đóng ở Biện Sơn (cửa Bạng, Thanh Hóa). Thủy,bộ liên kết vững chắc.

Quân giặc chiếm được Thăng Long dễ dàng, càng chủ quan kiêu ngạo. Tôn Sĩ Nghị cho quân lính cướp bóc khủng bố nhân dân ta rất tàn bạo. Đi đến đâu chúng cũng đốt nhà, giết người không ghê tay. Chiêu Thống được nhà Thanh phong là "An Nam quốc vương" nhưng thực chất chỉ là vua bù nhìn. Hàng ngày y phải chầu chực ở cửa dinh Tôn Sĩ Nghị để xin lệnh truyền và tìm cách trả thù báo oán hết sức tàn ngược.

> *Sách* Hoàng Lê nhất thống chí *ghi rõ : "Tuy vua Lê được phong vương, nhưng giấy tờ đưa đi các nơi, đều dùng niên hiệu Càn Long, vì có Nghị ở đấy nên không dám dùng niên hiệu Chiêu Thống. Ngày ngày sau các buổi chầu, vua (chỉ Chiêu Thống) lại tới chờ ở doanh của Nghị để nghe truyền việc quân, việc nước... Có người biết thì họ nói riêng với nhau:nước Nam từ khi có đế, có vương tới nay, chưa thấy có ông vua nào luồn cúi đê hèn đến thế".*

Còn Tôn Sĩ Nghị thì suốt ngày ăn chơi phè phỡn, thả cho quân lính mặc sức cướp bóc. Nhân dân Thăng Long và các vùng lân cận phải nộp bò, lợn, lúa gạo cho những bữa yến tiệc ngày đêm, có nơi phải nộp cả rơm cỏ nuôi lừa ngựa, dựng nhà cửa đồn lũy. Mối căm thù quân cướp nước, lũ bán nước đã lên đến cực độ.

?

- Em hãy nói rõ vị trí và ý nghĩa của phòng tuyến Tam Điệp – Biện Sơn.
- Sau khi chiếm được Thăng Long, quân Thanh và bè lũ Lê Chiêu Thống đã hành động như thế nào ?

3. Quang Trung tiến quân ra Bắc

Nhận được tin cấp báo quân Thanh kéo sang xâm lược nước ta, Nguyễn Huệ lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Quang Trung rồi tiến quân ra Bắc ngay.

Đến Nghệ An, Quang Trung dừng chân tuyển thêm binh lính và mở cuộc duyệt binh lớn ở Vĩnh Doanh (Vinh, Nghệ An).

Sách *Hoàng Lê nhất thống chí* chép : "Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh, truyền cho tất cả đều ngồi nghe lệnh, rồi dụ họ rằng :

> – *Quân Thanh sang xâm lược nước ta, hiện ở Thăng Long, các người đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy đều đã phân biệt rõ ràng phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải là nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng... Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi*".

Đến Thanh Hóa, Quang Trung cho dừng chân, tiếp tục tuyển thêm quân. Ông làm lễ tuyên thệ rồi dõng dạc tuyên bố :

> "*Đánh cho để dài tóc*
> *Đánh cho để đen răng*
> *Đánh cho nó chích luân bất phản*
> *Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn*
> *Đánh cho sử tri Nam Quốc anh hùng chi hữu chủ*"(1)

---

(1) Hai câu trên nói lên quyết tâm đánh giặc để bảo vệ độc lập dân tộc, giữ gìn nền văn hóa và những phong tục tập quán lâu đời của nhân dân. Hai câu giữa nói lên quyết tâm đánh tiêu diệt khiến cho quân giặc mảnh giáp không còn, không một chiếc xe nào trở về. Câu cuối nghĩa là : đánh cho chúng biết nước Nam anh hùng là có chủ.

Giữa tháng chạp âm lịch, Quang Trung hội quân ở Tam Điệp. Ông khen ngợi kế hoạch rút quân để bảo toàn lực lượng và làm kiêu lòng địch. Đồng thời ông quyết định mở cuộc tiến công tiêu diệt toàn bộ quân Thanh ngay trong tết Kỉ Dậu (1789). Quang Trung sắc mặt nghiêm trang nói trước tướng sĩ : "Nay ta đến đây tự đốc việc quân, đánh hay giữ đã có kế cả rồi. Chỉ trong mười ngày nữa thế nào cũng quét sạch quân Thanh". Ông ra lệnh cho quân sĩ ăn tết Nguyên Đán trước.

?

1. Trước nạn ngoại xâm, Quang Trung chuẩn bị cho cuộc chiến đấu sắp đến như thế nào ?

2. Tại sao Quang Trung quyết định tiêu diệt quân Thanh ngay trong tết Kỉ Dậu ?

II - TÂY SƠN ĐÁNH TAN QUÂN THANH

1. Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa

Từ Tam Điệp, quân Tây Sơn chia làm 5 đạo :

uongxua.vn

– Đạo chủ lực do Quang Trung trực tiếp chỉ huy thẳng hướng Thăng Long.

– Đạo thứ hai và thứ ba đánh vào Tây Nam Thăng Long và yểm hộ cho đạo chủ lực.

– Đạo thứ tư ra phía Hải Dương và đạo thứ năm tiến lên Lạng Giang (Bắc Giang) chặn đường rút lui của địch.

Đêm 30 tết âm lịch, tối lạnh, quân ta vượt qua sông Gián Khẩu (sông Đáy). Toàn bộ quân địch ở đồn tiền tiêu bị diệt gọn.

Đêm mồng 3 tết (âm lịch), quân ta bí mật bao vây đồn *Hạ Hồi* (Thường Tín, Hà Tây). Bị vây đánh bất ngờ, chúng vô cùng hoảng sợ, hạ khí giới và nộp đồn lũy.

Mờ sáng mồng 5 tết, quân ta tiến đánh đồn *Ngọc Hồi* (Thanh Trì, Hà Nội). Đây là vị trí quan trọng nhất của địch ở phía Nam Thăng Long. Lực lượng địch có khoảng 3 vạn quân tinh nhuệ. Chúng xây đồn lũy khá kiên cố. Xung quanh cắm chông sắt và chôn nhiều địa lôi.

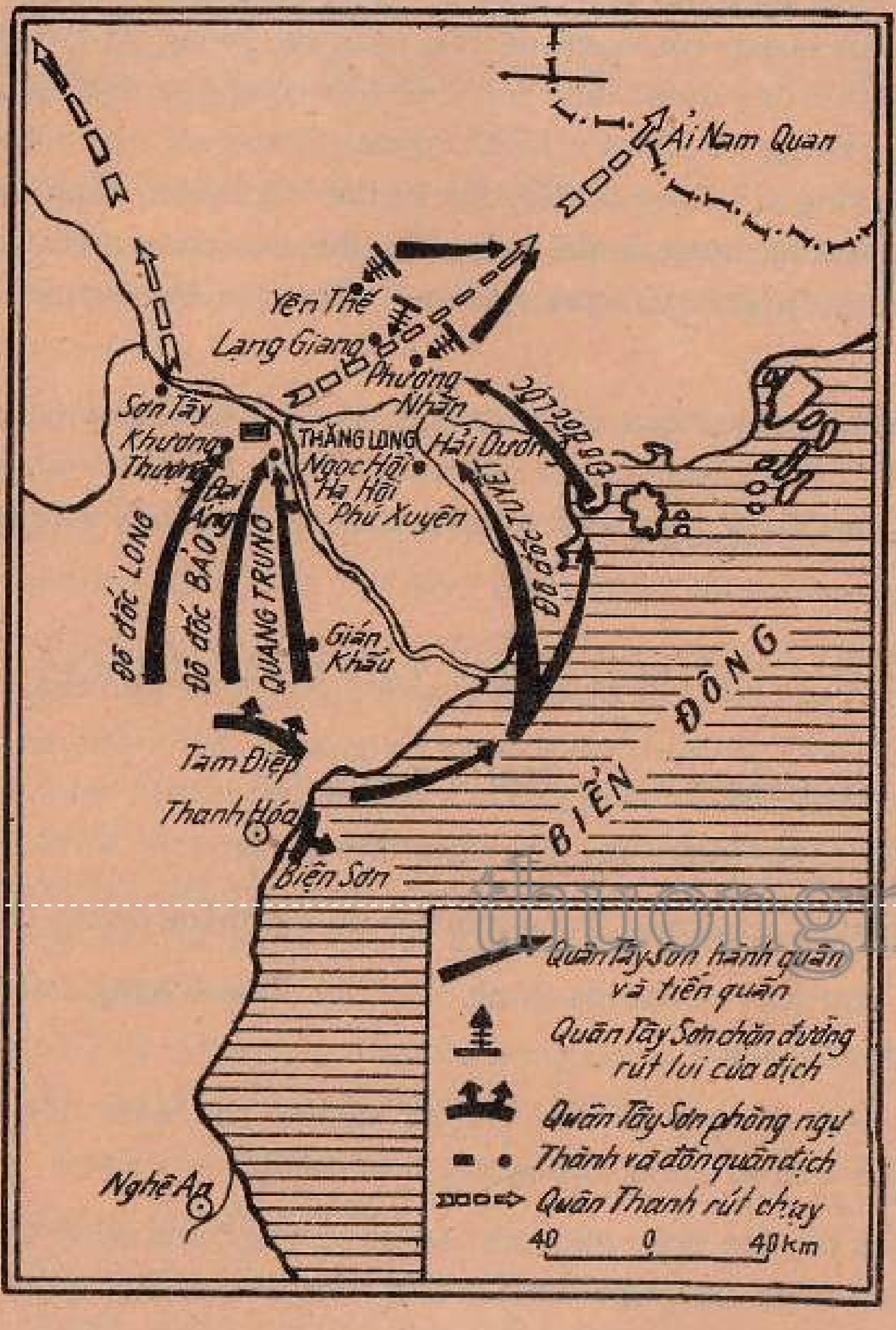

Hình 7 – Lược đồ các đạo quân Tây Sơn tiến quân ra Bắc vào tết năm Kỉ Dậu

thuongmaitr

Mở đầu trận đánh, hơn 100 voi chiến của quân Tây Sơn xông vào đồn giặc. Tiếp sau là đội quân mang 20 tấm lá chắn bằng gỗ quấn rơm tẩm nước. Cứ 10 người khiêng một tấm lá chắn, tiến lên phía trước, bảo vệ cho bộ binh theo sau. Đến chân đồn giặc, cả tượng binh, bộ binh dưới sự chỉ huy trực tiếp của Quang Trung đều tiến đánh với

dũng khí áp đảo kẻ thù, thế mạnh như triều dâng[1]. Quân Thanh hoang mang, tán loạn, số bị đâm chém, số giẫm lên địa lôi mà chết.

Đến trưa, cứ điểm phòng ngự kiên cố này hoàn toàn bị tan vỡ. Số địch sống sót chạy về đến Đầm Mực làng Quỳnh Đô (nay thuộc Thanh Trì, Hà Nội), bị phục binh của ta chặn đánh, diệt sạch.

> Hoàng Lê nhất thống chí *mô tả trận Ngọc Hồi như sau : "Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết... Quân Tây Sơn thừa thế chém giết, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối. Quân Thanh đại bại".*

Khi Quang Trung đại phá Ngọc Hồi thì cánh quân do đô đốc Long chỉ huy đánh mạnh vào đồn Khương Thượng (Đống Đa, Hà Nội). Quân Tây Sơn được sự giúp sức của nhân dân địa phương lao vào giáp chiến và đốt lửa thiêu cháy doanh trại giặc. Tướng Thanh là Sầm Nghi Đống hốt hoảng chạy lên gò Đống Đa thắt cổ tự tử.

Tin bại trận khủng khiếp từ Ngọc Hồi, Khương Thượng liên tiếp báo về khiến tổng chỉ huy Tôn Sĩ Nghị bàng hoàng khiếp sợ. Y vội vàng cùng vài võ quan vượt qua sông Hồng sang Gia Lâm. Quân Thanh kinh sợ, nhốn nháo chạy theo chủ tướng, chen nhau qua cầu phao sông Hồng. Tôn Sĩ Nghị tàn nhẫn ra lệnh cắt cầu phao. Rất nhiều quân địch rơi xuống nước. Sử cũ ghi : "nước sông Nhị vì thế mà tắc nghẽn, không chảy được".

Trưa mồng 5 tết Kỉ Dậu, đô đốc Long và vua Quang Trung trong bộ chiến bào xạm đen khói thuốc súng dẫn đoàn quân chiến thắng tiến vào Thăng Long giữa tiếng reo hò phấn khởi.

> *Mô tả cảnh Thăng Long thời điểm này, nhà thơ đương thời Ngô Ngọc Du viết :*
>
> *"... Ba quân đội ngũ chỉnh tề tiến*
> *Trăm họ chật đường vui tiếp nghênh*
> *Mây tạnh, mù quang trời lại sáng*
> *Đầy thành, già trẻ mặt như hoa*

---

(1) Trích theo sách *An Nam quân doanh kỉ yếu* của Trần Nguyên Nhiếp, người Trung Quốc đương thời.

Chung vai, sát cánh cùng nhau nói :
Cố đô vẫn thuộc núi sông ta"

Bè lũ Lê Chiêu Thống cũng theo gót Tôn Sĩ Nghị chạy lên phía Bắc. Đến Phượng Nhãn (Bắc Giang), chúng bị phục binh của ta chặn đánh. Cả bè lũ không kịp mặc áo giáp, vứt bỏ ấn tín, luồn rừng, lội suối, cố chạy lên Lạng Sơn để tìm đường thoát về Trung Quốc.

Thế là trong 5 ngày đêm chiến đấu liên tục, cả 5 đạo quân Tây Sơn dưới sự chỉ đạo của Quang Trung đã tiêu diệt và quét sạch 29 vạn quân Thanh xâm lược. Đất nước được hoàn toàn giải phóng.

?

– Tại sao Quang Trung lại đánh quân Thanh vào dịp tết Kỉ Dậu ?
– Quân Thanh và bè lũ bán nước Lê Chiêu Thống đã bị thất bại nhục nhã như thế nào ?

2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

Trong 17 năm hoạt động sôi nổi, liên tục, khởi nghĩa Tây Sơn đã thu được nhiều thắng lợi rực rỡ, lập nên những công lao hiển hách :

– Lật đổ các chính quyền phong kiến phản động Nguyễn, Trịnh, Lê.

– Xóa bỏ sự chia cắt đất nước, bước đầu lập lại nền thống nhất quốc gia.

– Đánh tan các cuộc xâm lược của Xiêm, Thanh, bảo vệ được nền độc lập và lãnh thổ của Tổ quốc.

Có được thắng lợi trên, *trước hết là do sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân*. Nỗi bất bình cao độ, ý chí đấu tranh chống áp bức bóc lột và tinh thần yêu nước cao cả đã thôi thúc nhân dân ta vùng lên chống chính quyền phong kiến phản động trong nước và quân xâm lược hung bạo. Tiêu biểu nhất là sự gia nhập nghĩa quân của các tầng lớp nhân dân, các địa phương trong nước. Đây là sức mạnh vô địch "lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"(1).

---

(1) Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh.

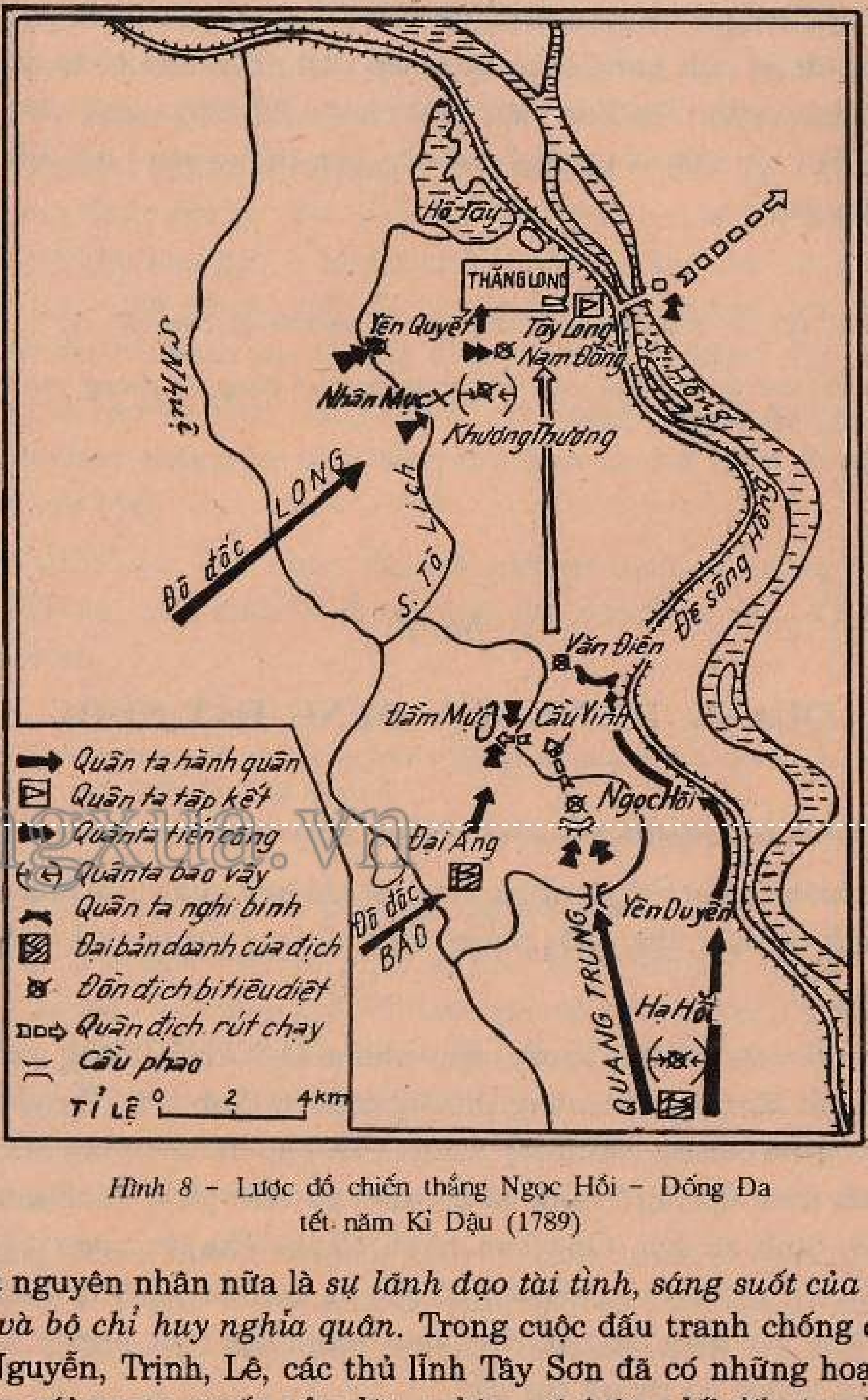

Hình 8 – Lược đồ chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa
tết năm Kỉ Dậu (1789)

Một nguyên nhân nữa là *sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Quang Trung và bộ chỉ huy nghĩa quân.* Trong cuộc đấu tranh chống các tập đoàn Nguyễn, Trịnh, Lê, các thủ lĩnh Tây Sơn đã có những hoạt động phù hợp với mong muốn của dân nghèo, có đường lối đấu tranh đúng đắn tập hợp được các tầng lớp xã hội. Trong cuộc kháng chiến chống Xiêm, chống Thanh, Quang Trung đã phát huy lòng dũng cảm của quân lính, nắm vững thời cơ, lợi dụng được nhược điểm của giặc. Từ đó, ông đã chủ động mở những trận quyết chiến nhanh chóng, bất ngờ khiến cho quân địch không kịp đối phó.

tuongxua.vn

Quang Trung là lãnh tụ nông dân kiệt xuất, là nhà quân sự – chính trị thiên tài, là anh hùng dân tộc vĩ đại của nhân dân ta trong thế kỉ XVIII. Khởi nghĩa Tây Sơn tiêu biểu cho ý chí, sức mạnh và sự sáng tạo của dân tộc Việt Nam, thể hiện truyền thống yêu nước bất khuất của nhân dân ta.

?

1. Vì sao Tây Sơn đã chiến thắng giặc ngoại xâm lẫy lừng như vậy ?
2. Em thử lập một bản niên biểu về những hoạt động của phong trào nông dân Tây Sơn (1771 – 1789).

Bài 6

QUANG TRUNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

1. Phục hồi kinh tế, xây dựng văn hóa dân tộc

thuongmait

Sau chiến thắng chống ngoại xâm, bộ chỉ huy quân Tây Sơn chuyển hóa thành bộ máy nhà nước phong kiến. Quang Trung đóng đô ở Phú Xuân.

Đất nước sau chiến tranh, gặp nhiều khó khăn, đồng ruộng bỏ hoang, xóm làng xơ xác, công thương nghiệp đình trệ. Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ không còn nhuệ khí đấu tranh, chỉ lo hưởng lạc. Trước tình hình trên, Quang Trung đã kịp thời có biện pháp khôi phục kinh tế và ổn định xã hội. Ông ban hành *Chiếu khuyến nông* bắt buộc những người phiêu tán phải trở về quê cũ làm ăn. *Chế độ quân điền* (chia ruộng đất công làng xã cho nông dân) được thực hiện công bằng hơn. Dân nghèo có ruộng cày cấy.

Nhiều loại thuế được giảm nhẹ, Quang Trung còn yêu cầu nhà Thanh : "mở cửa ải, thông chợ búa, khiến cho hàng hóa không ngưng đọng, làm lợi cho sự tiêu dùng của dân". Thủ công nghiệp và buôn bán được phục hồi dần dần.

Quang Trung cho soạn bộ luật mới *Hình thư*, nhanh chóng tổ chức lại chính quyền từ triều đình đến huyện, xã. Ông ban hành chế độ tín bài[1], bắt buộc người dân nào cũng phải thường xuyên mang theo.

Về văn hóa, giáo dục, Quang Trung ban bố *Chiếu lập học*. Ông nói "Xây dựng đất nước lấy việc dạy học làm đầu, tìm lẽ trị bình lấy việc tuyển nhân tài làm gốc". Chính quyền khuyến khích các xã, huyện mở trường học. *Chữ Nôm* được đề cao là chữ viết chính thức của nhà nước. Nhiều sắc lệnh của Quang Trung được viết bằng chữ Nôm.

Ông còn cho lập *Viện Sùng Chính* do Nguyễn Thiếp lãnh đạo. Viện Sùng Chính có nhiệm vụ dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm để dùng làm tài liệu dạy học.

Nhờ sự nỗ lực của nhân dân và nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Quang Trung, nền kinh tế được phục hồi nhanh chóng. Xã hội dần dần ổn định.

? – Quang Trung đã có những biện pháp gì để phục hồi kinh tế, ổn định xã hội và phát triển văn hóa dân tộc ?

uongxua.vn

2. Chính sách quốc phòng, ngoại giao

Mối đe dọa xâm lược từ phương Bắc đã bị đẩy lùi, nhưng nền an ninh và sự toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc vẫn còn bị đe dọa. Phía Bắc, thế lực chống đối do Lê Duy Chỉ cầm đầu, hoạt động ở Cao Bằng ; phía Nam, Nguyễn Ánh sau thất bại ở Rạch Gầm – Xoài Mút lại cầu viện tư bản Pháp, quay trở lại đánh chiếm Gia Định. Bên Trung Quốc, bè lũ bán nước Lê Chiêu Thống chưa từ bỏ hoàn toàn âm mưu phục thù.

Quang Trung thấy rõ những nguy cơ trên đã đề ra các chính sách củng cố quốc phòng và ngoại giao tích cực. Ông tiếp tục thi hành chế độ quân dịch, cứ ba suất đinh nam lấy một suất lính.

Quân đội Quang Trung gồm đủ các binh chủng : bộ binh, thủy binh, tượng binh, kị binh. Chiến thuyền có nhiều loại, loại lớn có thể chở được voi chiến, hoặc 500 – 600 lính và nhiều đại bác.

---

(1) Tín bài : thẻ ghi tên họ và quê quán để kiểm tra nhân khẩu và hộ khẩu.

Quang Trung còn điều quân lên Cao Bằng dẹp tan bọn phục thù Lê Duy Chỉ.

Về đối ngoại, vua nhà Thanh phải công nhận Quang Trung là "quốc vương" nghĩa là phải công nhận nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta và không được giúp đỡ tập đoàn Lê Chiêu Thống.

Mặt Bắc tạm yên, nhưng mối đe dọa mặt Nam rất căng thẳng. Nguyễn Ánh đang ra sức xây dựng lực lượng, tìm cách đánh ra Quy Nhơn. Quang Trung quyết định mở cuộc tiến công lớn nhằm tiêu diệt hoàn toàn lực lượng Nguyễn Ánh, lấy lại Gia Định.

> *Tháng 8 năm 1792, ông viết hịch kêu gọi nhân dân hưởng ứng : "Nơi đâu ta đã kéo quân đến là kẻ thù bị đánh cho thất bại và tan tác, nơi đâu ta đã mở rộng chinh chiến là bọn quân Xiêm và quân Thanh tàn bạo đều phải quy hàng". Quang Trung coi bọn Nguyễn Ánh "chỉ là thây ma, sẽ bị đánh tan dễ như bẻ cành khô, củi mục". Về bọn lính Pháp trong quân ngũ Nguyễn Ánh, bài hịch viết : "Hạng người đó nào có tài cán gì ? Bọn chúng tất cả đều mắt xanh như mắt rắn và các người chỉ được xem bọn chúng như những xác chết bị sóng biển Bắc đánh dạt vào. Có gì đáng lạ để nói với ta về những chiếc tàu đồng và những khinh khí cầu của bọn chúng !".*

Nhưng tiếc thay, công việc đang tiến hành khẩn trương thì ngày 16 tháng 9 năm 1792, Quang Trung từ trần. Lúc đó ông mới 39 tuổi. Ông đã chiến đấu kiên cường, liên tục cho quyền lợi của nhân dân, dân tộc, cho nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc. Công chúa Lê Ngọc Hân đã viết :

"Mà nay áo vải cờ đào,
Giúp dân dựng nước, xiết bao công trình".

Quang Trung mất, Quang Toản lên ngôi vua. Nhưng Quang Toản và những quan lại ở Phú Xuân bất lực, hủ bại không điều khiển được việc nước. Nhiều ý định của Quang Trung không thành sự thực.

?

1. Em hãy nói rõ những biện pháp củng cố quốc phòng của Quang Trung.
2. Ý nghĩa của những hoạt động đối ngoại của Quang Trung.
3. Em thử tóm tắt những nét chính về sự nghiệp và cuộc đời của Quang Trung.

Bài 7

XÃ HỘI VIỆT NAM DƯỚI THỜI NGUYỄN (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

I – TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI

1. Nhà Nguyễn thành lập và củng cố quyền thống trị

Lợi dụng mâu thuẫn giữa hai anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ, năm 1787, Nguyễn Ánh đem quân từ Xiêm về chiếm lại đất Gia Định và ra sức xây dựng lực lượng quân sự, mở rộng vùng chiếm đóng, cầu cứu tư bản Pháp, chờ thời cơ khôi phục quyền thống trị của dòng họ mình. Năm 1792, Quang Trung mất. Triều đại Tây Sơn mất đi cột trụ vững chắc nhất. Mâu thuẫn trong triều nảy sinh. Lực lượng Tây Sơn suy yếu. Nắm được tình hình đó, hằng năm cứ đến mùa gió Đông Nam, Nguyễn Ánh sai quân dong thuyền đánh ra. Cuộc chiến ngày càng quyết liệt. Năm 1802, được sự ủng hộ của bọn địa chủ Đàng Ngoài cũ, Nguyễn Ánh đánh bại triều Tây Sơn, lên ngôi hoàng đế. Nhà Nguyễn thành lập.

uongxua.vn

Vào thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở các nước Tây Âu. Bọn thực dân phương Tây tăng cường xâm chiếm các nước chậm tiến ở châu Á, châu Phi, lập thành thuộc địa. Ra đời trong hoàn cảnh đó, việc làm đầu tiên của nhà Nguyễn là củng cố hơn nữa nhà nước quân chủ chuyên chế, chọn Phú Xuân làm kinh đô. Vua Nguyễn trực tiếp nắm lấy mọi công việc hệ trọng trong nước, từ trung ương đến địa phương. Dưới vua, 6 bộ chịu trách nhiệm giải quyết mọi công việc cụ thể. Vào các năm 1830 – 1831, nhà Nguyễn bỏ trấn và tổng trấn, chia nước làm 30 tỉnh và một phủ trực thuộc (Thừa Thiên). Đứng đầu tỉnh có các chức Tổng đốc, Tuần phủ, trực tiếp chịu trách nhiệm trước vua. Bộ máy quản lí tổng, xã được đặc biệt chú ý. Đối với miền núi, nhà Nguyễn chia thành châu, một tù trưởng địa phương làm tri châu. Nhằm hạn chế quyền hạn của tri châu, nhà Nguyễn đặt thêm một chức lưu quan người Kinh.

Để tăng cường quyền lực, nhà Nguyễn ban hành luật Gia Long (niên hiệu của Nguyễn Ánh), sao chép gần như nguyên vẹn bộ luật phản động của nhà Thanh (Trung Quốc), không những thế, nhà Nguyễn còn cho xây dựng thành trì vững chắc ở kinh đô và các lị sở trấn, tỉnh, phủ, huyện. Dọc con đường chính từ Nam Quan đến Cà Mau, một hệ thống trạm ngựa được dựng lên, nhằm kịp thời chuyển tin từ địa phương về triều đình.

Mọi cải cách tiến bộ thời Tây Sơn đều bị xóa bỏ. Nhà Nguyễn trả thù một cách hèn hạ, man rợ con cháu các lãnh tụ Tây Sơn. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân đều bị dìm trong bể máu.

Về mặt đối ngoại, nhà Nguyễn thần phục nhà Thanh một cách mù quáng, nhưng lại đóng cửa, không quan hệ với các nước phương Tây. Thậm chí, đối với Pháp, nhà Nguyễn cũng tìm cách khước từ dần mọi sự tiếp xúc. Chính thái độ đó càng thúc đẩy các nước phương Tây gấp rút chuẩn bị việc xâm chiếm nước ta.

? – Em hãy nhận xét về thái độ của nhà Nguyễn đối với nhân dân trong nước và đối với các nước ngoài.

thuongmaitr

2. Tình hình kinh tế nước ta nửa đầu thế kỉ XIX

Sau nhiều năm chiến tranh, loạn lạc, nền kinh tế nước ta, nhất là Đàng Ngoài sa sút nghiêm trọng. Ở nông thôn, nhiều nơi ruộng đồng bỏ hoang. Nhiều làng không còn ruộng đất công nữa. Ruộng đất tư đã chiếm đến 4/5 diện tích ruộng đất cả nước. Nhà Nguyễn chủ trương duy trì và củng cố ruộng đất công nhưng không động chạm gì đến ruộng tư của địa chủ. Ở các tỉnh phía Bắc, nông nghiệp không được đảm bảo. Nhà nước không chú ý sửa, đắp đê. Lụt lội, hạn hán xảy ra luôn. Ruộng đất khai hoang được ít nhiều, không bù đắp nổi các thiệt hại do thiên tai gây ra và số ruộng đồng bị bỏ hóa.

Theo đà phát triển của các thế kỉ trước, công thương nghiệp có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thêm. Ngành khai mỏ được mở rộng, kĩ thuật và vốn kinh doanh thủ công nghiệp tăng tiến. Lãnh thổ mở rộng ra cả nước, thuận tiện cho việc buôn bán. Nhu cầu buôn bán của tư bản nước ngoài cũng ngày càng tăng. Nhưng người thợ

thủ công vừa phải đóng thuế đinh vừa nộp thuế sản phẩm. Các làng thủ công chuyên nghiệp phải nộp sản phẩm rất nặng. Làng La Khê (Hà Tây) ban đầu phải nộp hằng năm 600 tấm sa các màu, sau bị biến thành làng thủ công của nhà nước. Nhiều hầm mỏ bị cấm khai thác. Thợ thủ công giỏi bị bắt vào làm ở các quan xưởng, mai một dần tài năng. Hội An, phố Hiến tàn tạ. Hà Nội (Thăng Long cũ) tiếp tục cuộc sống công thương nhưng không phát triển mạnh lên được. Nhà nước nắm độc quyền ngoại thương, tìm cách thoái thác việc trao đổi, buôn bán với thương nhân nước ngoài.

Trong lúc các nước phương Tây tiến mạnh lên phía trước thì nhà Nguyễn với chế độ chính trị phản động của nó đã kéo lùi nước ta lại.

?

1. Vì sao công thương nghiệp ở nước ta nửa đầu thế kỉ XIX lại không phát triển lên được ?
2. Chế độ chính trị phản động của nhà Nguyễn thể hiện ở những điểm nào ?

uongxua.vn

II – NHÂN DÂN ĐẤU TRANH QUYẾT LIỆT

1. Đời sống của nhân dân dưới thời Nguyễn

Những khó khăn về kinh tế và chính sách bóc lột của nhà Nguyễn làm cho cuộc sống của nhân dân lao động, nhất là nông dân ngày càng xấu đi.

Thuế má nặng nề và phiền phức. Hằng năm, mỗi dân đinh lại phải đi lao dịch, xây dựng đền đài, dinh thự, thành lũy 50, 60 ngày. Đê điều, kênh máng không được chăm sóc đúng mức. Thiên tai, lụt lội thường xuyên xảy ra. Thêm vào đó nạn dịch bệnh, nạn đói hoành hành.

Năm 1842, bão to ở Nghệ An, Hà Tĩnh. Nước biển dâng cao làm đổ trên 4 vạn nóc nhà, hơn 5000 người chết. Năm 1846, lại bão to ở Nghệ An, Hà Tĩnh. Hơn 40.000 nóc nhà bị đổ, 300 thuyền bị đắm. Có thời gian, đê Văn Giang bị vỡ 18 năm liền, cả vùng Khoái Châu, Tiên Lữ (thuộc Hưng Yên) biến thành bãi lầy. Năm 1820, dịch lớn ở miền Bắc, hơn 20 vạn người chết. Trong khoảng 1849 – 1850, dịch lớn trên cả nước tổng cộng gần

60 vạn người chết. Nạn đói năm 1856 – 1857 giết chết hàng chục vạn dân ở các tỉnh phía Bắc...

Nông dân nghèo đói bỏ làng đi phiêu tán. Năm 1827 chẳng hạn, ở 13 huyện thuộc trấn Hải Dương, dân phiêu tán mất 108 xã thôn, bỏ hoang hơn 12.700 mẫu ruộng. Năm 1854, ở Nam Kì có đến 2 vạn người phiêu tán.

Trong lúc đó, bọn quan lại sâu mọt không ngừng tìm cách nhũng nhiễu, đục khoét nhân dân. Vua Nguyễn đã phải kêu lên : "Chúng coi pháp luật như hư văn, xoay xở nhiều vành, chỉ cốt lấy tiền, không được thì buộc tội".

Ở nông thôn, bọn địa chủ, hào lí chiếm hết ruộng đất tốt, bóc lột nông dân tàn tệ. Năm 1828, viên quan ở Bắc Thành là Nguyễn Công Trứ đã kịch liệt tố cáo tệ nạn đó với nhà vua.

Lời tố cáo có đoạn viết : "Cái hại quan lại là một, hai phần mười, cái hại hào cường đến 8, 9 phần mười. Bởi vì quan lại chẳng qua là kiếm lợi nhỏ ở giấy tờ... còn cái hại hào cường nó làm cho con người ta thành mồ côi, vợ người ta thành góa bụa, giết cả tính mạng người ta, cướp cả gia tài của người ta mà việc không lộ, cho nên cứ công nhiên, không kiêng sợ gì".

Nông dân nổi dậy đấu tranh. Bọn quan lại Bắc Thành (Bắc Bộ ngày nay) đã làm bài "Điểm mê khúc" nhằm tô vẽ chế độ thối nát của nhà Nguyễn, xoa dịu mâu thuẫn trong nhân dân. Lập tức, trong nhân dân xuất hiện bài "Tố khuất ca" đáp lại, vạch trần những tệ nạn do chế độ nhà Nguyễn gây ra, coi đó là nguyên nhân của sự khổ cực hiện nay.

Trong hoàn cảnh chung đó, các dân tộc ít người bị nhà Nguyễn chèn ép, khinh miệt, bóc lột tàn tệ.

2. Nhân dân nổi dậy đấu tranh chống nhà Nguyễn ở khắp mọi nơi

Vừa thoát khỏi cảnh chiến tranh, loạn lạc kéo dài hàng mấy chục năm, nhân dân cả nước lại phải chịu ngay ách áp bức, bóc lột nặng nề của nhà Nguyễn. Không chịu nổi nữa, họ đã nổi dậy đấu tranh ở khắp mọi nơi, từ miền xuôi đến miền ngược, từ Bắc chí Nam. Các cuộc khởi nghĩa bùng lên, suốt từ đầu thời Gia Long đến tận lúc thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta (1858), với tổng số gần 500 cuộc.

Trong cuộc đấu tranh rầm rộ đó không chỉ có lực lượng nông dân mà còn có cả thợ mỏ, binh lính, nho sĩ, các dân tộc ít người. Nổi lên hàng loạt cuộc khởi nghĩa lớn hoặc kéo dài như của Dương Đình Cúc, Vũ Đình Lục và Đặng Trần Siêu, Phan Bá Vành, Lê Duy Lương, Nông Văn Vân, Lê Văn Khôi, Cao Bá Quát.

Khởi nghĩa Phan Bá Vành (1821 - 1827)

Trên trời có ông sao rua
Giữa làng Minh Giám có vua Ba Vành.

Phan Bá Vành người làng Minh Giám (Vũ Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình), nhà nghèo, thuở nhỏ phải đi ở chăn trâu cho nhà địa chủ. Đầu năm 1821, nhân một nạn đói lớn ở vùng Nam Định, Thái Bình, ông cùng một số bạn kêu gọi nông dân Minh Giám, Trà Lũ (thuộc huyện Kiến Xương - Thái Bình) nổi dậy chống lại bọn địa chủ quan lại. Ban đầu lực lượng còn ít, nghĩa quân hoạt động rải rác suốt từ Thái Bình cho đến Nam Định, Hải Dương, Quảng Ninh. Mãi đến năm 1826, khi lực lượng đã khá mạnh, Phan Bá Vành quyết định mở rộng hoạt động và bước đầu xây dựng các căn cứ đóng quân của mình.

Theo các công trình nghiên cứu, bộ tham mưu của nghĩa quân có đến 24 thủ lĩnh, trong đó có những người giỏi như Nguyễn Hạnh, Vũ Đức Cát, Chiêu Liễn, Hai Nam, Hai Đáng... Lực lượng nghĩa quân bao gồm cả nông dân lẫn một số người dân tộc miền núi Hòa Bình.

uongxua.vn

Từ căn cứ chính là Trà Lũ, được xây dựng khá kiên cố, nghĩa quân tung ra hoạt động ở nhiều nơi, đánh nhau hàng chục trận lớn với quân triều đình. Nhiều tên tướng của nhà Nguyễn như trấn thủ Sơn Nam Lê Mậu Cúc, bị nghĩa quân giết chết. Trong vùng đất của nghĩa quân, Phan Bá Vành cho chia lại ruộng đất công, tịch thu bớt ruộng đất của bọn địa chủ. Vì vậy, nghĩa quân chiến đấu càng hăng hái. Theo sử triều Nguyễn : "Khi lâm trận thì đàn bà con gái cũng cầm giáo mác mà đánh". Sau nhiều lần hành quân thất bại, đầu năm 1827, triều đình hoảng sợ, đã huy động một lực lượng lớn, do hàng chục viên tướng chỉ huy, tiến đánh nghĩa quân từ nhiều phía. Phan Bá Vành rút quân về Trà Lũ, đào hào đắp lũy, tính kế cầm cự lâu dài. Nhưng vì lực lượng ít, quân triều đình lại từ bốn mặt đánh lại, Phan Bá Vành chống lại không nổi, định chạy thoát ra biển, chẳng may bị bắt. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp.

Khởi nghĩa Nông Văn Vân (1833 – 1835)

Nông Văn Vân là một tù trưởng dân tộc Tày, giữ chức tri châu Bảo Lạc (thuộc Hà Giang), không chịu nổi sự chèn ép của triều đình Nguyễn, lại được Lê Văn Khôi (bấy giờ nổi dậy ở Gia Định) vận động, năm 1833, Nông Văn Vân đã cùng Nguyễn Quang Khải (tri châu Đại Man) nổi dậy. Cuộc khởi nghĩa lan rộng khắp miền núi Việt Bắc, liên hệ cả với các tù trưởng Mường và một số làng Việt ở miền trung du. Bọn quan tỉnh bị bắt đã bị nghĩa quân thích vào mặt các chữ "quan tỉnh hay ăn hối lộ" rồi đuổi về. Nông Văn Vân tự xưng là Tiết chế thượng tướng quân. Hai lần, nhà Nguyễn cử hai đạo quân lớn, chia làm nhiều đường khác nhau tấn công vào vùng đất của nghĩa quân nhưng đều bị đánh bại. Lần thứ ba, quân triều đình lại tấn công dữ dội từ nhiều phía, Nông Văn Vân rút sang Trung Quốc rồi trở về Tuyên Quang. Trong trận chiến đấu cuối cùng (năm 1835), ông bị bao vây ở trong rừng nhưng vẫn kháng cự anh dũng. Quân triều đình đã đốt rừng để giết chết người thủ lĩnh nghĩa quân đó, khởi nghĩa bị dập tắt.

Khởi nghĩa Cao Bá Quát (1854 – 1856)

Cuộc sống bị áp bức và bóc lột tàn tệ của nông dân cùng cuộc đấu tranh anh dũng của họ đã tác động mạnh đến hàng ngũ các nhà nho nghèo. Cao Bá Quát là một nhà nho tiến bộ, một nhà thơ lỗi lạc nửa đầu thế kỉ XIX. Ông người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm (Hà Nội), đỗ cử nhân, nổi tiếng hay chữ nhưng vì tính tình phóng khoáng, căm ghét chế độ phản động của vua tôi nhà Nguyễn mà bị vùi dập. Năm 1854, ông cùng một số bạn bè, dựa vào lực lượng nông dân và các tù trưởng dân tộc miền núi định khởi nghĩa ở Hà Nội, Bắc Ninh. Kế hoạch bị lộ, cuộc khởi nghĩa bùng nổ khi chưa chuẩn bị xong. Nghĩa quân chiến đấu rất anh dũng, nhưng quân triều đình tập trung lực lượng đàn áp. Đầu năm 1855, trong trận chiến đấu ác liệt ở vùng An Sơn (thuộc Sơn Tây – Hà Tây), Cao Bá Quát chết. Cuộc khởi nghĩa còn tiếp tục, đến tháng 10 năm 1856, mới bị đàn áp.

?

1. Nửa đầu thế kỉ XIX, những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nước ta là gì ? Thái độ của nhà Nguyễn đối với nhân dân trong nước và đối với nước ngoài ra sao ?
2. Những nguyên nhân dẫn đến cuộc sống cực khổ của nhân dân ta.
3. Trình bày những nét chính của 3 cuộc khởi nghĩa lớn dưới thời Nguyễn.
4. Trình bày những việc làm của nhà Nguyễn về các mặt chính trị, đối ngoại, kinh tế, xã hội.

Bài 8

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA DÂN TỘC (THẾ KỈ XVIII - NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

Hàng loạt sự kiện to lớn và có ý nghĩa đã diễn ra dồn dập trong suốt thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. Chế độ phong kiến bước vào giai đoạn suy tàn. Trong cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt của mình, người nông dân Việt Nam đã có lúc vươn lên địa vị làm chủ, giương cao lá cờ dân tộc, thống nhất đất nước, đánh tan quân xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, những ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản từ bên ngoài ngày càng thâm nhập sâu hơn vào đất nước ta.

Những sự kiện đó ảnh hưởng thuận lợi đến sự phát triển của văn hóa, văn học và khoa học kỉ thuật nước ta.

I - VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT

1. Những biến chuyển trong cuộc sống văn hóa tinh thần của dân tộc

Thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX chứng kiến sự suy đồi từng bước của hệ tư tưởng phong kiến nho giáo. Tôn ti trật tự phong kiến không còn được thừa nhận như trước. Đối với các nhà nho, quan hệ vua - tôi không còn có ý nghĩa thiêng liêng.

Tiến sĩ Phạm Công Thế nói : "Danh phận không rõ từ lâu, thuận nghịch lấy gì mà phân biệt ?". Đáp lại lời chê trách của thầy học, Nguyễn Trang nói : "Sợ thầy không bằng sợ giặc, quý chúa không bằng quý thân".

Trong nhân dân, những gì trước đây cho là "phạm thượng", "làm loạn", giờ trở nên bình thường, có thể chấp nhận được. Con rồng lâu nay tượng trưng cho nhà vua, bị dân gian hóa thành "rồng ổ", "rồng chơi với chó, khỉ, thạch sùng", "rồng cõng cô gái". Tư tưởng "đẳng cấp", "con vua thì lại làm vua" bị phê phán mạnh mẽ :

"Bao giờ dân nổi can qua
Con vua thất thế lại ra quét chùa"

uongxua.vn

Quan lại bị xem là một lũ cướp :

"Con ơi nhớ lấy câu này
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan"

Mong lập lại trật tự phong kiến cũ, nhà Nguyễn tìm cách củng cố chế độ thi cử, học hành, chấn chỉnh lại nông thôn, xét xử nghiêm khắc những vụ vi phạm lễ giáo phong kiến. Nhưng, những việc làm đó chẳng có tác dụng đáng kể.

Nhân việc vua Tự Đức diễn nôm 10 điều huấn dụ để truyền bá tư tưởng nho giáo, nhân dân liền châm biếm :

Vui xem hát
Nhạt xem bơi
Tả tơi xem hội
Bối rối xem đám ma
Bỏ cửa, bỏ nhà mà đi xem giảng "thập điều"

Nhân tình hình đó, các giáo sĩ đạo Thiên Chúa ra sức hoạt động truyền giáo. Số người theo đạo ngày càng tăng. Nhà thờ đạo mọc lên khắp nơi.

thuongmait

Đạo Phật cũng phát triển hơn trước. Người dân lao động mong muốn giải thoát khỏi cuộc sống bị chèn ép, gò bó của trật tự, lễ giáo phong kiến. Họ đi lễ nhà thờ, nhà chùa. Có lúc, họ nổi dậy cầm vũ khí đấu tranh quyết liệt chống lại kẻ thù giai cấp, mong "xây dựng một trật tự mới" phù hợp với mong muốn của mình. Nhưng, những tiền đề vật chất chưa tạo được điều kiện cần thiết cho thắng lợi của họ.

? – Em thử trình bày những sự kiện chứng tỏ sự suy đồi của hệ tư tưởng phong kiến nho giáo.

2. Bước phát triển mới của văn học, nghệ thuật

Vào thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX, văn học dân gian phát triển cực kì phong phú, dưới nhiều hình thức khác nhau, từ tục ngữ, ca dao đến truyện Nôm dài, truyện khôi hài, truyện tiếu lâm. Nó phản ánh cuộc sống lao động sản xuất và đấu tranh xã hội tích cực của

nhân dân, phản ánh tâm hồn, tình cảm và ý nguyện của người lao động, đồng thời trở thành một thứ vũ khí đấu tranh sắc bén của nhân dân lao động chống chế độ phong kiến và hệ tư tưởng nho giáo. Nó toát lên mong muốn xây dựng một cuộc sống mới tươi đẹp, hạnh phúc, đầy tính nhân đạo.

Bên cạnh các truyện Nôm dài như *Phan Trần, Nhị Độ Mai, Phạm Công – Cúc Hoa, Thạch Sanh*... còn có những bài vè ca ngợi các thủ lĩnh nghĩa quân nông dân như *vè chàng Lía, vè bà Thái Phó, vè Phan Bá Vành* ; những *truyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn* chế giễu sâu cay bọn quan lại, vua chúa. Bên cạnh hàng trăm câu tục ngữ là muôn vàn câu ca dao vừa đấu tranh chống lại trật tự phong kiến,vừa ca ngợi cuộc sống tự do phóng khoáng của con người, ca ngợi tình yêu nam nữ...

Thể thơ lục bát và song thất lục bát được sử dụng rộng rãi. Văn học chữ Nôm phát triển mạnh mẽ, lấn át cả thơ văn chữ Hán, mặc dầu trong giáo dục , thi cử (trừ thời Tây Sơn) chính quyền phong kiến ra sức củng cố địa vị chữ Hán và nội dung học tập cũ. Xuất hiện nhiều nhà thơ, nhà văn nổi tiếng như Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu...

Nguyễn Du, người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh), xuất thân từ một gia đình quan lại lâu đời của nhà Lê, nổi tiếng văn thơ từ thuở nhỏ. Cuộc đổi thay dồn dập của đất nước vào những năm cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX đã tác động mạnh mẽ đến tình cảm và tư tưởng của ông.

Truyện Kiều là một tác phẩm kiệt xuất của Nguyễn Du, đồng thời là một tác phẩm tiêu biểu của văn thơ Việt Nam hồi ấy. Mặc dầu còn bị tư tưởng định mệnh chi phối, *Truyện Kiều* là tiếng nói đanh thép lên án những thế lực bạo tàn của xã hội phong kiến chà đạp cuộc sống và mọi giá trị của con người, phần nào ca ngợi cuộc đấu tranh của nông dân. *Truyện Kiều* thừa kế và phát huy đến cao độ những tinh hoa của thơ ca dân gian.

Đặc biệt nổi lên hàng loạt nhà thơ nữ như Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Lê Ngọc Hân, bà huyện Thanh Quan...

Hồ Xuân Hương, quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An), lớn lên ở kinh thành Thăng Long. Bà sớm trở thành một nhà thơ Nôm châm biếm nổi tiếng, một tài năng hiếm có.

Qua những bài thơ ngắn 8 câu, Hồ Xuân Hương dùng tiếng cười đả kích sâu cay hệ thống vua quan phong kiến, phê phán chế độ đa thê, bênh vực và đòi quyền sống bình đẳng của người phụ nữ.

Ví đây đổi phận làm trai được
Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu !

Xuất hiện một số tác phẩm văn học viết theo thể kí sự, truyện ngắn, tiểu thuyết như *Thượng kinh kí sự, Hoàng Lê nhất thống chí, Công dư tiệp kí...*

Văn học thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX đã phản ánh một cách phong phú và sâu sắc cuộc sống của xã hội đương thời cùng những thay đổi trong tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của con người Việt Nam.

Các hình thức văn nghệ dân gian phát triển phong phú. Nghệ thuật sân khấu, tuồng, chèo, phổ cập ở khắp nơi. Trong các ngày hội ở miền xuôi xuất hiện hàng loạt làn điệu dân ca như Quan họ, Trống quân, hát dặm, hát ví hò, lí, sa mạc, cò lả... Ở miền núi có hát lượn, hát khắp, hát khan.

thuongmaitr

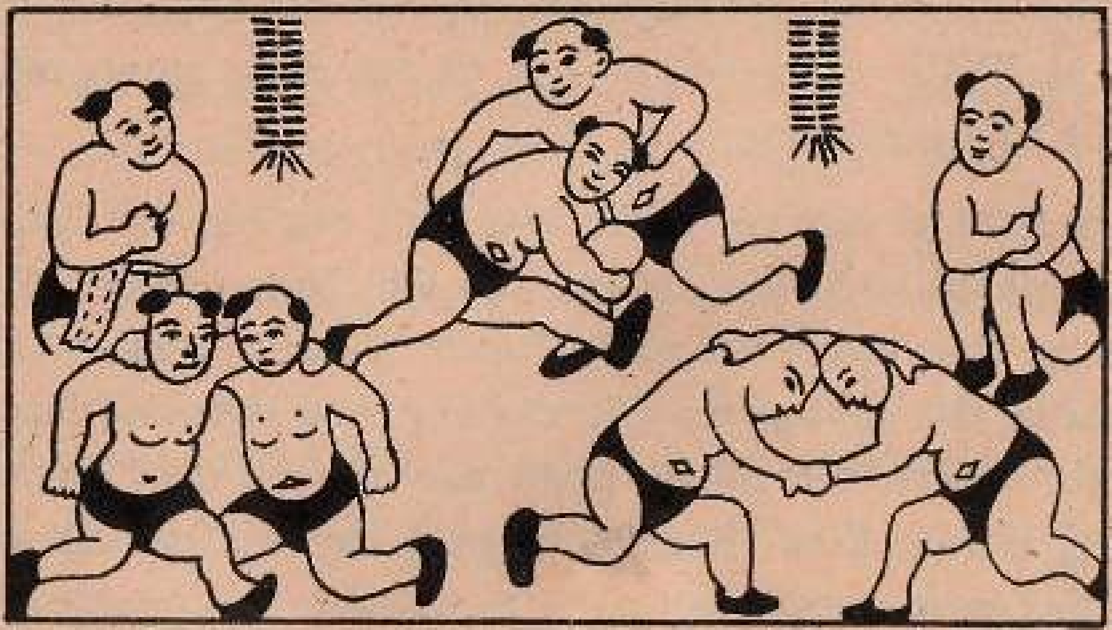

Hình 9 – Đánh vật (tranh dân gian)

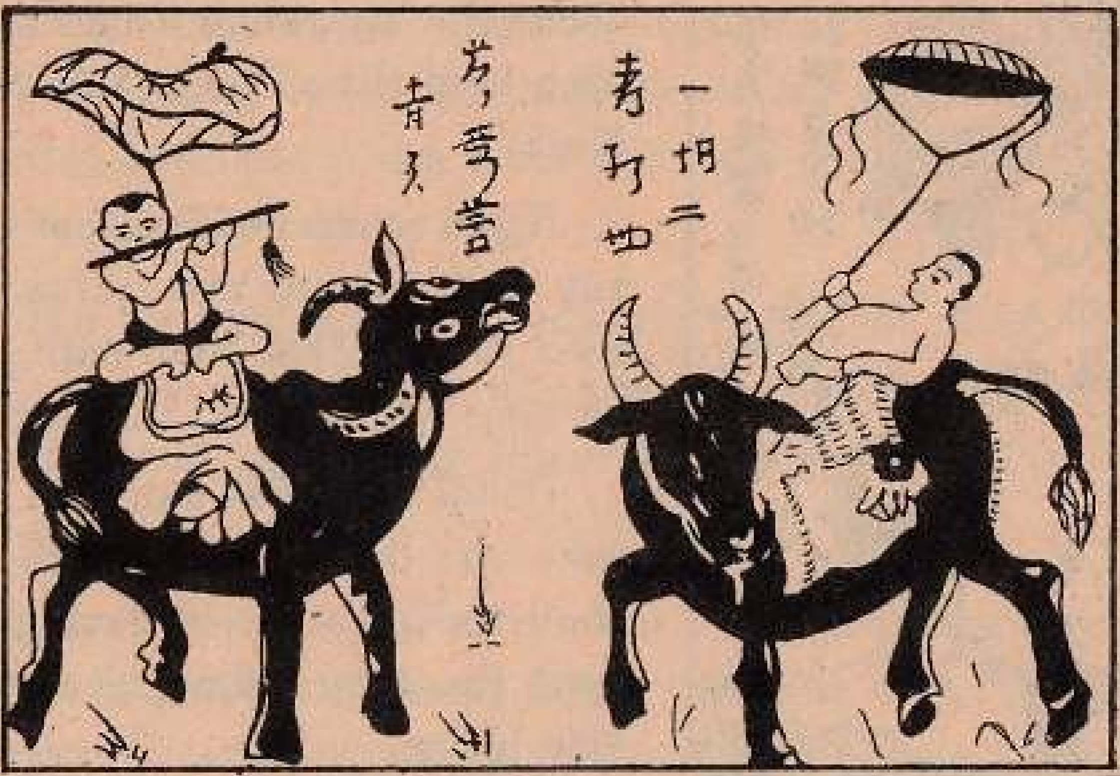

Hình 10 – Chăn trâu thổi sáo (tranh dân gian)

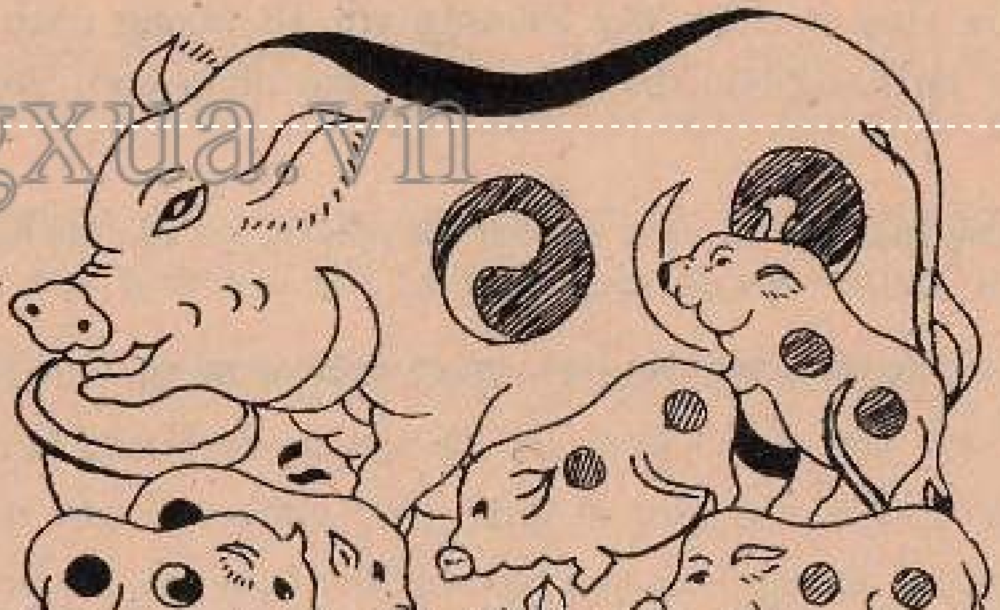

uongxua.vn

Hình 11 – Lợn nái (tranh dân gian)

Trên cơ sở truyền thống hội họa cũ, xuất hiện tranh dân gian, quê hương là Đông Hồ (Thuận Thành – Bắc Ninh), một thể loại sáng tác độc đáo mang đậm màu sắc dân tộc.

Về mặt kiến trúc, việc xây dựng đình chùa ít nhiều tiếp tục truyền thống trước kia. Nổi lên các công trình kiến trúc có chùa Tây Phương

Hình 12 – Hứng dừa
(tranh dân gian)

(Thạch Thất – Hà Tây) ; chùa Hương Tích (Hà Tây), chùa Thiên Mụ (Huế) ; đình làng Đình Bảng (Tiên Sơn – Bắc Ninh)...

Ngoài ra còn có hàng loạt công trình xây dựng của nhà nước : thành lũy theo kiểu Vô băng (học của Pháp), cung điện và lăng tẩm các vua thời Nguyễn.

Đề tài điêu khắc dân gian giảm dần, thay vào đó là những cách trang trí công thức, gò bó, khô cứng. Trái lại, nghệ thuật tạc tượng lại đạt trình độ điêu luyện.

Tượng Thánh Trấn Võ ở đền Quán Thánh (Hà Nội) bằng đồng đen, cao 3m ; 18 tượng La Hán ở chùa Tây Phương với 18 phong cách khác nhau đã thể hiện tài năng bậc thầy của các nghệ nhân cuối thế kỉ XVIII.

thuongmaitu

?

1. Những biểu hiện chứng tỏ sự phát triển phong phú của văn học (nói chung) thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX ?

2. Từ những bức tranh dân gian, em có nhận xét gì về đề tài của tranh dân gian ?

II – SỰ CHUYỂN BIẾN VỀ KHOA HỌC – KĨ THUẬT

1. Sự phát triển của sử học, địa lí và các khoa học khác

Sử học tiếp tục phát triển và mang nhiều nét mới. Bên cạnh bộ sử chính thống như *Đại Việt sử kí* (thời Tây Sơn), *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục* (52 quyển), *Đại Nam thực lục* (144 quyển), xuất hiện một số bộ sử riêng của một số nhà sử học lớn đương thời, đặc biệt là Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú. Quan điểm về tính chính xác khoa học của sử liệu được đề cao.

Việc biên soạn các địa phương chí trở nên phổ biến, đồng thời xuất hiện một số bộ địa lí và địa lí lịch sử có giá trị như : *Nhất thống địa dư chí* của Lê Quang Định, *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức... Những kiến thức về địa lí thế giới được phổ biến trong *Vân Đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn.

Y học dân tộc phát triển lên một bước đáng kể. Xuất hiện nhiều công trình về y học, dược học dân tộc, đặc biệt là bộ *Hải thượng y tông tâm lĩnh* của người thầy thuốc nổi tiếng cuối thế kỉ XVIII Lê Hữu Trác.

Xuất thân từ một gia đình nho học ở Hưng Yên, bản thân Lê Hữu Trác cũng là một nhà nho uyên thâm. Bất bình trước cảnh thối nát của nhà nước Lê – Trịnh, thông cảm sâu sắc với cuộc sống cực khổ, bị áp bức của nhân dân, ông đã từ bỏ con đường nho học để trở thành một người thầy thuốc của nhân dân.

Lê Hữu Trác đã phát hiện thêm công dụng của 305 vị thuốc nam và thu thập được 2.554 phương thuốc trị bệnh của nhân dân ta.

Một số thành tựu về triết học, nông học cũng được đưa vào sách vở, đặc biệt của nhà bác học Lê Quý Đôn.

Lê Quý Đôn, người huyện Duyên Hà (Thái Bình) là một nhà nho uyên bác, nhà thơ, nhà sử học lỗi lạc, nhà địa lí học, triết học, nông học, sưu tập văn học đồng thời cũng là một nhà chính trị, nhà kinh tế. Ông là một người làm việc không mệt mỏi, có tác phong khoa học, có ý thức dân tộc và rất ham học.

Tuy nhiên, do sự kìm hãm của Nho giáo và sự hạn chế của nội dung giáo dục, thi cử cực kì lạc hậu đương thời, cũng như do sự phát triển chậm chạp của kinh tế hàng hóa, khoa học tự nhiên không có điều kiện xâm nhập và phát triển.

? – Điểm lại những thành tựu khoa học đương thời.

2. Những thành tựu kĩ thuật

Một số thành tựu kĩ thuật ở đầu thế kỉ XV không được tiếp nối. Kĩ thuật đúc súng theo kiểu phương Tây của thế kỉ XVII cũng không được lưu truyền. Sang thế kỉ XVIII, sự tiếp xúc với phương Tây và nhu cầu quân sự, kinh tế trong nước cho phép mở rộng hơn việc nghiên cứu kĩ thuật tiên tiến trên thế giới.

Người thợ thủ công Đàng Trong Nguyễn Văn Tú, sau hai năm sống ở Hà Lan, đã học được kĩ thuật làm đồng hồ và kính thiên lí. Việc đúc súng lớn đã thành quen thuộc. Nghề đóng thuyền lớn đạt trình độ cao.

Một viên sĩ quan hải quân Mĩ đến nước ta năm 1820 đã ca ngợi "Người Việt Nam quả là những nhà đóng tàu thành thạo. Họ hoàn thành công trình của họ với một kĩ thuật hết sức chính xác".

Thợ thủ công nhà nước đã chế được máy xẻ gỗ chạy bằng sức nước, máy hút nước dưới ruộng. Đặc biệt trên cơ sở nghiên cứu tàu thủy của phương Tây, họ đã cùng nhau đóng được những chiếc tàu thủy chạy bằng máy hơi nước đầu tiên.

Những thành tựu văn hóa, khoa học kĩ thuật của thế kỉ XVIII – nửa đầu XIX, mặc dầu còn nhiều hạn chế do chế độ phong kiến gây nên, đã thể hiện rõ sức sáng tạo và tài năng to lớn của những người lao động Việt Nam. Triều đại Nguyễn đã kìm hãm và làm thui chột những tài năng đó, giữ nước ta trong vòng lạc hậu.

?

1. Những nét mới trong sự phát triển của văn học, nghệ thuật ở nước ta thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX.
2. Những thành tựu đáng chú ý về khoa học, kĩ thuật.
3. Thông qua những thành tựu văn hóa, khoa học kĩ thuật ở nước ta thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX, em suy nghĩ gì về năng lực khoa học, kĩ thuật của dân tộc ta ?
4. Em thử thống kê các thành tựu văn học, nghệ thuật và khoa học kĩ thuật ở nước ta thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX.

thuongmaitu

Bài 9

SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XVI ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

1. Về chính trị

Sự suy yếu của chính quyền trung ương và sự phát triển của các thế lực phong kiến địa phương, thế kỉ XVI – XVII đã dẫn đến những biến chuyển quan trọng về chính trị. Thế kỉ XVII và phần lớn thế kỉ XVIII, nước ta bị chia cắt làm hai miền với hai chính quyền khác nhau : Đàng Ngoài (Lê – Trịnh), Đàng Trong (Nguyễn). Chiến tranh phong kiến bùng nổ và kéo dài hàng thế kỉ chỉ gây nên những tổn thất nặng nề cho nhân dân. Cuối thế kỉ XVII, hòa bình được lập lại. Tình hình ổn định kéo dài cho đến những thập niên đầu thế kỉ XVIII.

Sự thoái hóa, suy sụp của cả hai chính quyền và ách bóc lột tàn tệ của giai cấp địa chủ phong kiến lại làm bùng nổ một cuộc đấu tranh rộng lớn của nông dân, đặc biệt là phong trào Tây Sơn. Như một lực lượng đấu tranh cho sự tiến bộ xã hội, phong trào nông dân Tây Sơn lần lượt phá vỡ các trở ngại trên đường đi của mình, khôi phục nền thống nhất đất nước. Giai cấp địa chủ hai miền đã câu kết với nhau, đánh bại triều đại Tây Sơn. Nhà nước phong kiến phản động Nguyễn thành lập. Nền quân chủ chuyên chế phong kiến suy tàn đè nặng lên cuộc sống của nhân dân được duy trì cho đến lúc thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta.

2. Về kinh tế

Mặc dầu luôn luôn bị chiến tranh tàn phá, nhân dân lao động vẫn cố gắng vươn lên bảo vệ cuộc sống của mình, phát triển nền kinh tế. Diện tích ruộng đất được mở rộng hơn trước. Trừ những thời gian khủng hoảng, nông nghiệp được bảo đảm ở mức cần thiết, công thương nghiệp có chiều hướng phát triển. Các nghề thủ công cổ truyền (dệt, gốm, làm giấy, nấu đường, đóng thuyền, khai mỏ...) được nâng cao về mặt tổ chức sản xuất, kĩ thuật và mở rộng về quy mô. Xuất hiện một số nghề mới (in bản gỗ, làm đồng hồ, đúc súng). Đặc biệt ở thế kỉ

XIX, một số thành tựu kĩ thuật tiên tiến (máy hơi nước...) được tiếp thu. Thương nghiệp phát triển, chợ làng, chợ huyện mọc lên ở nhiều nơi. Cùng với việc mở rộng ngoại thương (với thương nhân Nhật Bản, phương Tây)..., sự phát triển của công thương nghiệp trong nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự hưng khởi của thành thị (Phố Hiến, Hội An...). Đặc biệt, Thăng Long (Kẻ Chợ) phát triển mạnh lên thành một trung tâm lớn của nền kinh tế hàng hóa ở nước ta.

Tuy nhiên, xu thế tiến lên về kinh tế hàng hóa đó chẳng bao lâu đã bị những chính sách lạc hậu của các nhà nước phong kiến, đặc biệt là nhà Nguyễn, kìm hãm và làm suy sụp. Việc tiếp xúc, trao đổi với nước ngoài giảm sút. Nền kinh tế rơi vào tình trạng bảo thủ.

3. Phong trào nông dân

Lịch sử nước ta ở thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX đã chứng kiến những cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt của nông dân. Mở đầu ở Đàng Ngoài, phong trào nông dân nhanh chóng lan rộng khắp miền đồng bằng và trung du, đánh mạnh vào cơ sở của xã hội phong kiến, làm lung lạy tận gốc chính quyền Lê – Trịnh. Tiếp đó, phong trào nông dân Tây Sơn, bùng lên ở Đàng Trong, từng bước đánh đổ các thế lực phong kiến đang thống trị (Nguyễn, Trịnh, Lê) ; khi có giặc ngoại xâm, đã đại diện cho dân tộc, giương cao lá cờ bảo vệ Tổ quốc, đánh tan quân xâm lược (Xiêm, Mãn Thanh). Triều đình Tây Sơn thành lập, tiến hành một số cải cách tiến bộ, nhưng không có điều kiện tồn tại lâu dài. Tập đoàn phong kiến Nguyễn đã giành lại quyền thống trị trên phạm vi cả nước. Cuộc đấu tranh của nông dân lại bùng nổ với số lượng lớn chưa từng có, song không tập trung lại được. Cùng với nông dân, các dân tộc ít người ở cả hai miền Nam, Bắc cũng nổi dậy đấu tranh chống sự áp bức kìm kẹp của chính quyền phong kiến Nguyễn.

4. Về văn hóa, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật

Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nhu cầu sống còn của nhân dân lao động là những nhân tố thúc đẩy sự phát triển của văn hóa, nghệ thuật và khoa học kĩ thuật.

Văn học nghệ thuật dân gian phát triển mạnh mẽ và ngày càng phong phú về cả nội dung lẫn hình thức. Nhân dân lao động đã sử

dụng nó như một thứ vũ khí đấu tranh sắc bén và mềm dẻo chống lại trật tự xã hội cũ và tư tưởng phong kiến Nho giáo, ca ngợi cuộc sống tự do, phóng khoáng, đẹp đẽ của con người... Sự phát triển đó ảnh hưởng quan trọng đến các nhà văn, nhà thơ lỗi lạc đương thời, đã tạo nên những áng thơ tuyệt tác, tiêu biểu có *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

Tư tưởng khoa học phổ cập và ngày càng được coi trọng. Xuất hiện những bộ sử, địa lí, y học lớn. Tầm nhìn của các nhà nho được mở rộng ra thế giới. Những thành tựu nông nghiệp của dân tộc được đúc kết.

Sự tiếp xúc với những thành tựu khoa học kĩ thuật tiên tiến của phương Tây bước đầu đạt được những kết quả đáng kể (đồng hồ, kính thiên lí, tàu thủy chạy bằng máy hơi nước...). Con đường đi đến thời đại khoa học kĩ thuật đã mở.

Nhưng, nhà Nguyễn, triều đại phong kiến dân tộc cuối cùng, đã kìm hãm và làm thui chột mọi sáng tạo và tài năng của người dân lao động. Thế kỉ XIX, trong khi các nước phương Tây tranh nhau tìm thị trường thì nước ta lại đang trong tình trạng trì trệ, trở thành đối tượng xâm lược của chủ nghĩa tư bản Tây Âu. Song những cuộc đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân đã từng bước ngăn chặn bàn tay xâm lược của bọn thực dân. Nhân dân Việt Nam đã kiên trì chống lại âm mưu biến nước ta thành một nước lệ thuộc.

?

– Hãy trình bày những đặc điểm của phong trào nông dân ở thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX.

– Em thử tìm những đặc điểm khái quát về sự phát triển của văn hóa dân tộc từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX.

CHƯƠNG II

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ ĐÔ HỘ (NỬA SAU THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 10

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM (1858 - 1873)

thuongmaitr

I – TÌNH HÌNH CHIẾN SỰ Ở ĐÀ NẴNG VÀ BA TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM KÌ

1. Chiến tranh bùng nổ. Giặc Pháp trên chiến trường Đà Nẵng (1858 – 1859)

Giữa thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây trên đà phát triển mạnh mẽ đang ra sức bành trướng thế lực, tìm kiếm thị trường. Cả khu vực Đông và Đông Nam châu Á đất rộng người đông, tài nguyên dồi dào, đã trở thành miếng mồi ngon cho bọn chúng kéo đến tranh nhau xâu xé, chiếm đoạt. Việt Nam nằm vào trung tâm khu vực đó tất nhiên không tránh khỏi bị bọn chúng dòm ngó thèm thuồng.

Đặc biệt tư bản Pháp đã có âm mưu xâm lược nước ta từ rất sớm. Tàu chiến Pháp nhiều lần cập bến Đà Nẵng xin đặt quan hệ thông

thương, bị cự tuyệt, có lần chúng đã trắng trợn nổ súng khiêu khích. Trong khi đó, bọn đội lốt giáo sĩ lấy cớ truyền đạo Gia Tô không ngừng hoạt động điều tra do thám, gây cơ sở bên trong, chia rẽ lương giáo, phá hoại đoàn kết dân tộc.

Trước sự uy hiếp ngày càng lộ liễu và gay gắt của tư bản Pháp, vua tôi triều Nguyễn bị động, đối phó bằng cách đóng chặt cửa không cho vào buôn bán và cấm đạo, giết đạo. Bọn tư bản thực dân Pháp vì vậy càng có thêm cớ để hành động. Từ chiều ngày 31-8-1858, đội tàu chiến chở 3000 quân xâm lược vừa Pháp, vừa Tây Ban Nha kéo tới cửa Đà Nẵng dàn trận (1).

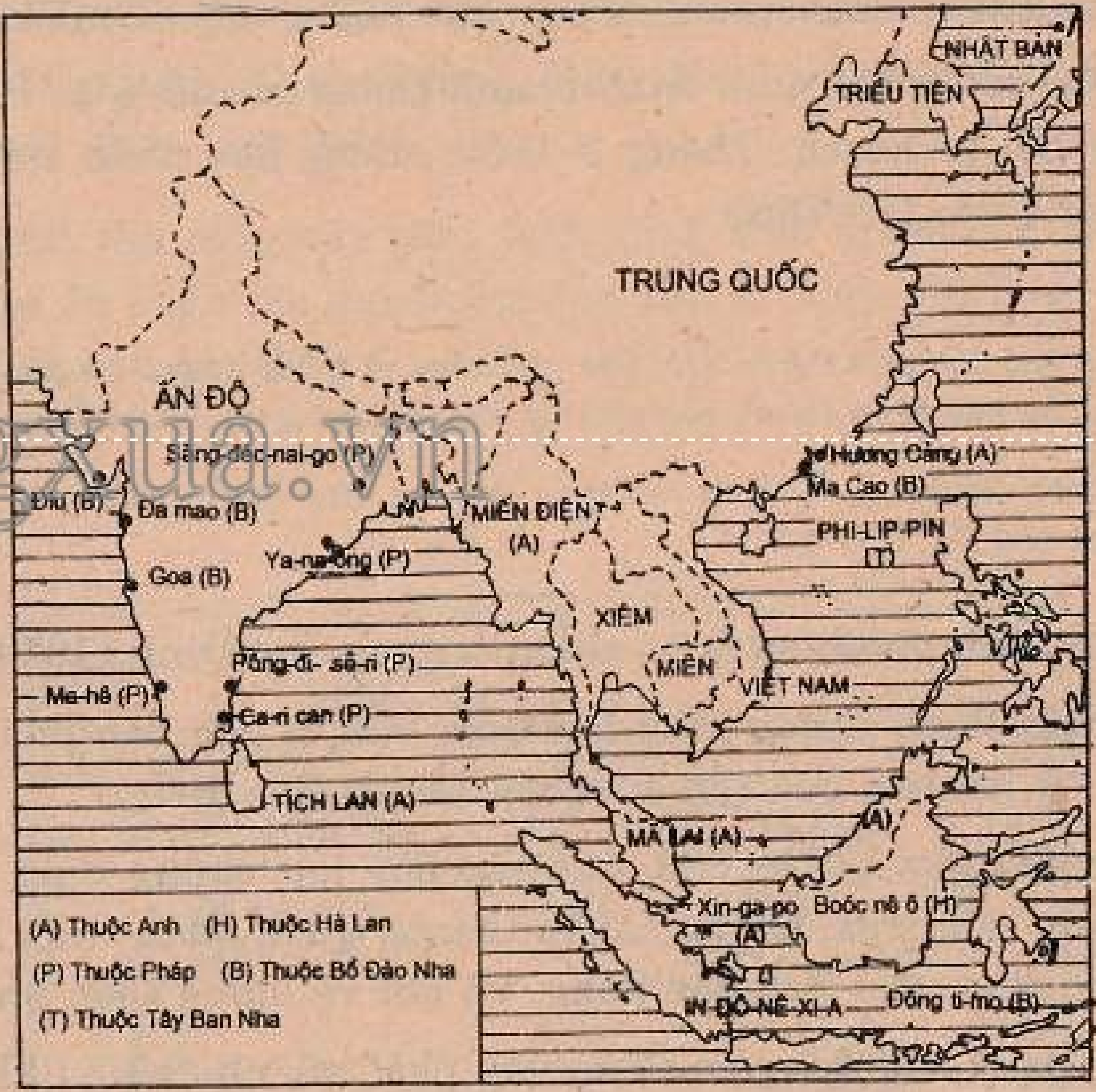

Hình 13 – Đông và Đông Nam châu Á
trước nạn xâm lược của tư bản thực dân phương Tây.

---

(1) Sở dĩ có liên minh quân sự giữa Pháp và Tây Ban Nha vì có một số giáo sĩ Tây Ban Nha bị triều đình Huế giam giữ và giết hại. Nhưng sự thực thì tư bản Tây Ban Nha lúc đó cũng muốn chớp thời cơ để kiếm lời.

Sau khi đưa thư buộc nộp thành không có kết quả, chúng nã đại bác lên bờ, rồi đổ bộ đánh chiếm bán đảo Sơn Trà vào sáng mồng 2-9.

Nghe tin báo gấp, triều đình Huế vội phái 2000 quân tới tiếp viện, nhưng không đánh được chúng.

Sau đó, Nguyễn Tri Phương được cử làm tổng chỉ huy mặt trận Quảng Nam để lo việc chống giặc. Ông huy động quân dân đắp lũy dài 3 km, bao vây giặc ngoài mé biển, cản đường chúng tiến sâu vào bên trong. Ông còn ra lệnh cho nhân dân trong vùng làm vườn không nhà trống, rồi dời vào trong đất liền để khỏi bị bắt lính, nộp lương, cung cấp tin tức. Suốt trong 5 tháng, giặc giẫm chân tại chỗ. Lực lượng ngày một hao mòn phần vì bị tiêu diệt, phần vì ốm đau chết chóc do thời tiết. Thuốc men thiếu, thực phẩm tiếp tế rất khó khăn.

Thất bại trong âm mưu đánh nhanh thắng nhanh, giặc Pháp buộc phải thay đổi kế hoạch. Tháng 2-1859, chúng kéo phần lớn số quân tại Đà Nẵng vào Gia Định.

?

– Tại sao đến giữa thế kỉ XIX khu vực Đông và Đông Nam châu Á lại trở thành miếng mồi ngon cho tư bản phương Tây nói chung và tư bản Pháp nói riêng ?

– Thực dân Pháp đã đánh chiếm và thất bại trên chiến trường Đà Nẵng như thế nào ?

thuongmaitr

2. Tình hình chiến sự trên chiến trường Gia Định (1859 - 1862)

Tàu chiến Pháp ngược sông Sài Gòn, vừa đi vừa bắn phá các đồn trại quân ta hai bên bờ, tiến sát chân thành Gia Định.

Sáng sớm ngày 17-2-1859, dựa vào hỏa lực, chúng tung quân đổ bộ tấn công. Đến trưa, chúng chiếm thành. Quan quân triều đình tan rã nhanh chóng mặc dù quân đông, vũ khí và lương thực nhiều.

Nhưng ngay sau đó, giặc Pháp vấp phải rất nhiều khó khăn. Các đội nghĩa quân ngày đêm bám sát, bao vây tìm cách tiêu diệt chúng. Nghĩa quân phục kích giết chỉ huy giặc ngay giữa Sài Gòn, đánh đắm tàu giặc trên sông. Lúc này, lực lượng Pháp còn bị chia xẻ ở chiến trường I-ta-li-a, Trung Quốc, không thể tiếp viện cho chiến trường Việt Nam, chúng còn phải rút hết số quân cầm chốt ở Đà Nẵng và một phần lực lượng của Gia Định đưa sang Trung Quốc. Tại mặt trận Sài Gòn, Pháp chỉ có độ 1000 quân rải trên một chiến tuyến dài 10 km.

Nguyễn Tri Phương được cử vào phụ trách mặt trận Gia Định, chỉ ra sức huy động quân dân xây dựng gấp rút đại đồn Chí Hòa để chặn không cho địch mở rộng chiếm đóng về phía Tây mà không chủ động tung quân tiêu diệt địch khi có thời cơ.

Giặc Pháp khi đó vừa giải quyết xong việc can thiệp vũ trang vào Trung Quốc, tập trung ngay lực lượng đánh chiếm nước ta.

Sáng ngày 24-2-1861, chúng bắt đầu nổ súng công phá Chí Hòa. Quân triều đình chống lại kịch liệt. Nhưng trước hỏa lực mạnh của địch, đồn Chí Hòa bị giặc chiếm. Nguyễn Tri Phương bị thương, quan quân phải rút chạy. Pháp lần lượt đánh chiếm các tỉnh Định Tường, Biên Hòa và Vĩnh Long. Đầu năm 1862, toàn bộ ba tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và một tỉnh miền Tây (Vĩnh Long) đã bị giặc chiếm.

Trước sức tấn công của giặc, triều đình Huế nhằm cứu vãn quyền lợi giai cấp đã phản bội quyền lợi dân tộc, kí hiệp ước 5-6-1862 với các điều khoản nặng nề :

uongxua.vn

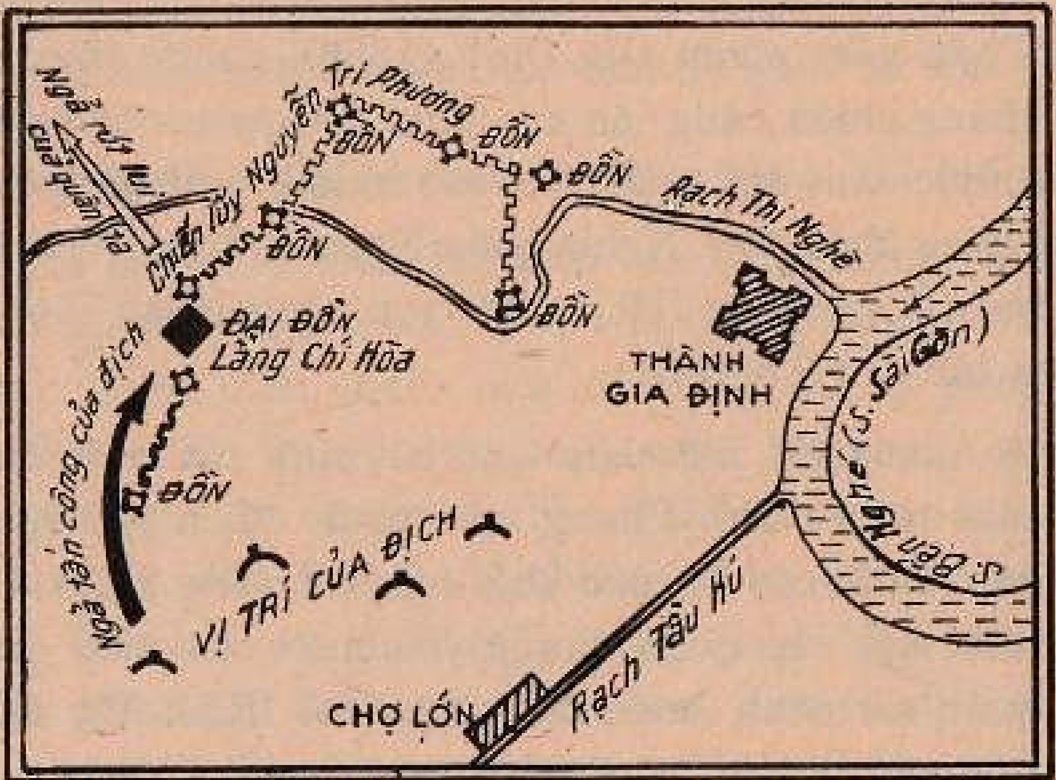

Hình 14 – Chiến trường Gia Định (1860 – 1861)

Nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kì (và Côn Đảo) ; mở các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho Pháp vào tự do buôn bán ; bồi thường một khoản chiến phí rất nặng cho Pháp.

Hiệp ước mới kí kết thực chất là một văn kiện bán nước của vua quan triều Nguyễn cho giặc Pháp.

?

- Những khó khăn của quân Pháp sau khi chiếm thành Gia Định ? Tại sao chúng vẫn bám được Gia Định để đánh chiếm nhiều nơi khác ?
- Vì lẽ gì triều Nguyễn đã kí hiệp ước năm 1862 và hiệp ước ấy tai hại cho ta như thế nào ?

II – MIỀN NAM TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC PHÁP

1. Nhân dân miền Nam nêu cao ngọn cờ chống giặc cứu nước

Tiếng súng của giặc Pháp tại Đà Nẵng đã dấy lên cả một làn sóng yêu nước chống xâm lược. Từ Nam Định, đội quân học sinh gồm 300 người do đốc học Phạm Văn Nghị cầm đầu đã lên đường vào Nam xin chiến đấu[1]. Tại Đà Nẵng, đội nghĩa binh do Phạm Gia Vĩnh phối hợp chặt chẽ với quân triều đình chống giặc.

Khi giặc Pháp xâm phạm Gia Định (1859), phong trào nhân dân hưởng ứng kháng chiến càng lên cao. Các đội quân nông dân do các nhà nho yêu nước cầm đầu xuất hiện rất nhiều, hoạt động mạnh làm giặc Pháp vô cùng khốn đốn. Nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đốt cháy, đánh chìm tàu Et-pê-răng (Hi vọng) trên sông Nhật Tảo, tiêu diệt gọn địch trên tàu (10-12-1861).

Từ sau hiệp ước 1862, bất chấp lệnh bãi binh của triều đình, nhân dân không chịu rời vũ khí. Phong trào phản đối hiệp ước lan rộng trong nhân dân. Đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa *Trương Định*. Ông được sự ủng hộ nhiệt liệt của quần chúng yêu nước, đã kiên quyết ở lại cùng nghĩa quân sát cánh chiến đấu. Ngọn cờ "Bình Tây đại nguyên

---

(1) Nhưng triều đình đã không chấp nhận yêu cầu này và buộc Phạm Văn Nghị phải đưa quân ra Bắc.

soái" phấp phới tung bay gây tin tưởng cho nhân dân, đồng thời cũng làm cho bè lũ cướp nước, bán nước khiếp đảm. Căn cứ Tân Hòa (Gò Công) trở thành đại bản doanh của phong trào chung toàn miền. Chính giặc Pháp đã cho rằng : năm 1862, phong trào đều khắp mọi nơi, gần như "tổng khởi nghĩa".

Để đối phó với tình hình, chúng phải xin thêm viện binh, rồi mở cuộc tấn công lớn vào căn cứ Tân Hòa (2-1863). Nghĩa quân anh dũng cầm cự suốt 3 ngày, sau đó rút khỏi căn cứ để bảo toàn lực lượng. *Trương Định* cùng nghĩa quân ra sức xây dựng căn cứ mới ở vùng Tân Phước, ven sông Soài Rạp, địa thế rất hiểm yếu. Nhưng có tay sai dẫn đường, giặc Pháp bí mật lọt vào căn cứ. Bị bất ngờ đánh úp, Trương Định cùng nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng. Sau khi bị trúng đạn gẫy xương sống, không muốn để giặc bắt, ông đã rút gươm tự sát (20-8-1864).

Chủ tướng hi sinh, nghĩa quân bị tổn thất nặng, nhưng phong trào kháng chiến vẫn tiếp tục. Con trai ông là Trương Quyền đưa một đội nghĩa quân lên gây cơ sở ở Tây Ninh. Một số chỉ huy khác cũng đưa nghĩa quân đi xây dựng căn cứ ở nhiều nơi, kéo dài cuộc chiến đấu.

uongxua.vn

?

- Tinh thần yêu nước chống Pháp của nhân dân Nam Kì đã thể hiện như thế nào khi giặc Pháp kéo tới xâm lược ? Và sau khi hiệp ước 1862 được kí kết ?
- Cuộc khởi nghĩa Trương Định có những nét gì đặc sắc nhất ?

2. Cuộc chiến đấu của nhân dân Nam Kì tiếp tục

Sau khi kí hiệp ước 1862, bất chấp làn sóng phản đối dâng lên rất cao, triều Nguyễn càng đi sâu hơn vào con đường đối lập với nhân dân cả nước. Triều đình lo dồn mọi lực lượng đàn áp phong trào nông dân miền Bắc, miền Trung ; tìm cách ngăn trở phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân miền Nam. Đối với thực dân Pháp, triều đình chủ trương điều đình hòng chiếm lại ba tỉnh miền Đông. Phái đoàn Phan Thanh Giản lên đường sang Pháp để làm nhiệm vụ đó. Phái tư bản thực dân hiếu chiến phá hoại, chuyến đi thất bại. Chính phủ Pháp cự tuyệt đề nghị của triều đình Huế. Không những thế, thực dân Pháp còn chuẩn bị ráo riết việc đánh chiếm ba tỉnh miền Tây còn lại.

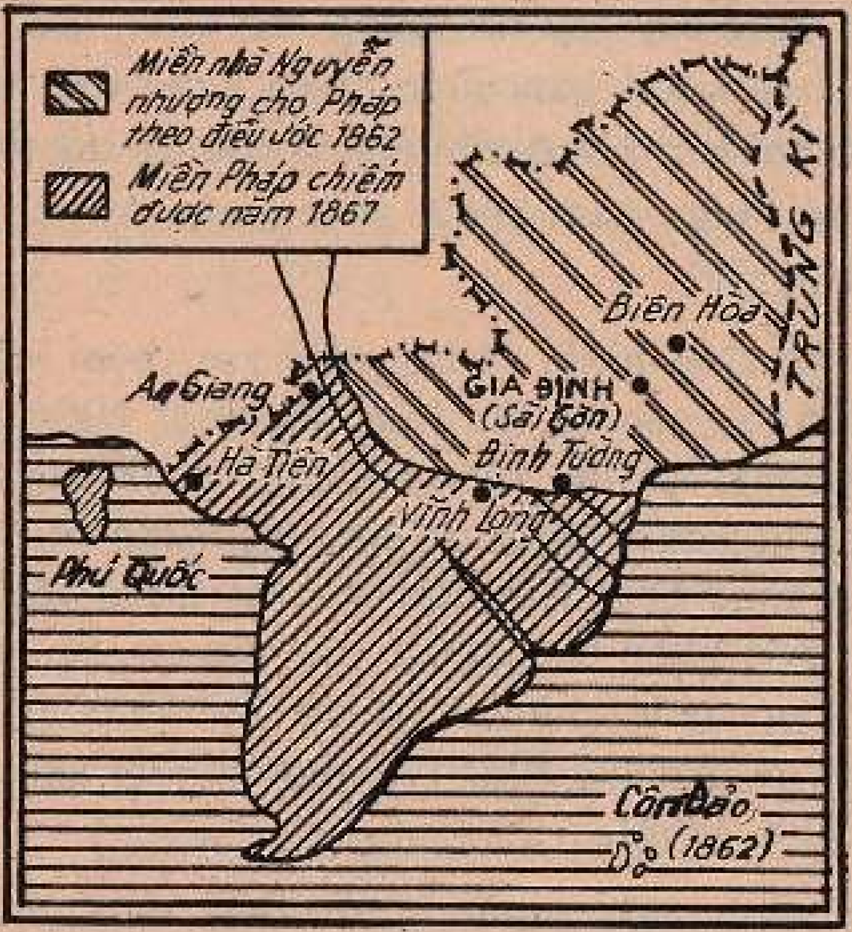

Hình 15 – Thực dân Pháp chiếm sáu tỉnh Nam Kì

Sau khi chuẩn bị xong, lấy cớ triều đình Huế vẫn bí mật ủng hộ nghĩa quân miền Đông, chúng đưa thư buộc quan lại nhà Nguyễn phải nộp các thành cho chúng. Đại diện triều đình ở miền Tây là Phan Thanh Giản đã giao thành Vĩnh Long cho chúng, sau đó còn ra lệnh cho hai tỉnh An Giang và Hà Tiên làm theo. Chỉ trong 5 ngày (từ 20 đến 24-6-1867) giặc Pháp đã nuốt gọn ba tỉnh miền Tây, không nổ một phát súng.

Căm phẫn trước hành động đầu hàng của bè lũ vua quan, nhân dân Nam Kì đã đẩy mạnh thêm một bước cuộc chiến đấu. Một số nhà nho yêu nước tìm đường ra Bình Thuận (Trung Kì) xây dựng cơ sở chống giặc lâu dài về sau. Một số khác do hoàn cảnh phải ở lại vùng giặc chiếm như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị dùng văn thơ làm vũ khí ca ngợi những gương hi sinh anh dũng của các anh hùng liệt sĩ, vạch mặt bọn đầu hàng bán nước.

Đông đảo những người khác vẫn kiên trì bám đất, bám dân tiến hành đấu tranh vũ trang quyết liệt với quân thù. Phong trào nổi lên mạnh mẽ khắp ba tỉnh. Hai anh em Phan Tam, Phan Ngũ cầm đầu

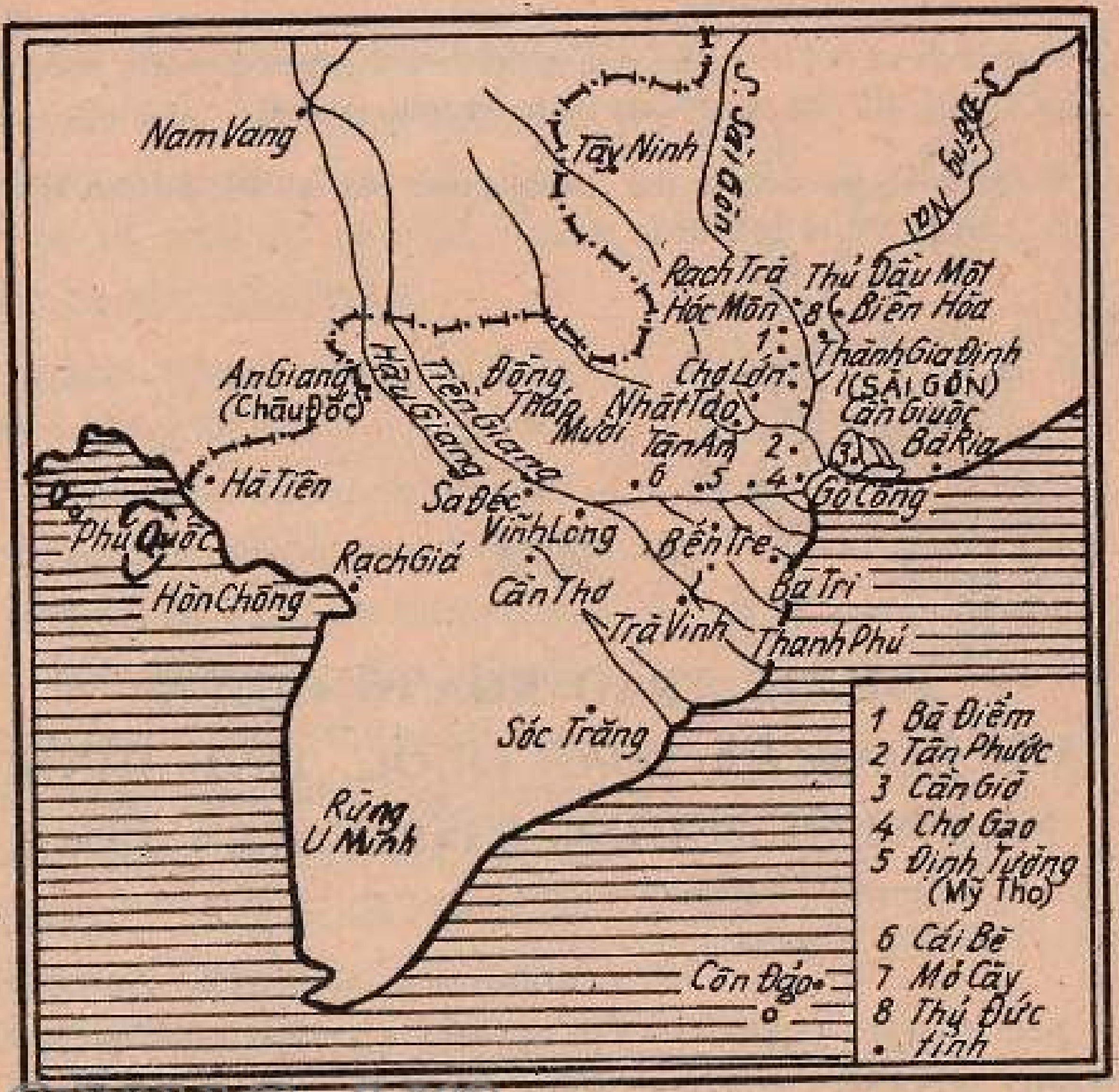

Hình 16 – Những trung tâm khởi nghĩa chống Pháp ở sáu tỉnh Nam Kì

uongxua.vn

nghĩa quân hoạt động mạnh suốt một vùng rộng lớn các tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc [1], Trà Vinh, trong 2 năm 1867 – 1868. Đặc biệt, nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực từ căn cứ Hòn Chông đã vượt biển, đổ bộ, tiêu diệt chớp nhoáng đồn Kiên Giang (tháng 6 – 1867). Khi bị giặc bắt đưa ra chém, ông đã khẳng khái tuyên bố : "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây".

Trong thời gian này, phong trào kháng chiến ở miền Đông cũng trỗi dậy. Nguyễn Hữu Huân bị bắt đi đầy mới được tha về lại tiếp tục chống Pháp trong vùng Tân An, Mĩ Tho (1875). Nhưng chỉ được ít lâu, ông lại bị bắt. Trước khi chết, ông vẫn ung dung làm thơ khẳng định tinh thần yêu nước bất khuất của mình.

Đến đây, các cuộc khởi nghĩa lớn nói chung không còn nữa. Nhưng phong trào yêu nước chống giặc của nhân dân Nam Kì vẫn kéo dài, không hề bị dập tắt.

---

(1) Nay thuộc tỉnh Đồng Tháp

?

1. Phân tích sự đớn hèn của vua, quan triều Nguyễn qua việc triều đình chuộc lại ba tỉnh đã mất và để mất thêm ba tỉnh còn lại.

2. Bằng những sự việc cụ thể, chứng minh câu nói bất hủ của Nguyễn Trung Trực trước khi bị giặc Pháp giết.

Bài 11

PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN MỞ RỘNG RA TOÀN QUỐC. TÌNH HÌNH NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN (1873 - 1884)

I – THỰC DÂN PHÁP ĐÁNH CHIẾM HÀ NỘI. CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN MIỀN BẮC

thuongmait

1. Âm mưu mới của thực dân Pháp

Chiếm xong sáu tỉnh Nam Kì, chúng dừng lại, gấp rút biến Nam Kì thành bàn đạp vững chắc đánh miền Bắc và miền Trung.

Một mặt, chúng ra sức củng cố bộ máy cai trị và quân sự từ trên xuống dưới để đối phó với phong trào đấu tranh vũ trang của nhân dân miền Nam ở khắp nơi. Mặt khác, chúng đẩy mạnh thủ đoạn bóc lột nhân dân ta : sưu cao, thuế nặng, cướp đoạt ruộng đất, vơ vét lúa gạo, xuất cảng kiếm lời... Để phục vụ đắc lực các chính sách chính trị – quân sự, kinh tế trên, chúng mở một số trường học nhằm đào tạo gấp tay sai ; xuất bản báo chí Quốc ngữ và chữ Pháp tuyên truyền cho việc đưa quân ra đánh chiếm Bắc Kì sắp tới.

Âm mưu của kẻ thù thâm độc và lộ liễu như vậy, nhưng phong kiến triều Nguyễn vẫn không tỉnh ngộ. Trước sau, chúng chỉ muốn thương thuyết để chuộc lại các tỉnh đã mất.

Trong khi đó, chúng vẫn không ngừng ra sức bòn rút nhân dân ta, vừa để cung ứng cho cuộc sống xa hoa của bè lũ, vừa để có tiền "bồi thường chiến phí" cho Pháp.

Các ngành nông, công, thương nghiệp đều bị bỏ bê trễ, kìm hãm về mọi mặt. Tài chính thêm thiếu hụt, đời sống nhân dân càng kiệt quệ. Tình hình đó dẫn tới sự bùng nổ hàng loạt các cuộc khởi nghĩa nông dân. Ngoài Bắc, nhiều toán thổ phỉ từ Trung Quốc tràn sang cướp phá, bọn cướp biển hoành hành ngoài khơi. Tình hình rối loạn đó càng có lợi cho thực dân Pháp đang ngày đêm nôn nóng muốn đem quân ra Bắc.

Hình 17 – Quần áo và vũ khí của quân lính nhà Nguyễn

uongxua.vn

?

- Sau khi chiếm Nam Kì, thực dân Pháp đã làm gì để chuẩn bị đánh chiếm miền Bắc ?
- Triều đình phong kiến đã có thái độ và hành động ra sao ? Hãy phân tích và đánh giá.

2. Thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội và các tỉnh đồng bằng lần thứ nhất

Bọn thực dân Pháp ở Nam Kì đã quyết định ráo riết chuẩn bị ra Bắc. Để dọn đường cho đạo quân xâm lược, từ cuối năm 1872, chúng đã tung ra Bắc tên lái súng Đuy-puy. Đuy-puy có nhiều hành động ngang ngược như tự tiện ngược sông Hồng buôn bán với Trung Quốc, bắt người đưa xuống tàu giam giữ, cướp phá thuyền bè trên sông... Nhưng triều đình Huế vẫn không dám đối phó cứng rắn. Vua Tự Đức ra lệnh cho Nguyễn Tri Phương mới ra nhận chức tổng đốc Hà Nội, không được làm mất lòng người Pháp, sợ ảnh hưởng đến việc điều đình xin chuộc lại các tỉnh Nam Kì. Hơn thế, lại yêu cầu nhà cầm

quyền Pháp ở Nam Kì phái người ra Bắc giải quyết vụ Đuy-puy. Chớp thời cơ, thực dân Pháp vội phái Gác-ni-ê tức tốc đem quân ra Bắc.

Ngay khi đặt chân tới Hà Nội, đầu tháng 11 năm 1873, Gác-ni-ê đã lộ rõ bộ mặt khiêu khích. Vừa hội quân xong với Đuy-puy, hắn đã cho quân lên bờ bắt bớ, đánh đập, tổ chức việc thu thuế, đòi đóng quân trong thành, tuyên bố mở sông Hồng cho thương mại... Đồng thời, bắt liên lạc với bọn gián điệp đội lốt cha cố, tập hợp các lực lượng phản động.

Mờ sáng ngày 20-11-1873, hắn nổ súng đánh thành. Nguyễn Tri Phương đã anh dũng đốc thúc quân sĩ chống cự nhưng không giữ nổi trước sức tấn công ác liệt của giặc Pháp. Thành Hà Nội bị giặc chiếm, Nguyễn Tri Phương bị trúng đạn vào bụng, giặc bắt, nhịn ăn mà chết. Ngay sau đó, tranh thủ thời cơ triều đình Huế đang hoang mang bị động, Gác-ni-ê đưa quân đi đánh chiếm nhiều nơi. Không đầy một tháng, các tỉnh thành miền đồng bằng sông Hồng lần lượt lọt vào tay giặc.

thuongmaitr

?

– Kế hoạch đánh chiếm Bắc Kì của thực dân Pháp được bố trí như thế nào ?

– Triều đình Huế đã có hành động sai lầm gì tạo điều kiện cho giặc Pháp đưa quân ra đánh chiếm miền Bắc ?

3. Nhân dân miền Bắc sôi nổi kháng chiến (1873 – 1874)

Ngay từ phút đầu giặc Pháp nổ súng đánh thành Hà Nội, quân dân Hà Nội đã chống trả lại kịch liệt.

Nguyễn Tri Phương cùng con trai Nguyễn Lâm đã hi sinh. Tại cửa ô Thanh Hà, đội quân 100 người do một viên chưởng cơ chỉ huy đã chiến đấu và hi sinh đến người cuối cùng (1).

Giặc Pháp đánh rộng ra các tỉnh, tới đâu cũng vấp phải sức kháng cự mãnh liệt. Thấy lực lượng chúng ở Hà Nội mỏng và yếu, ta vội xiết chặt vòng vây. Sáng ngày 21-12-1873, giặc Pháp tiến quân lên Sơn Tây. Đến Cầu Giấy, giặc bị phục kích. Chỉ huy Gác-ni-ê bị giết tại

(1) Để kỉ niệm trận đánh, nhân dân đã gọi là cửa Ô Quan Chưởng (phố Hàng Chiếu).

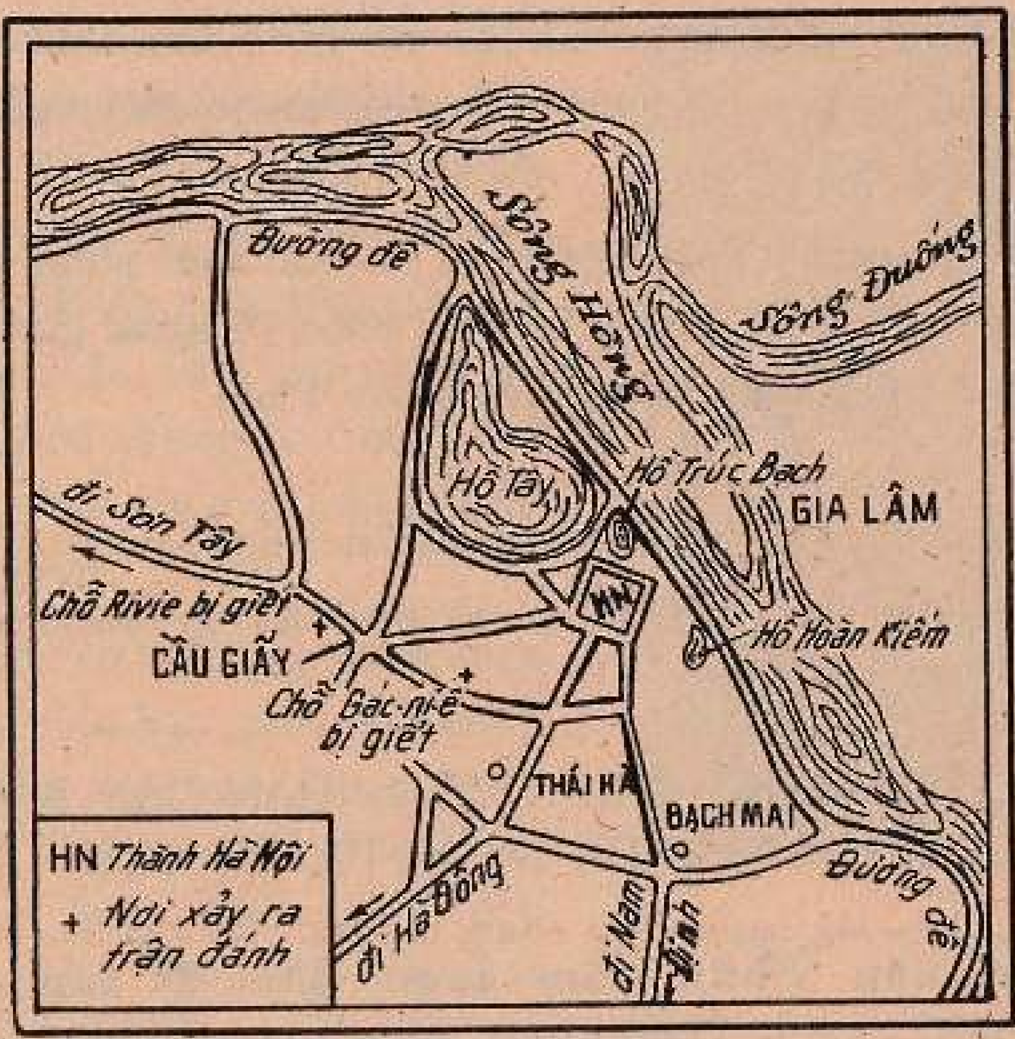

uongxua.vn

Hình 18 – Chiến trường Hà Nội năm 1873 và 1882

trận. Trong chiến thắng này, quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc cũng tham gia như quân của triều đình.

Trận Cầu Giấy đã làm quân Pháp ở Hà Nội và các tỉnh rất hoảng sợ, muốn bỏ thành chạy. Bọn thực dân hiếu chiến ở Nam Kì cũng hốt hoảng.

Quân dân ta ở các nơi vô cùng phấn khởi, sẵn sàng xông lên quét sạch giặc. Nhưng triều đình Huế hèn nhát, bỏ lỡ thời cơ, ra lệnh rút quân lên Sơn Tây để tạo không khí thuận lợi cho đàm phán. Một hiệp ước mới được kí kết ngày 15–3–1874 với nhiều điều khoản rất có hại cho ta.

Triều đình Huế chính thức thừa nhận chủ quyền của Pháp ở cả 6 tỉnh Nam Kì, cam kết mở các cảng Thi Nại (Quy Nhơn), Ninh Hải (Hải Phòng), Hà Nội và sông Hồng. Tại các nơi đó, người Pháp được

tự do buôn bán, mở công nghệ, cất kho, làm nhà thuê người làm. Pháp có quyền đặt lãnh sự có quân lính bảo vệ. Triều đình Huế không được kí hiệp ước thương mại với nước khác, trái với quyền lợi của Pháp mà không cho Pháp biết trước.

Với hiệp ước năm 1874, Việt Nam đã mất một phần quan trọng quyền độc lập về nội trị và đã bị ràng buộc về ngoại giao với Pháp, trở thành một thị trường riêng của tư bản Pháp.

?

- Chiến thắng Cầu Giấy năm 1873 đã diễn ra như thế nào ?
- Chiến thắng đó có ảnh hưởng lớn đến tình hình Việt Nam lúc đó ra sao ?

II – CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN BẮC KÌ. TÌNH HÌNH NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN

1. Thực dân Pháp xâm lược Bắc Kì lần thứ hai (1882–1884)

thuongmaitr

Hiệp ước năm 1874 ngay sau khi kí kết đã bị nhân dân cả nước kịch liệt lên án. Nhiều cuộc khởi nghĩa bùng nổ.

Để đối phó lại, triều đình Huế đã thẳng tay đàn áp, thậm chí còn yêu cầu thực dân Pháp đưa tàu chiến và binh lính tới các nơi có phong trào mạnh để càn quét, tiêu diệt. Bọn thổ phỉ, cướp biển mặc sức hoành hành, triều đình Huế bất lực phải cầu cứu quân Trung Quốc.

Tình hình rối loạn cực độ. Kinh tế, tài chính nhà nước ngày càng kiệt quệ. Trong khi đó, tư bản Pháp đang phát triển mạnh, rất thèm khát thuộc địa. Trước mắt chúng, Bắc Kì dân đông, có nhiều tài nguyên, hầm mỏ, nhất là than đá rất cần cho công nghiệp Pháp, một miếng mồi ngon không thể bỏ qua.

Để can thiệp vũ trang, năm 1882, chúng đã lấy cớ triều đình Huế không thi hành đúng các điều khoản hiệp ước năm 1874, vẫn tiếp tục giao thiệp với Trung Quốc, ngăn trở người Pháp đi lại buôn bán trên sông Hồng, cấm và giết đạo... để đưa thêm quân ra Bắc.

Ngày 3-4-1882, quân Pháp do Ri-vi-e cầm đầu, đổ bộ lên Hà Nội, ngay sau đó giở trò khiêu khích quân và dân ta. Binh lính Pháp nghênh ngang vác súng đi lại trên đường phố. Chỉ huy Pháp buộc tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu phải rút quân ra ngoài thành để chúng kéo vào đóng và phá hủy các công sự phòng thủ trên mặt thành.

Hình 19 – Hoàng Diệu

Tình hình Hà Nội ngày thêm căng thẳng. Sau khi nhận được viện binh từ Sài Gòn ra, mờ sáng ngày 25-4-1882, Ri-vi-e gửi tối hậu thư cho Hoàng Diệu buộc phải nộp thành. Hạn trả lời chưa hết, giặc Pháp đã nổ súng. Trưa hôm đó, chúng chiếm thành. Hoàng Diệu viết Di biểu gửi triều đình, sau đó dùng chiếc khăn lụa tuẫn tiết trong vườn Võ miếu (dưới chân Cột cờ ngày nay). Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, bè lũ vua quan triều Nguyễn tỏ ra vô cùng hoang mang và khiếp sợ. Tự Đức cầu cứu nhà Thanh. Chớp ngay cơ hội này, nhà Thanh đưa thêm quân sang nước ta, đóng nhiều nơi trên miền núi và trung du, đồng thời bí mật thương thuyết với Pháp để chia sẻ quyền lợi ở Bắc Kì. Tự Đức vẫn nuôi ảo tưởng điều đình với thực dân Pháp, ra lệnh cho quân đội chính quy ngoài Bắc phải rút lên mạn ngược, giải tán các đội quân địa phương ra đời trong cao trào yêu nước chống xâm lược. Lúc này, viện binh Pháp kéo tới ngày càng nhiều. Lực lượng được tăng cường, tháng 3-1883, Ri-vi-e cho quân ra chiếm đóng vùng mỏ Hồng Gai và Quảng Yên, sau đó thừa thắng trực tiếp kéo quân từ Hà Nội vào đánh chiếm Nam Định (27-3-1883).

Lần thứ hai, hầu hết các tỉnh thành lớn ngoài Bắc lại rơi vào tay giặc.

?

– Tình hình Bắc Kì trước khi thực dân Pháp đánh chiếm lần thứ hai có những điểm gì đáng chú ý ?

– Âm mưu đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai của thực dân Pháp diễn ra như thế nào ?

– Triều đình Huế có trách nhiệm như thế nào trong việc để mất Bắc Kì lần thứ hai ?

2. Nhân dân Bắc Kì tiếp tục kháng chiến chống quân xâm lược Pháp

Ngay sau khi giặc Pháp tấn công Hà Nội, đông đảo nhân dân Hà Nội đã tổ chức đội ngũ, sắm sửa khí giới, hăng hái chống giặc. Dưới sự chỉ huy của Nguyễn Đồng, hàng ngàn người tập hợp tại đình Quảng Văn (phố Cửa Nam) để bảo vệ thành. Nhân dân tự tay đốt các dãy nhà dọc bờ sông Hồng, tạo thành bức tường lửa làm chậm bước tiến của quân thù.

Sau khi thành bị mất, quân triều đình tan rã, những người dân Hà Nội yêu nước vẫn kiên trì tiếp tục cuộc đấu tranh trong lòng địch : bỏ thuốc độc xuống các giếng nước uống, không bán lương thực cho giặc, đốt cháy các kho súng trên bờ sông.

thuongmaitr

Giặc Pháp mở rộng phạm vi đánh chiếm ra các tỉnh, tới đâu cũng đều vấp phải sức chiến đấu quyết liệt của các địa phương. Nhân dân miền Bắc sôi nổi đắp đập, cắm kè, chặn tàu địch trên sông. Ri-vi-e kéo quân đánh Nam Định, vòng vây của quân dân ta thắt chặt xung quanh Hà Nội từ hai phía Sơn Tây, Bắc Ninh. Đêm đêm quân ta đột nhập thành phố quấy rối địch. Đại bác quân ta từ bờ trái sông Hồng bắn vào căn cứ Đồn Thủy của giặc.

Tình thế gây cấn buộc Ri-vi-e phải tức tốc trở về Hà Nội. Sau khi nhận được viện binh, hắn quyết định mở cuộc hành quân lớn để nới rộng vòng vây. Tờ mờ sáng 19-5-1883, hơn 500 tên địch có đại bác yểm trợ tiến theo đường Sơn Tây. Nhưng vừa tới Cầu Giấy, chúng lại rơi vào trận địa phục kích của quân dân ta bố trí hai bên đường. Binh lính và sĩ quan địch chết và bị thương rất nhiều, những tên sống sót kinh hoàng tháo chạy, bỏ lại trận địa cả đại bác và nhiều xác chết, trong đó có Ri-vi-e. Trong trận thắng Cầu Giấy lần thứ hai này, đội quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc cũng có phần đóng góp quan trọng.

Trận Cầu Giấy lần thứ hai làm cho nhân dân cả nước vô cùng phấn khởi, sẵn sàng xông lên tiêu diệt địch. Giặc Pháp hoang mang lo sợ. Những tên sống sót chạy về cố thủ ở Đồn Thủy. Nhưng triều đình Huế vẫn nuôi ảo tưởng điều đình, thu lại Hà Nội. Thái độ của chính phủ Pháp khác trước, nước Pháp đang ổn định về các mặt. Bọn tư bản Pháp lợi dụng việc Ri–vi–e chết, đẩy mạnh ý đồ xâm lược. Một khoản ngân sách lớn được thông qua. Một đạo quân đông với nhiều tàu chiến được gửi sang Việt Nam. Cuối tháng 7–1883, bọn chỉ huy Pháp họp nhau tại Hải Phòng, bàn kế hoạch tấn công mới. Đúng lúc này, Tự Đức chết, triều đình Huế rơi vào tình trạng chia rẽ lục đục. Bọn Pháp chớp thời cơ kéo quân đánh thẳng vào cửa biển Thuận An, sát kinh thành Huế.

?

– Nhân dân Hà Nội và các tỉnh đã phối hợp với quân triều đình như thế nào để đánh quân xâm lược Pháp ?

– Trận Cầu Giấy lần thứ hai (1883) diễn ra như thế nào ? Kết quả và ý nghĩa của chiến thắng đó ?

uongxua.vn

3. Nhà nước phong kiến Việt Nam năm 1884

Từ chiều ngày 18–8–1883, hạm đội Pháp do Cuốc–bê chỉ huy bắt đầu nổ súng. Chiến sự diễn ra ác liệt trong ba ngày liền. Đến chiều ngày 20–8, quân Pháp đổ bộ lên chiếm Thuận An. Triều đình Huế hoảng hốt vội cử người xin đình chiến. Cao ủy Pháp Hac–măng đi ngay Huế đưa ra một dự án điều ước thảo sẵn, buộc triều đình phải chấp nhận.

Điều ước kí ngày 25–8–1883 (điều ước Hac–măng) có mấy điều khoản chính :

Triều đình Huế chính thức thừa nhận quyền "bảo hộ" của Pháp ở Bắc và Trung Kì. Khu vực của triều đình thu hẹp lại từ Khánh Hòa tới Đèo Ngang (Bình Thuận bị sáp nhập vào Nam Kì, thuộc địa của Pháp, ba tỉnh Thanh – Nghệ – Tĩnh bị sáp nhập vào Bắc Kì). Đại diện chính quyền bảo hộ của Pháp ở Trung Kì (khâm sứ ở Huế) có quyền gặp nhà vua bất cứ lúc nào. Các công sứ Pháp ở các tỉnh ngoài Bắc Kì thường xuyên kiểm soát công việc của các quan lại triều đình, trực

tiếp nắm việc trị an và thuế vụ. Mọi việc giao thiệp với nước ngoài (kể cả với Trung Quốc) đều do Pháp nắm. Triều đình Huế phải gọi toàn bộ số quân đã gửi ra Bắc Kì về.

Bất chấp hành động đầu hàng nhục nhã của triều đình Huế, quân dân ngoài Bắc vẫn quyết tâm kháng chiến. Phong trào phản đối lệnh bãi binh dâng cao khắp các tỉnh. Rất đông quan lại ở các địa phương cương quyết ở lại cùng nhân dân chiến đấu như Tạ Hiện (Nam Định), Nguyễn Thiện Thuật (Hưng Yên). Ngay trong triều cũng xảy ra xung đột giữa phái đầu hàng, do chính vua Hiệp Hòa mới lên ngôi cầm đầu, và phái chống Pháp (thượng thư bộ Binh Tôn Thất Thuyết).

Từ sau điều ước 1883, chiến sự vẫn tiếp diễn trên chiến trường Bắc Kì. Đầu tháng 12–1883, nhận được thêm viện binh, quân Pháp đánh chiếm thành Sơn Tây, trung tâm chính của phong trào kháng chiến ngoài Bắc, sau đó chiếm Bắc Ninh. Chúng lần lượt đánh chiếm nhiều nơi khác. Cuối tháng 5–1884, các tỉnh Thái Nguyên, Hưng Hóa, Tuyên Quang đều rơi vào tay chúng, quân Pháp mở rộng chiếm đóng đến đâu các đơn vị quân Thanh rút đến đó, không hề chống lại. Triều đình Mãn Thanh đã kí với Pháp tại Thiên Tân, bản quy ước ngày 11–5–1884, cam kết rút hết quân ra khỏi Bắc Kì.

Trên đà thắng thế, chính phủ Pháp buộc triều đình Huế kí thêm bản điều ước mới ngày 6–6–1884 (điều ước Pa–tơ–nốt). Điều ước này nội dung giống điều ước 1883 nhưng trả lại các tỉnh Bình Thuận và Thanh – Nghệ –Tĩnh cho Trung Kì để xoa dịu sự công phẫn của nhân dân ta và mua chuộc, lung lạc phong kiến triều Nguyễn.

Điều ước 6–6–1884 đặt cơ sở lâu dài và chủ yếu quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam. Đến đây, giai cấp phong kiến Việt Nam đã hoàn toàn đầu hàng bọn tư bản Pháp. Nhà nước phong kiến Việt Nam coi như đã sụp đổ.

?

1. Triều đình Huế đã phản bội nhân dân và đầu hàng giặc như thế nào qua nội dung hai bản điều ước năm 1883 và 1884 ?
2. Tại sao giặc Pháp không chịu xuống thang nhượng bộ khi Ri–vi–e chết tại Cầu Giấy năm 1883 ?
3. Em thử lập bảng tóm tắt về phong trào kháng chiến của nhân dân ta trong những năm 1858–1884.

Bài 12

PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

I - KINH THÀNH HUẾ TRONG CAO TRÀO KHÁNG CHIẾN SAU NĂM 1885

1. Cuộc phản công của phái kháng chiến tại kinh thành Huế (7-1885)

Sau khi liên tiếp kí kết hai điều ước năm 1883 và 1884, triều đình Huế nói chung đã đầu hàng thực dân Pháp xâm lược. Nhưng phái chống Pháp của Tôn Thất Thuyết vẫn ấp ủ hi vọng khôi phục chủ quyền dân tộc khi thời cơ tới.

Để chuẩn bị cơ sở cho cuộc kháng chiến lâu dài, Tôn Thất Thuyết, thượng thư bộ Binh, đã bí mật cho xây dựng căn cứ Tân Sở trên miền rừng núi tỉnh Quảng Trị, chở lương thực và súng đạn ra đấy, phòng khi có biến sẽ đưa vua và triều đình ra cố thủ. Một số đồn sơn phòng cũng được xây dựng ở các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa. Ông còn lập các đội quân "Đoàn Kiệt" và "Phấn Nghĩa" ngày đêm luyện tập chờ ngày quyết chiến với quân thù. Cuộc xung đột giữa phái chống Pháp của Tôn Thất Thuyết và phái đầu hàng ngày càng gay gắt. Vua Kiến Phúc và Trần Tiễn Thành có tư tưởng thân Pháp đều bị bí mật thủ tiêu. Cuối cùng phái chống Pháp đưa Hàm Nghi mới 14 tuổi, lên ngôi.

Khâm sứ Pháp ở Huế không được hỏi ý kiến trước về việc này, gửi thư phản kháng triều đình đã vi phạm các điều ước mới kí kết. Đồng thời, một đội quân Pháp được điều từ Bắc Kì vào để thị uy và trắng trợn chiếm đóng đồn Mang Cá ở góc Đông Nam thành Huế, từ đó có thể kiểm soát mọi hoạt động của lực lượng chống Pháp bên trong thành. Ngày 27-6-1885, tướng Cuốc-xi kéo binh thuyền từ ngoài Bắc vào Huế. Nhằm bẻ gãy phái chủ chiến trong triều, Cuốc-xi cho mời Tôn Thất Thuyết sang họp, nhưng ông cảnh giác cáo bệnh không đi. Thất bại trong âm mưu đen tối của mình, Cuốc-xi lộ rõ bộ mặt khủng bố khi hắn trắng trợn buộc nếu bị bệnh cũng phải cho người cáng ông sang.

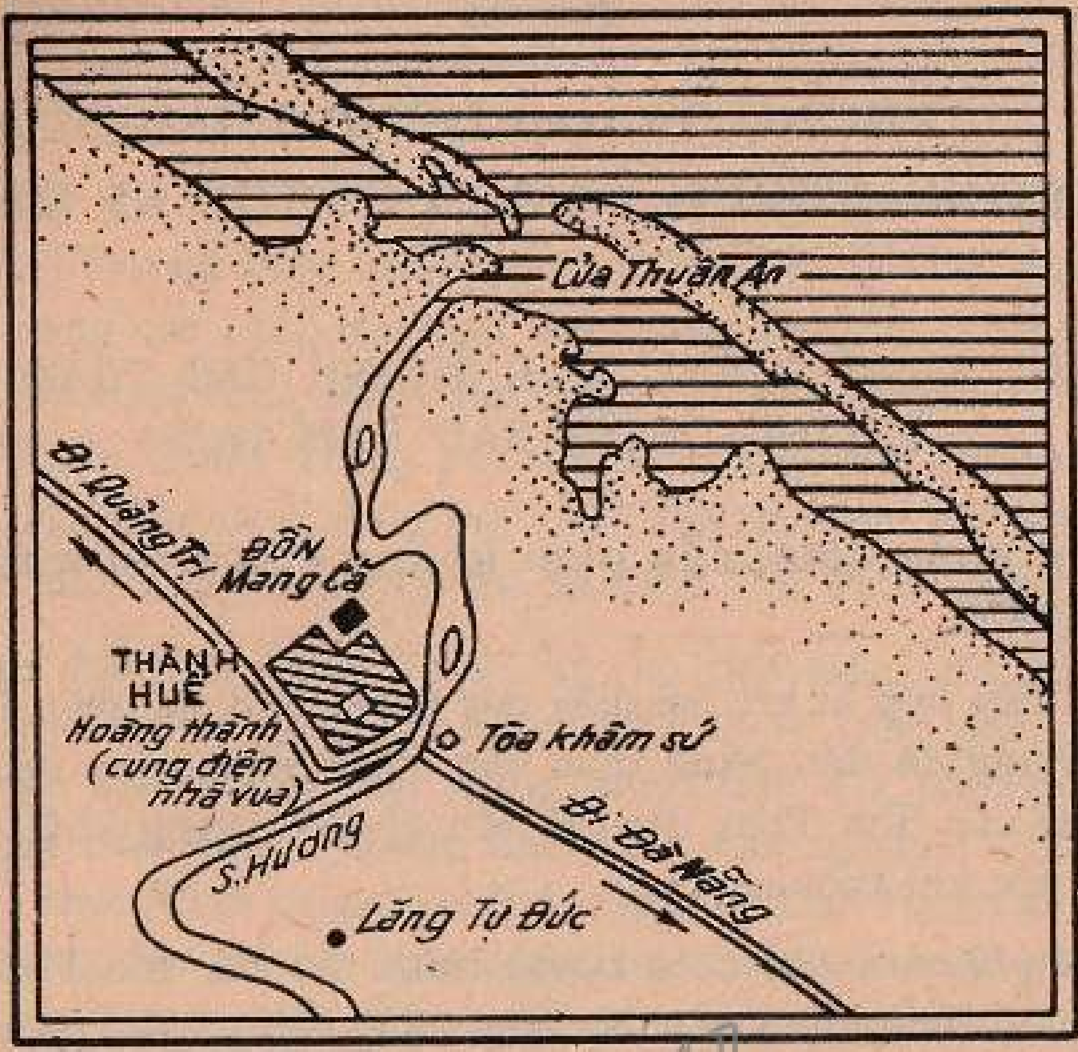

thuongmaitr

Hình 20 – Sơ đồ Kinh thành Huế (1885)

Trước sự uy hiếp ngày càng trắng trợn của kẻ thù, Tôn Thất Thuyết quyết định nổ súng trước để giành thế chủ động. Rạng sáng ngày mồng 5-7-1885, ông ra lệnh cho quân lính nổ súng tấn công hai căn cứ chiếm đóng của giặc tại kinh thành Huế là tòa Khâm sứ và đồn Mang Cá. Bị đánh bất ngờ, nhưng nhờ có ưu thế rõ rệt về vũ khí, giặc Pháp chỉ sau thời gian hốt hoảng ban đầu đã ra sức cố thủ, chờ tới sáng rõ, phản công lại, tràn vào chiếm thành Huế.

Dọc đường hành quân, quân Pháp thả sức cướp bóc vàng bạc, châu báu, đốt phá nhà cửa, tàn sát dân thường vô cùng man rợ.

?

- Tình hình triều đình Huế sau các điều ước năm 1883 và 1884 có gì đáng chú ý ?
- Cuộc phản công của phái chống Pháp trong triều do Tôn Thất Thuyết cầm đầu xảy ra trong hoàn cảnh nào ? Diễn biến ra sao ?

2. Phong trào Cần vương bùng nổ và lan rộng

Sau khi kinh thành Huế lọt vào tay giặc Pháp, Tôn Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi theo đường bộ chạy ra căn cứ Tân Sở (Quảng Trị) để tính chuyện kháng chiến lâu dài. Tại đây, ông đã nhân danh nhà vua ra lời kêu gọi văn thân cùng nhân dân cả nước đứng lên giúp vua cứu nước (13-7-1885). Ngay sau đó, một cao trào yêu nước chống xâm lược đã dấy lên mạnh mẽ trong cả nước. Phong trào Cần vương bùng nổ.

Hình 21 – Vua Hàm Nghi

Nhận thấy địa thế Tân Sở chật hẹp, các điều kiện để duy trì cuộc chiến đấu bị hạn chế, Huế gần đó đã bị giặc chiếm, Tôn Thất Thuyết cùng cả đoàn phải vượt Trường Sơn, mượn đường trên đất Lào, băng rừng, vượt suối, chạy ra căn cứ sơn phòng Phú Gia (thuộc huyện Hương Khê, Hà Tĩnh).

Trên đường đi, đoàn đã được sự ủng hộ nhiệt tình của đồng bào thiểu số trong vùng : đưa đường, làm lán trại tạm trú, cung cấp lương ăn... Ít lâu sau, giặc dò biết, cho quân lùng sục tới nơi vua lánh. Ông lại phải đưa Hàm Nghi quay lại thượng lưu sông Gianh, huyện Tuyên Hóa (Tây Quảng Bình) làm căn cứ chỉ huy chung phong trào các nơi (11-1885). Trước những khó khăn ngày càng lớn, tháng 12-1886, Tôn Thất Thuyết lên đường sang Trung Quốc cầu viện. Cuối năm 1888, quân Pháp có tay sai dẫn đường đã đột nhập căn cứ bắt sống vua Hàm Nghi. Bọn Pháp ra sức dụ dỗ, mua chuộc không được, đã đày vua Hàm Nghi sang An-giê-ri, thuộc địa của Pháp ở Bắc Phi.

Vua Hàm Nghi bị bắt là một tổn thất lớn cho phong trào chung. Trong những điều kiện chiến đấu mới, nghĩa quân phải chuyển địa bàn hoạt động từ đồng bằng lên trung du, rừng núi, quy tụ lại thành

những cuộc khởi nghĩa lớn. Thực dân Pháp và phong kiến tay sai vô cùng lo sợ, phải vất vả đối phó suốt trong nhiều năm.

?

1. Sau khi kinh thành Huế thất thủ, Tôn Thất Thuyết đã có những hoạt động gì ? Kết quả của các hoạt động đó ?
2. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, tình hình phong trào có gì đáng chú ý ?

II – CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA LỚN TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

1. Khởi nghĩa Ba Đình – Khởi nghĩa Bãi Sậy

Trong phong trào yêu nước chống xâm lược Pháp của nhân dân ta cuối thế kỉ XIX, Thanh Hóa là một trong các trung tâm có phong trào sôi nổi và mạnh mẽ nhất. Ngay sau khi nhận chiếu Cần vương, nhân dân trong tỉnh đã hăng hái đứng dậy, tập hợp đội ngũ, tổ chức lực lượng, sẵn sàng tiêu diệt giặc Pháp khi chúng xâm phạm tới quê hương. Lãnh đạo phong trào bấy giờ là các văn thân, sĩ phu yêu nước trong tỉnh như Phạm Bành, Tống Duy Tân..., như Đinh Công Tráng từ Hà Nam vào. Một số tù trưởng miền núi cũng hăng hái tham gia, như Hà Văn Mao (người Mường), Cầm Bá Thước (người Thái).

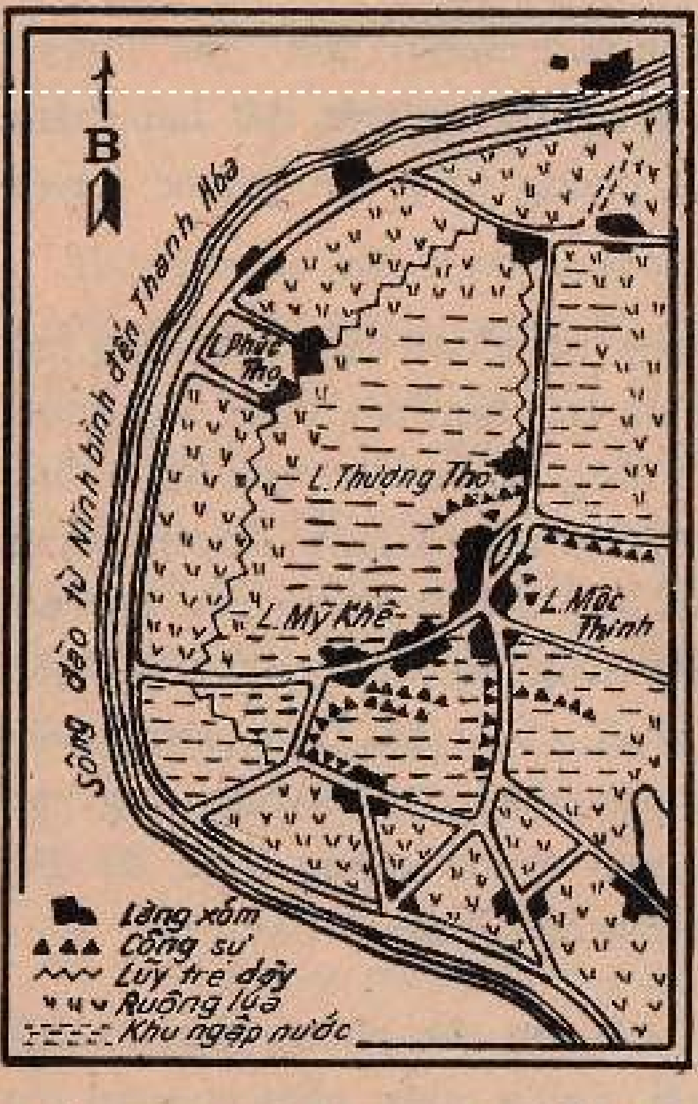

Hình 22 – Công sự phòng thủ Ba Đình

Năm 1886, phong trào trong tỉnh phát triển mạnh thêm một bước. Những người cầm đầu đã dựa vào các điều kiện thuận lợi của Thanh Hóa, dân đông, giàu truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, đất đai rộng rãi, phì nhiêu, địa thế hiểm yếu, để xây dựng một cứ điểm kiên cố, chỉ đạo thống nhất toàn tỉnh.

Căn cứ Ba Đình [1] đã được xây dựng gấp rút trên địa bàn ba làng Mĩ Khê, Thượng Thọ, Mậu Thịnh thuộc huyện Nga Sơn, liền kề nhau, giữa một vùng đồng chiêm trũng mênh mông, lầy lội.

Căn cứ Ba Đình được bao bọc bởi một thành đất kiên cố. Trên mặt thành xếp hàng ngàn sọt rơm trộn bùn, có những khe hở làm lỗ châu mai và vị trí quan sát. Phía bên ngoài chân thành cắm chông tre, tiếp đó là một lũy tre dày còn nguyên cành lá tươi xanh che kín toàn bộ công sự, ngoài cùng có thêm một bãi chông tre thứ hai. Sau khi đào đắp xong các hào lũy, nghĩa quân tháo nước sông vào đồng, tạo thành một tòa thành nổi trên mặt nước.

Cách bố trí các công sự và hầm chiến đấu bên trong căn cứ cũng rất lợi hại, cả ba đồn binh đều có giao thông hào dẫn ra các công sự chiến đấu. Các đồn này có thể hỗ trợ tác chiến cho nhau khi một đồn bị tấn công, đồng thời vẫn có thể chiến đấu độc lập khi các đồn kia bị hạ.

Đóng chốt ở Ba Đình, nghĩa quân có thể kiểm soát các đường giao thông thủy bộ, phục kích tiêu diệt các đoàn xe vận tải, tấn công các đồn của địch dọc đường số 1, lại có thể tiếp tế lương thực, vũ khí bằng thuyền mành từ biển vào. Ở Ba Đình, người đứng đầu về danh nghĩa là Phạm Bành, nhưng thực sự nắm quyền là Đinh Công Tráng vì ông là người chỉ huy quân sự chính.

Với tinh thần quyết chiến, hơn 300 nghĩa quân Ba Đình đã chiến đấu liên tục suốt 34 ngày đêm (từ 18-12-1886 đến 20-1-1887) trong vòng vây của kẻ thù, bẻ gãy nhiều đợt tấn công của gần 3.000 quân thuộc mọi binh chủng có trọng pháo và pháo hạm yểm hộ, dưới quyền chỉ huy của đại tá Brit-xô. Hàng trăm lính Pháp bị phơi thây xung quanh Ba Đình, những tên sống sót hoang mang dao động. Bọn cầm quyền bên Pháp cũng xôn xao, lo ngại.

Để chấm dứt cuộc vây hãm Ba Đình, Brit-xô đã cho công binh liều chết áp sát chân thành, nổ mìn phá vỡ hàng rào tre, sau đó dùng vòi rồng phun dầu đốt bãi chông tre mở đường tiến vào. Ba Đình trở thành một biển lửa. Cuối cùng, nghĩa quân phải mở đường máu rút khỏi Ba Đình trong đêm 20-1-1887, chuyển lên căn cứ Mã Cao trên

---

(1) Gọi là Ba Đình vì mỗi làng có một ngôi đình riêng, đứng ở đình làng này có thể nhìn thấy đình hai làng bên.

rừng núi phía Tây. Phạm Bành đã tự sát để giữ tròn khí tiết. Đinh Công Tráng đã anh dũng hi sinh trong cuộc đụng độ với quân Pháp trên đường chạy vào Nghệ An để gây dựng lại phong trào. Cuộc khởi nghĩa Ba Đình thất bại, nhưng đã làm cho quân địch thiệt hại nặng nề, đã nêu cao tinh thần chiến đấu anh dũng của nghĩa quân và nhân dân Thanh Hóa. Chiếm được Ba Đình, thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai đã hèn mạt trả thù bằng cách triệt hạ ba làng Mĩ Khê, Thượng Thọ, Mậu Thịnh, xóa tên trên bản đồ. "Nhưng tên Ba Đình không những không bị xóa, mà còn nêu bật trên bản đồ lịch sử chống Pháp của dân tộc Việt Nam"(1).

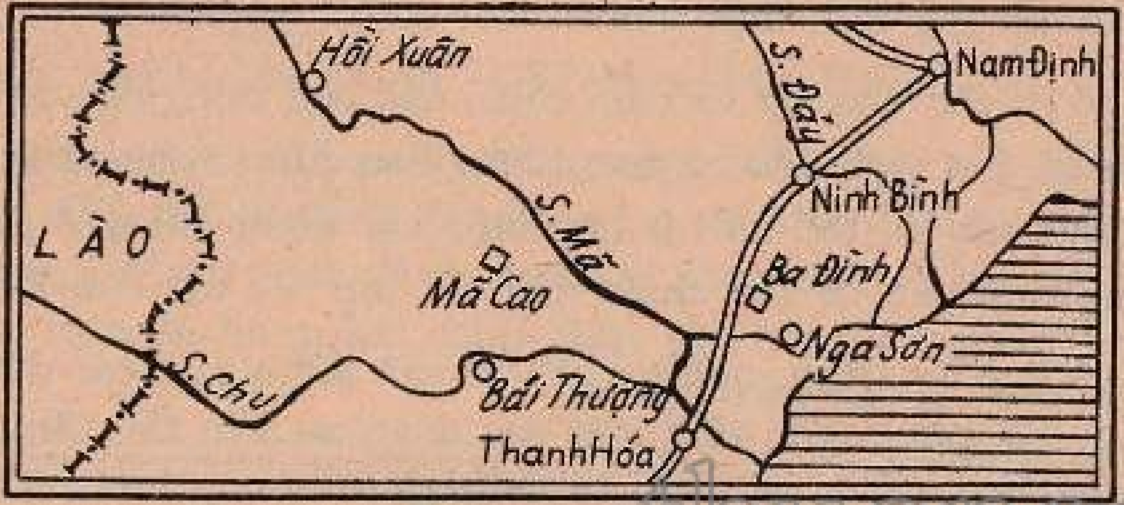

Hình 23 – Căn cứ Mã Cao

thuongmaitr

?

– Căn cứ Ba Đình có những điểm mạnh nào ? Việc xây dựng căn cứ Ba Đình đã thể hiện lòng yêu nước, tính thông minh mưu trí của nghĩa quân và nhân dân Thanh Hóa như thế nào ?

– Chiến sự Ba Đình đã diễn ra và kết thúc như thế nào ?

Phong trào vũ trang chống Pháp ở Bắc Kì vốn có cơ sở rất sớm. Năm 1885, theo tiếng gọi Cần vương, Bắc Kì lại nổi dậy. Tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy do Nguyễn Thiện Thuật chỉ huy. Nguyễn Thiện Thuật đã từng chỉ huy quân đội chính quy đánh Pháp ở Sơn Tây. Sau điều ước 1883, không chịu theo lệnh bãi binh của triều đình, ông chiêu mộ nghĩa quân và lập căn cứ chống Pháp ở Bãi Sậy.

Đây là một vùng lau sậy um tùm thuộc tỉnh Hưng Yên. Nằm giữa vùng đồng bằng, trên hai ngả đường giao thông quan trọng Hà Nội – Hải Phòng và Hà Nội – Thái Bình, Bãi Sậy là một vị trí rất cơ động. Nghĩa quân không xây dựng các công sự nổi trên mặt đất,

---

(1) Trần Huy Liệu, *Lịch sử 80 năm chống Pháp*, Văn – Sử – Địa. Hà Nội, 1957, tr. 69.

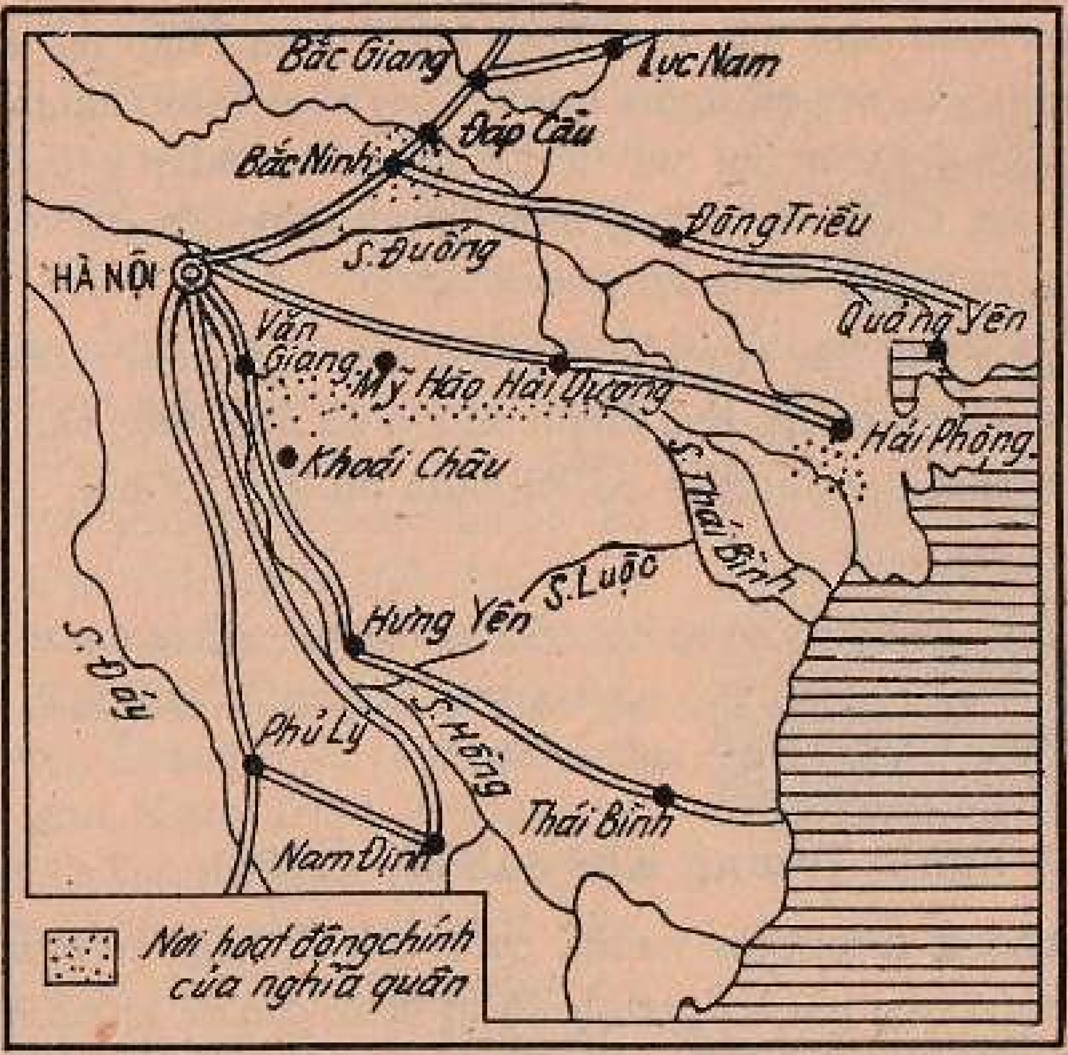

Hình 24 – Căn cứ Bãi Sậy

uongxua.vn

mà bố trí ngầm nhiều cạm bẫy ở các đường giao thông, rất kín đáo và lợi hại.

Trong những năm 1885 – 1889, nhiều trận đánh quyết liệt đã xảy ra giữa nghĩa quân và giặc Pháp. Nghĩa quân thường phân tán thành những nhóm nhỏ, ẩn hiện trong thôn xóm rồi bất ngờ phục kích tiêu diệt các toán quân tuần tiễu, chặn đường giao thông tiếp tế, tập kích các đồn lẻ của giặc. Nhiều nơi, nghĩa quân vẫn tham gia sản xuất ở địa phương, nhưng khi có thời cơ, nhanh chóng tập hợp thành đội ngũ để tiêu diệt giặc, sau đó lại phân tán về các thôn xóm, được nhân dân hết lòng che chở và giúp đỡ. Có lần nghĩa quân, gồm cả phụ nữ, giả làm thợ gặt, đã tiêu diệt hoàn toàn một toán quân địch tuần tiễu, bắt sống một chỉ huy Pháp.

Nghĩa quân Bãi Sậy còn mở rộng phối hợp tác chiến với các toán nghĩa quân các tỉnh lân cận (Hải Dương, Bắc Ninh, Quảng Yên, Đông Triều).

Giặc Pháp phải lập một hệ thống đồn bốt dày đặc để kiểm soát và lùng sục, hòng làm mất chỗ dựa của nghĩa quân trong nhân dân. Mặt khác, chúng mượn danh nghĩa triều đình Huế, phái tên việt gian

Để thoát khỏi tình thế khó khăn đó, tháng 11-1893 Cao Thắng đưa 1000 quân tiến xuống vùng đồng bằng Nghệ An. Trên đường hành quân, nhiều đồn địch đã bị tiêu diệt. Nhưng trong cuộc tấn công đồn Nu (Thanh Chương), chẳng may Cao Thắng bị trúng đạn chết. Kế hoạch tiến ra đồng bằng của nghĩa quân bị tan vỡ. Cuộc khởi nghĩa Hương Khê mất đi một chỉ huy mưu lược, dũng cảm, có tài.

Lợi dụng tổn thất lớn của nghĩa quân, giặc Pháp càng ra sức tập trung lực lượng, hòng sớm đè bẹp cuộc khởi nghĩa. Lính ngụy được huy động triệt để vào việc thắt chặt vòng vây, kết hợp với thủ đoạn đánh thọc sâu vào căn cứ để chia cắt, tiêu hao lực lượng nghĩa quân. Giặc Pháp cho tay sai Hoàng Cao Khải gửi thư dụ hàng Phan Đình Phùng, nhưng đã bị Cụ cự tuyệt.

Giữa vòng vây của giặc, vượt qua muôn vàn gian khổ, nghĩa quân đã anh dũng chống càn suốt năm 1894. Nhưng trước sức tấn công

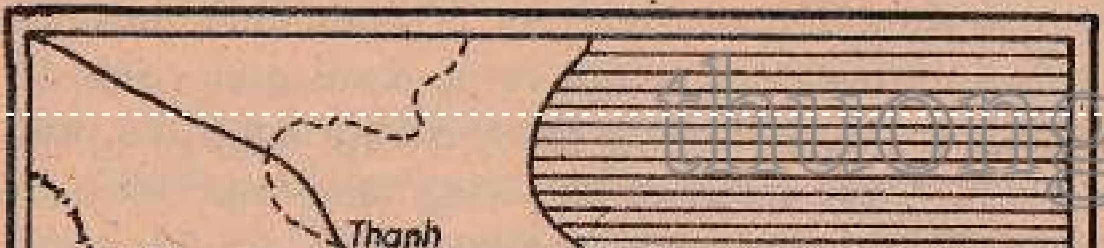

Hình 26 – Căn cứ Hương Khê

dồn dập và ác liệt của kẻ thù, cuối năm 1894, nghĩa quân phải rút về khu căn cứ Vụ Quang, Ngàn Trươi. Mặc dù đang bị uy hiếp mạnh, nghĩa quân đã đánh thắng một trận lớn ở Vụ Quang, tiêu diệt nhiều sĩ quan Pháp và lính ngụy, thu được nhiều súng và quân trang, quân dụng (30-10-1894).

Đầu tháng 8-1895, triều đình Huế cử Nguyễn Thân ra Hà Tĩnh, tiếp tay cho giặc Pháp đàn áp nghĩa quân. Giặc huy động tới 3000 lính khố xanh để bao vây khu căn cứ. Một số chỉ huy nghĩa quân dần dần bị sa vào tay giặc. Nghĩa quân sau nhiều năm chiến đấu gian khổ, căng thẳng, phần lớn bị ốm đau, mỏi mệt. Ngày 28-12-1895, chủ tướng Phan Đình Phùng mất trên căn cứ(1). Cuộc khởi nghĩa sau đó tan rã dần. Nguyễn Thân đã hèn hạ cho người đào mộ lấy xác cụ Phan đốt thành tro, rồi trộn với thuốc súng cho quân lính bắn xuống dòng sông La. Nhưng tên tuổi của vị anh hùng dân tộc đã in sâu trong lòng nhân dân Việt Nam và lưu truyền muôn đời về sau.

Khởi nghĩa Hương Khê đánh dấu bước phát triển cao nhất của phong trào Cần vương dưới sự lãnh đạo của các văn thân sĩ phu yêu nước. Cuộc khởi nghĩa đã kéo dài hơn 10 năm, nhờ có sự tham gia và ủng hộ tích cực của nhân dân các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

Khởi nghĩa Hương Khê thất bại, đánh dấu phong trào Cần vương đã chấm dứt trong cả nước. Từ 1896 về sau chỉ còn lại một số hoạt động lẻ tẻ của các phong trào trước. Riêng cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế (Bắc Giang) vẫn tiếp tục cho đến đầu thế kỉ XX.

?

1. Tại sao lại nói cuộc khởi nghĩa Hương Khê có quy mô lớn, trình độ tổ chức cao và chiến đấu bền bỉ hơn cả ?
2. Cao Thắng đã có những đóng góp to lớn gì cho cuộc khởi nghĩa ?
3. Em có nhận xét gì về phong trào vũ trang cuối thế kỉ XIX ?

---

(1) Trước đây, thực dân Pháp và phong kiến tay sai tung tin Phan Đình Phùng chết vì bệnh kiết lị. Nhưng căn cứ vào công điện của Khâm sứ Trung Kì gửi Toàn quyền Đông Dương thì cụ đã chết vì bị thương trong chiến đấu.

Bài 13

PHONG TRÀO NÔNG DÂN YÊN THẾ (1887 - 1913)

1. Yên Thế đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược

Trong cao trào vũ trang chống Pháp cuối thế kỉ XIX, bên các cuộc khởi nghĩa do văn thân, sĩ phu lãnh đạo còn có các cuộc khởi nghĩa tự phát của nông dân. Tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh của nông dân Yên Thế, tỉnh Bắc Giang do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo.

Hoàng Hoa Thám (thường gọi là Đề Thám) xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo tỉnh Hưng Yên, lên Sơn Tây làm ăn kiếm sống, sau dời tới Yên Thế. Lớn lên, ông tham gia toán nghĩa quân của Lương Văn Nắm (Đề Nắm). Khi Đề Nắm chết (1892), nghĩa quân rất mến phục và tin tưởng ông. Ông được giao toàn quyền chỉ huy. Các thủ lĩnh nông dân xuất sắc như Cả Trọng, Cả Dinh, Cả Huỳnh... trưởng thành nhanh chóng, lập được nhiều thành tích trong chiến đấu.

Hình 27 – Hoàng Hoa Thám

Yên Thế được chọn làm địa bàn hoạt động chính của nghĩa quân, vì địa thế trung du đồi núi thông nhiều ngả với miền thượng du hiểm trở sau lưng và vùng đồng bằng rộng lớn trước mặt rất thuận tiện cho cách đánh du kích của nghĩa quân. Nơi đây từ trước vốn từng là nơi hoạt động của nhiều toán nông dân khởi nghĩa chống lại phong kiến triều Nguyễn sâu mọt. Khi giặc Pháp xâm phạm tới,

Yên Thế đã nhanh chóng chuyển thành một căn cứ chống Pháp lợi hại, không chỉ tập hợp nông dân tại chỗ mà còn thu hút đông đảo nông dân nghèo từ nhiều địa phương tới.

? – Tại sao Yên Thế được chọn làm địa bàn khởi nghĩa ?

2. Giai đoạn thứ nhất của cuộc khởi nghĩa (1887 – 1895)

Ngay từ đầu, nghĩa quân đã làm thực dân Pháp vô cùng lo ngại. Giữa năm 1889, chúng đã tung nhiều toán quân đi sâu vào căn cứ tìm diệt nghĩa quân. Nhiều trận đụng độ ác liệt xảy ra, địch bị thiệt hại nặng tại Cao Thượng, Hố Chuối. Đầu năm 1892, giặc Pháp lại huy động lính liều lĩnh tấn công Yên Thế. Nghĩa quân kịp thời chủ động rút vào rừng sâu, rồi phân tán trong nhân dân. Giặc Pháp đắp đường bộ, chuyển vận quân lính, đẩy mạnh càn quét trong vùng. Tên việt gian Lê Hoan dùng nhiều thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ, ám hại, nhưng trước sau đều thất bại. Tức tối điên cuồng, giặc Pháp lại dùng vũ lực.

Nghĩa quân lợi dụng địa hình, xây công sự, đào hầm hố, chống trả quyết liệt, địch thua đau ở Hố Chuối (5–1894). Nghĩa quân đánh chặn,

tuongxua.vn

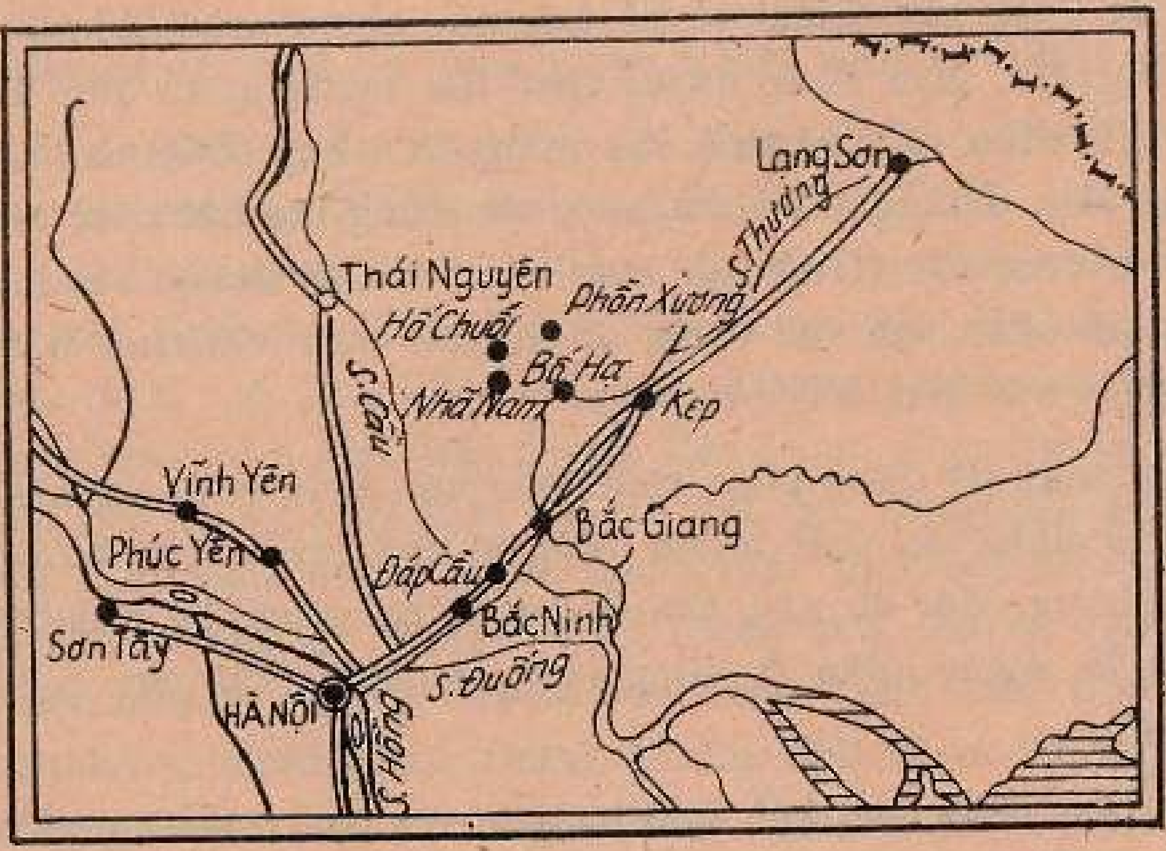

Hình 28 – Căn cứ Yên Thế

phối hợp với công nhân đang làm đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn, bắt một số tên Pháp, lấy tiền chuộc mua vũ khí. Tháng 9–1894, tên tư bản địa chủ Set–nay bị bắt cóc. Giới tư bản đất đai xôn xao lo ngại. Thực dân Pháp buộc phải giảng hòa với điều kiện bỏ ra một số tiền lớn chuộc Set–nay và rút quân để Đề Thám cai quản bốn tổng Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ, Hữu Thượng.

Thời kì đình chiến chỉ có một năm (từ tháng 10–1894 đến 11–1895) nhưng nghĩa quân vừa sản xuất, vừa tranh thủ xây dựng lực lượng chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới. Quân Pháp mặc dù đã rút khỏi Yên Thế vẫn bố trí cả một hệ thống đồn bốt bao quanh, kết hợp với bọn tay sai để ngăn chặn nghĩa quân phía ngoài. Đồng thời, chúng thường cho người mang quà vào tặng hòng dụ dỗ, mua chuộc, nhưng không sao lay chuyển được tinh thần kiên cường bất khuất của lãnh tụ nghĩa quân.

? – Tại sao thực dân Pháp, đến tháng 9 – 1894, bắt buộc phải giảng hòa với Đề Thám ?

3. Giai đoạn thứ hai của cuộc khởi nghĩa (1895 - 1909)

thuongmaitr

Tình hình đối địch ngấm ngầm đó không thể kéo dài. Cuối năm 1895, giặc Pháp gây chiến trở lại. Lúc này phong trào các nơi hầu hết đều bị dập tắt, giặc Pháp quyết tiêu diệt nghĩa quân Yên Thế. Một lực lượng rất lớn, gồm cả thủy lục quân, được huy động vào cuộc hành quân lần này. Tháng 11–1895, cuộc tấn công lớn bắt đầu, tên đại tá Ga–li–ê–ni cầm đầu. Trước sức mạnh ồ ạt của kẻ thù có hỏa lực mạnh, nghĩa quân phân tán vào rừng, di chuyển trên bốn tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Phúc Yên, Thái Nguyên.

Nghĩa quân đã đánh phục kích, tiêu hao địch, cướp vũ khí, nhưng cũng bị hi sinh, tổn thất nhiều. Một số chỉ huy sa vào lưới giặc, có người ra hàng. Mặc dù vậy, dân chúng trong vùng vẫn nhiệt tình che chở giúp đỡ, nghĩa quân đã đứng vững trước các đợt càn quét khủng bố ác liệt.

Cuối năm 1897, sau hai năm hành quân liên miên và bị thiệt hại nặng nề, giặc Pháp lại phải thương lượng. Cuộc ngừng bắn lần thứ hai bắt đầu từ tháng 12 năm đó.

Cũng như lần ngừng bắn trước, đây chỉ là hòa hoãn tạm thời. Sau khi đình chiến, Đề Thám chiêu mộ nhân dân các nơi về làm ruộng ở đồn điền Phồn Xương. Nghĩa quân trở lại làm dân cày, nhưng vẫn nuôi dưỡng ý chí chiến đấu, đề cao cảnh giác, mỗi khi đi làm vẫn mang theo súng đạn đề phòng. Đề Thám còn thu nạp một số nghĩa quân các nơi sau khi thất bại tìm đường lên Yên Thế. Căn cứ của Đề Thám cũng là nơi lui tới của nhiều người yêu nước tiêu biểu cho xu hướng mới như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... Trong khi đó, thực dân Pháp vẫn ráo riết chuẩn bị việc tấn công tiêu diệt nghĩa quân. Xung quanh Yên Thế, nhiều đồn binh được dựng lên, nhiều đường giao thông được gấp rút mở để bảo đảm dễ dàng việc hành quân và vận chuyển vũ khí, lương thực khi có chiến sự. Đường xe lửa Hà Nội – Lạng Sơn đến năm 1902 cũng hoàn thành, quyền lợi của giới tư bản trên con đường này cần được bảo vệ. Tình hình hòa hoãn tạm thời đã đến lúc không thể kéo dài.

? – Tại sao giặc Pháp lại phải hòa hoãn lần thứ hai ?

– Trong thời kì hòa hoãn lần thứ hai, nghĩa quân đã có những hoạt động gì đáng chú ý ?

truongxua.vn

4. Giai đoạn thứ ba của cuộc khởi nghĩa (1909 – 1913)

Đầu năm 1909, quân Pháp lại tấn công lớn vào Yên Thế do tên đại tá Ba-tay chỉ huy. Nhiều cánh quân địch vừa Pháp, vừa ngụy chia thành nhiều mũi cùng lúc đánh thọc sâu vào khu căn cứ nhằm bao vây, chia cắt nghĩa quân ra thành từng toán nhỏ. Do nắm được kế hoạch của địch, Đề Thám kịp thời chủ động cho nghĩa quân chuyển sang Phúc Yên, Vĩnh Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên. Nhưng trước sức dồn ép và truy kích của kẻ thù, lực lượng nghĩa quân suy mòn dần. Cuối năm 1909, nhiều người tâm phúc bên Đề Thám như Cả Trọng (con trai) đã hi sinh trong chiến đấu, còn lại đều lần lượt sa lưới giặc như bà Ba Cẩn (vợ ba Đề Thám). Giặc Pháp tìm mọi cách bắt sống lãnh tụ Hoàng Hoa Thám. Nhưng nhờ đề cao cảnh giác, nhất là nhờ được nhân dân địa phương hết lòng bảo vệ, mãi tới ngày 10-2-1913, bọn tay sai Pháp mới đột nhập vào căn cứ và giết chết ông tại khu rừng gần chợ Gồ (Yên Thế).

Trong các phong trào chống Pháp của nhân dân ta buổi đầu thực dân Pháp xâm lược và thống trị, cuộc khởi nghĩa Yên Thế kéo dài nhất và cũng làm cho địch lo ngại và tổn thất nhiều nhất. Nghĩa quân là những người nông dân cầm súng, họ có mối thù mất nước kết hợp chặt chẽ với mối thù mất ruộng. Với một tinh thần chiến đấu dũng cảm và bền bỉ, được nhân dân hết lòng hết sức ủng hộ, lại có một chỉ huy quân sự xuất sắc cầm đầu, họ đã kéo dài cuộc chiến đấu trên 30 năm, bất chấp muôn vàn thủ đoạn ác độc của kẻ thù.

Mặc dù thất bại, khởi nghĩa Yên Thế đã viết nên những trang sử vẻ vang, chứng minh khả năng hùng hậu của giai cấp nông dân trong lịch sử chống đế quốc xâm lược.

?

1. Khởi nghĩa Yên Thế có những đặc điểm gì khác so với các cuộc khởi nghĩa cùng thời ?
2. Khởi nghĩa Yên Thế đã trải qua 3 giai đoạn như thế nào ?
3. Cuối cùng cuộc khởi nghĩa thất bại vì nguyên nhân gì ?

thuongmaitr

Bài 14

XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

1. Cuộc khai thác bóc lột trên quy mô lớn bắt đầu

Từ những năm cuối thế kỉ XIX sang đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp sau khi đã dập tắt phong trào đấu tranh vũ trang của nhân dân ta và dựng xong bộ máy cai trị, vội tiến hành đợt khai thác bóc lột Việt Nam lần thứ nhất trên quy mô lớn.

Từ lâu chúng thèm muốn các nguồn tài nguyên phong phú trên rừng dưới biển, nay mới có điều kiện ra tay cướp đoạt. Chúng háo hức kêu gọi nhau bỏ vốn vào khai thác, tuyên bố trắng trợn mục đích vơ vét bóc lột : "Không một xứ sở nào trên thế gian này lại có nhiều nguồn lợi như xứ Bắc Kì... Biết bao ngành kĩ nghệ phải thiết lập...

Biết bao chiến dịch rực rỡ cần phải vạch ra. Xứ Bắc Kì giàu có... Từ nơi đây, chính quốc tha hồ mà bòn rút đầy tay của cải để đưa về nước. Vậy thì hãy tiến lên ! Tiến lên !".

(SA-VI-NHI và BI-SỐP-
Những tài nguyên của xứ Bắc Kì)

Trước hết, chúng đẩy mạnh khai mỏ để vơ vét các khoáng sản, nhất là than đá ở vùng Hồng Gai - Quảng Yên, để chở về Pháp hay bán ra thị trường các nước. Một số nhà máy điện, nước, xi măng, dệt, xay gạo được gấp rút xây dựng để lợi dụng nguồn nhân công rẻ mạt của nước ta, sản xuất tại chỗ một số mặt hàng nước Pháp thiếu, hay không có đủ để xuất sang. Các ngành thủ công truyền thống và nghề phụ gia đình trong nhân dân như dệt, nấu đường, chăn nuôi, làm đồ gốm... cứ chết dần chết mòn. Công nghiệp nước ta ngay từ đầu đã phụ thuộc chặt chẽ vào công nghiệp nước Pháp.

Các công ti xuất nhập khẩu Pháp ra đời ngày càng nhiều, nắm chặt mọi khâu từ việc tung hàng Pháp về tận các vùng chợ quê đến việc thu mua các sản phẩm và mặt hàng nội địa. Thị trường Việt Nam nhanh chóng trở thành thị trường riêng của tư bản Pháp, các công ti thương nghiệp Đề-cua Ca-bô, Poăng-sa và Vây-rê, Luy-xi-a... nắm chặt mọi việc buôn bán xuất nhập khẩu để thu lãi.

Việc cướp đoạt ruộng đất mở đồn điền cũng được đẩy mạnh. Trong Nam ngoài Bắc đều có những tên thực dân chiếm hàng ngàn, hàng vạn hécta đất trồng lúa, chè, cao su... như Set-nay, Tac-ta-ranh, Hom-be... Nhân dân ta còn khốn đốn trăm đường vì nạn sưu cao thuế nặng. Các thuế mới chồng chất lên các thuế cũ có từ trước khi Pháp tới. Tai hại nhất là ba hạng thuế muối, rượu và thuốc phiện. Đó là chưa nói tới nạn bắt đi phu đắp đường, đào sông, xây cầu, dựng dinh thự, đồn bốt... liên miên suốt năm này qua năm khác làm cho xóm làng xơ xác, nhiều người ra đi mà không có ngày trở lại. Tình cảnh nhân dân ta hồi đó thật là khổ cực trăm đường.

2. Những biến chuyển mới

Thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác bóc lột đã làm cho xã hội Việt Nam bắt đầu phân hóa rõ rệt từ những năm đầu thế kỉ XX. Một lớp người hăng hái đứng ra hoạt động công thương, kêu gọi mở cửa hiệu buôn bán hoặc xưởng thợ chuyên sản xuất những mặt hàng cạnh tranh với hàng Pháp. Một số hiệu buôn khá lớn của người Việt hoạt động ở các thành phố như Hồng Tân Hưng ở Hà Nội, Triều Dương ở Vinh, Nam Đồng Hương ở Sài Gòn... Một số công ti sản xuất cũng ra đời như công ti Nam Phong, công ti dệt lụa và chiếu ở Thái Bình, công ti Liên Thành ở Phan Thiết sản xuất nước mắm...

Đó là mầm mống đầu tiên của tầng lớp tư sản dân tộc. Nhưng ngay từ đầu họ đã bị thực dân Pháp cố tình chèn ép, ngăn trở, nên số lượng đã ít mà thế lực lại yếu.

Các tầng lớp tiểu tư sản (người buôn bán, chủ xưởng nhỏ,viên chức các sở công và tư, .trí thức, học sinh...) cũng ngày một đông lên khi các thành thị phát triển, việc mua bán hàng hóa giữa các vùng mở rộng, bộ máy cai trị và nền giáo dục thực dân được hoàn chỉnh dần.

Nhưng quan trọng hơn là sự tập hợp đội ngũ công nhân trong thời kì này. Một số nông dân phá sản vì ruộng đất bị thực dân Pháp và địa chủ phong kiến cướp đoạt phải bỏ làng xóm ra đi, rồi xin vào làm trong các hầm mỏ, đồn điền, nhà máy của thực dân Pháp hay của tư sản người Việt. Lúc đó có khoảng 10 vạn người hoạt động công nghiệp, so với số dân cả nước thì còn ít, nhưng lại được phân bố tương đối đều trên cả nước và rất tập trung tại các cơ sở kinh tế chủ chốt của thực dân Pháp. Họ còn bị bè lũ phong kiến và tư sản bản xứ tiếp tay thực dân ra sức bóc lột. Chính vì thế họ sớm có tinh thần đấu tranh quyết liệt, chống bọn chủ đòi cải thiện điều kiện sinh hoạt và làm việc (tăng lương, giảm giờ làm, làm lán trại...).

Trong lúc xã hội Việt Nam đang phân hóa kịch liệt như vậy thì từ những năm đầu thế kỉ XX, những tư tưởng dân chủ tư sản của châu Âu được đưa vào nước ta qua các sách báo mới của Trung Quốc. Nước Nhật đi theo con đường tư bản châu Âu mà giàu mạnh lên không kém các nước đế quốc cũ như Anh, Nga, Pháp, Đức cũng là tấm gương cho các nhà yêu nước nước ta hồi đó muốn noi theo.

thuongmaitr

Trong hoàn cảnh đó, phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam đã có những chuyển biến. Những người yêu nước đầu thế kỉ XX bắt đầu thức tỉnh, nhận thấy con đường cứu nước cũ không còn thích hợp, nên mạnh dạn đón nhận các luồng tư tưởng mới và hăng hái đi tìm con đường cứu nước mới, vừa nhằm giải phóng dân tộc, vừa nhằm mang lại những quyền lợi dân chủ cho nhân dân.

?

1. Tại sao tới đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp mới khai thác bóc lột Việt Nam trên quy mô lớn ?
2. Xã hội Việt Nam đã có những biến đổi gì vào đầu thế kỉ XX ? Tại sao lại có các biến đổi đó ?
3. Vì sao những người yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX lại mạnh dạn đón nhận những luồng tư tưởng mới và hăng hái tìm con đường cứu nước mới ?

Bài 15

tuongxua.vn

CÁC PHONG TRÀO YÊU NƯỚC ĐẦU THẾ KỈ XX

I – PHONG TRÀO ĐÔNG DU VÀ ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

1. Phong trào Đông du (1905 – 1909)

Bước vào những năm cuối thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh vũ trang của nhân dân ta sau một thời kì dài bùng nổ quyết liệt đã bị kẻ thù dập tắt trong máu lửa. Bộ máy kìm kẹp, thống trị của chúng nhờ đó càng được củng cố. Trong hoàn cảnh mới, những người yêu nước nhận thấy phải có con đường cứu nước mới. Họ mạnh dạn đón nhận những luồng tư tưởng dân chủ tư sản từ ngoài dồn dập tràn vào nước ta từ những năm đầu thế kỉ XX. Họ muốn dựa vào nước Nhật, một nước theo con đường tư bản châu Âu, giàu mạnh lên, đánh thắng đế quốc Nga (1905). Người Nhật lại cùng màu da vàng.

Để thực hiện ý định trên, các nhà yêu nước đã lập ra Hội Duy tân do Phan Bội Châu đứng đầu. Mục đích của Hội là khôi phục nước Việt Nam, lập ra một chính phủ độc lập (1904). Đầu năm 1905, thực hiện nhiệm vụ Hội giao, Phan Bội Châu lên đường sang Nhật nhờ giúp khí giới, lương tiền. Nhưng người Nhật chỉ hứa giúp đỡ việc đưa thanh niên sang học để đào tạo cán bộ cho cuộc bạo động vũ trang về sau. Hội Duy tân hăng hái bắt tay ngay vào việc tuyên truyền cổ động thanh niên bí mật sang Nhật học, mở đầu cho phong trào Đông du (nước Nhật ở phía Đông nước ta nên cuộc xuất dương sang Nhật gọi là Đông du).

Hình 29 – Phan Bội Châu

Phong trào Đông du lúc đầu tiến hành thuận lợi, số học sinh có lúc lên tới 200 người. Nhưng đến tháng 9 – 1908, thực dân Pháp ra tay khủng bố. Chúng câu kết với bọn cầm quyền Nhật, giải tán tổ chức du học sinh của ta trên đất Nhật, trục xuất những người yêu nước Việt Nam khỏi đất Nhật. Đầu năm sau (3–1909), Phan Bội Châu cũng phải rời khỏi nước Nhật. Sau đó, phong trào Đông du tan rã. Hội Duy tân ngừng hoạt động.

thuongmaitr

?

- Hội Duy tân do ai thành lập ? Vào năm nào ? Mục đích của Hội là gì ?
- Phan Bội Châu đã có những hoạt động gì đáng chú ý trong phong trào Đông du ?
- Tại sao phong trào Đông du thất bại ?

2. Đông Kinh nghĩa thục (1907)

Cùng thời với phong trào Đông du có xu hướng bạo động vũ trang mang tính chất toàn quốc, ở Bắc Kì còn có một cuộc vận động cải cách văn hóa xã hội theo lối tư sản.

Tháng 3-1907, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền và một số nhà nho tiến bộ khác đã mở tại Hà Nội một trường học tư lấy tên là Đông Kinh nghĩa thục[1]. Tuy là một trường tư nhưng không thu tiền học.

Hình 30 – Lương Văn Can

Chương trình học gồm những bài phổ thông về địa lí, lịch sử, cách trí (khoa học thường thức), vệ sinh. Tuy vẫn phỏng theo chương trình nhà trường thực dân nhưng được soạn theo mục đích tuyên truyền đổi mới. Trường còn tổ chức những buổi nói chuyện, bình văn, ra sách báo. Các hoạt động này đều có nội dung yêu nước, kêu gọi đoàn kết, bài trừ lối học cũ, khuyên học quốc ngữ, dùng hàng sản xuất trong nước, mở mang các nghề công thương, sống theo lối mới...

Ảnh hưởng của Đông Kinh nghĩa thục không ngừng mở rộng. Cơ sở của trường lan dần về các địa phương. Số học sinh ngày càng đông, lên tới 1000 người. Các hoạt động ngoại khóa của trường cũng thu hút được đông đảo đồng bào hồi đó :

"Buổi diễn thuyết người đông như hội,
Kì bình văn khách tới như mưa"

(Văn thơ Đông Kinh nghĩa thục)

Trước ảnh hưởng ngày một lớn của Đông Kinh nghĩa thục, thực dân Pháp thấy đó "là một cái lò phiến loạn ở Bắc Kì" [2] nên thẳng tay đàn áp. Tháng 11-1907, trường bị đóng cửa, sách báo của trường bị cấm, một số người hoạt động tích cực bị bắt. Tính ra Đông Kinh nghĩa thục chỉ mới hoạt động được 9 tháng nhưng đã góp phần thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân ta đầu thế kỉ XX.

---

(1) Đông Kinh là tên Hà Nội cũ.
(2) Hồ sơ Phủ thống sứ Bắc Kì – Phòng lưu trữ Thư viện quốc gia.

?

- Đông Kinh nghĩa thục đã có những hoạt động gì đáng chú ý ?

- Đông Kinh nghĩa thục đã có ảnh hưởng như thế nào đến phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX ?

II – CUỘC VẬN ĐỘNG DUY TÂN VÀ PHONG TRÀO CHỐNG THUẾ Ở TRUNG KÌ (1907 – 1908)

1. Cuộc vận động Duy tân

Hình 31 – Phan Châu Trinh

Cùng lúc với phong trào Đông Kinh nghĩa thục ở Bắc Kì, một cuộc vận động Duy tân (bỏ cũ theo mới) sôi nổi diễn ra ở khắp Trung Kì. Cầm đầu phong trào là các nhà nho tiến bộ như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Lê Văn Huân...

Các hình thức hoạt động rất phong phú. Trường học được mở khá nhiều, xuống đến tận các làng xã. Chương trình học có toán, cách trí, vệ sinh, sử kí, địa lí... với nội dung mới. Trường còn dạy hát, luyện tập thể thao, hàng tuần có tổ chức diễn thuyết về các đề tài sinh hoạt xã hội, tình hình thế giới. Nhà trường cũng là nơi tuyên truyền mở mang công nghiệp và thương nghiệp đẩy mạnh sản xuất, bài trừ bọn quan lại xấu, đả phá phong tục lạc hậu mê tín, thực hiện đời sống mới... Nhiều hội buôn hàng nội hóa, nhiều công ti làm nghề thủ công được thành lập ở các nơi. Người ta còn đua nhau cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn... Tất cả các hoạt động trên đều đề cao tinh thần đoàn kết yêu nước, căm ghét bọn thực dân, tay sai.

2. Phong trào chống thuế ở Trung Kì

Phong trào Duy tân ngày càng lan rộng. Chính lúc này nhân dân Trung Kì đang điêu đứng vì nạn thuế khóa nặng nề, nạn bắt phu của

thực dân Pháp. Cuộc vận động Duy tân khi đi sâu vào quần chúng đã bùng lên thành ngọn lửa căm thù trong lòng mọi người. Vì vậy, từ đầu năm 1908, một phong trào chống đi phu, đòi giảm thuế đã nổi dậy ở Quảng Nam – Đà Nẵng. Giữa tháng 3–1908, nhân dân huyện Đại Lộc (Quảng Nam – Đà Nẵng) kéo nhau lên tỉnh lị đòi giảm thuế, phản đối việc bắt phu. Cuộc đấu tranh kéo dài suốt tháng, số người kéo đến càng đông, có lúc đến một vạn người tham gia. Tại các huyện khác trong tỉnh cũng xảy ra những cuộc đấu tranh ngày càng kịch liệt hơn. Phong trào nhanh chóng lan rộng ra các tỉnh miền Trung tuy thực dân Pháp và tay sai đã ra sức đề phòng. Khí thế đấu tranh của quần chúng ngày càng dâng cao.

Tình hình đó làm cho bọn thống trị vô cùng lo sợ. Chúng ra sức huy động nhiều binh lính thẳng tay khủng bố đàn áp, đóng cửa các trường học, giải tán các hiệu buôn, bắt bớ, tù đày nhiều người, xử chém một số người cầm đầu. Vì chưa có cơ sở vững chắc trong quần chúng, nhất là vì thiếu một bộ phận lãnh đạo sáng suốt, nên phong trào tan rã dần vào cuối tháng 5–1908.

truongxua.vn

?

1. Cuộc vận động Duy tân ở Trung Kì diễn ra như thế nào ?
2. Tại sao phong trào đòi giảm thuế, chống đi phu bùng nổ năm 1908 ở Trung Kì ? So sánh mức độ đấu tranh của phong trào trên với cuộc vận động Duy tân ?
3. Nguyên nhân chủ yếu nào đã dẫn tới sự tan rã phong trào đòi giảm thuế, chống đi phu ?

Bài 16

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC TRONG THỜI KÌ CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

1. Chính sách của thực dân Pháp trong thời chiến

Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra tháng 8–1914, nhanh chóng lan rộng, lôi cuốn các nước đế quốc và cả các nước thuộc địa, phụ thuộc của chúng vào cuộc chiến.

Trong khi đó, phong trào yêu nước ở Việt Nam tạm thời lắng xuống trước sự khủng bố đàn áp của kẻ thù. Nắm lấy thời cơ đó, thực dân Pháp đã ra sức vơ vét sức người, sức của trong nhân dân ta để ném vào lò lửa chiến tranh.

Gần 10 vạn lính chiến và lính thợ đã bị bắt sang làm bia đỡ đạn trên các chiến trường châu Âu.

Thực dân Pháp đã bỏ thêm vốn vào các ngành nông nghiệp (đồn điền trồng lúa, rau, đậu...) và công nghiệp (khai mỏ, đóng tàu...) để đáp ứng các nhu cầu cấp thiết về lương thực và công thương nghiệp thời chiến.

Xã hội Việt Nam phân hóa sâu sắc thêm một bước. Trong 4 năm chiến tranh, công nhân có điều kiện tập trung đông hơn trước ; hai tầng lớp tư sản và tiểu tư sản cũng có điều kiện phát triển về số lượng.

?

– Thực dân Pháp đã thi hành chính sách gì đối với Việt Nam trong 4 năm Chiến tranh thế giới thứ nhất ?

– Ảnh hưởng của chính sách đó ?

thuongmaitr

2. Âm mưu khởi nghĩa của binh lính Huế (1916)

Nhân dân ta đã phản đối quyết liệt việc thực dân Pháp ráo riết bắt lính người Việt đưa sang châu Âu chết thay cho chúng.

Từ đầu năm 1916, những người yêu nước tiến bộ của hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi do Thái Phiên và Trần Cao Vân cầm đầu đã bí mật liên lạc với số binh lính bị tập trung tại thành phố Huế để phối hợp hành động. Vua Duy Tân có tư tưởng yêu nước chống Pháp cũng hăng hái tham gia.

Ngày giờ khởi nghĩa đã định vào đêm ngày 3-5-1916. Nhưng do kế hoạch không giữ được bí mật đến phút cuối cùng nên trước đó binh lính người Việt đã bị tước khí giới và giữ trong trại. Cuộc khởi nghĩa đã bị bóp nghẹt ở Huế ngay từ đầu. Vua Duy Tân bị giặc Pháp bắt đầy ra đảo Rê-uy-ni-ông (châu Phi). Thái Phiên và Trần Cao Vân bị xử tử.

?

- Những điều kiện nào đã dẫn tới sự hình thành âm mưu khởi nghĩa của binh lính Huế ?
- Nguyên nhân thất bại của âm mưu khởi nghĩa đó ?

3. Cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)

Ngay từ khi mới đặt chân tới đất nước ta, thực dân Pháp đã ra sức thi hành chính sách dùng người Việt trị người Việt. Chúng dùng binh lính Việt để đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta và giữ an ninh trật tự cho chúng. Nhưng chúng lại đối xử rất tàn tệ với anh em, cả về vật chất lẫn tinh thần. Vì vậy họ sẵn sàng đứng lên chống lại chúng.

Cuộc khởi nghĩa bùng nổ ở Thái Nguyên, nơi có truyền thống đấu tranh anh dũng từ lâu. Công sứ Thái Nguyên là một tên gian ác nổi tiếng. Trong nhà lao Thái Nguyên, nhiều tù chính trị bị giam, trong số đó có Lương Ngọc Quyến, một nhà yêu nước đã từng hoạt động với Phan Bội Châu ở Trung Quốc. Nhờ hằng ngày tiếp xúc với tù chính trị, anh em binh lính được tuyên truyền yêu nước nên sẵn sàng hưởng ứng cách mạng. Đứng đầu binh lính có Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn). Một cuộc khởi nghĩa của tù chính trị và binh lính được chuẩn bị.

Hình 32 – Trịnh Văn Cấn

Cuộc khởi nghĩa nổ ra đêm 30 rạng ngày 31–8–1917. Nghĩa quân giết được tên giám binh Pháp, phá nhà lao, thả tù chính trị, chiếm các công sở và làm chủ tỉnh lị. Cờ khởi nghĩa tung bay. Thanh niên hưởng ứng, gia nhập nghĩa quân. Nhưng nghĩa quân lại không tiêu diệt ngay trại lính Pháp trong tỉnh lị. Hai hôm sau, viện binh Pháp kéo đến, bọn lính Pháp bên trong đánh ra. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng. Lương Ngọc Quyến hai chân bị tê liệt (vì bị cùm kẹp lâu ngày trong nhà lao) vẫn chiến đấu oanh liệt đến lúc hi sinh. Trịnh Văn Cấn phải rút quân ra khỏi tỉnh lị.

truongxua.vn

Cuộc chiến đấu tiếp tục kéo dài gần 5 tháng ở rừng núi, vô cùng gian khổ. Trịnh Văn Cấn bị thương trong chiến đấu đã tự sát, nêu cao ý chí bất khuất của người chỉ huy và của các nghĩa quân anh hùng.

?

1. Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã bùng nổ trong hoàn cảnh nào ?
2. Diễn biến của cuộc khởi nghĩa ?

Bài 17

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA LÃNH TỤ NGUYỄN ÁI QUỐC TRƯỚC VÀ TRONG CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

1. Những hoạt động yêu nước đầu tiên trước khi xuất dương

Phong trào yêu nước cách mạng của nhân dân ta hồi đầu thế kỉ XX đã lôi cuốn nhiều tầng lớp tham gia, làm cho kẻ thù hốt hoảng lo sợ và điên cuồng đối phó. Nhưng do thiếu một đường lối đúng đắn, một tổ chức chặt chẽ nên cuối cùng đã thất bại. Tình trạng khủng hoảng về lãnh đạo đòi hỏi phải giải quyết gấp để đưa cách mạng tiến lên. Người thanh niên Nguyễn Tất Thành [1] đã bắt đầu cuộc đời hoạt động yêu nước cách mạng đúng vào lúc này.

Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19–5–1890 trong một gia đình nhà nho yêu nước, nguồn gốc nông dân. Quê hương Người ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, một địa phương giàu truyền thống đấu tranh vũ trang chống ngoại xâm qua các thời kì lịch sử. Người lớn lên giữa lúc nước nhà bị mất vào tay thực dân Pháp, thấy rõ cuộc sống khổ nhục của nhân dân ngay tại quê hương. Vì vậy, Người sớm "có chí đuổi thực dân Pháp giải phóng đồng bào" [2]. Người đã tham gia công tác bí mật làm liên lạc cho một số nhà nho yêu nước lúc bấy giờ.

---

(1) Sau này là Nguyễn Ái Quốc.

(2) Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1986, tr.13.

Cuối năm 1904, Nguyễn Ái Quốc theo cha vào Huế (1). Trong thời gian học tại trường Quốc học, làm quen với văn minh Pháp, Người đã muốn tìm xem những gì ẩn náu sau các từ tự do, bình đẳng, bác ái do cách mạng Pháp đề ra.

Các phong trào yêu nước của nhân dân ta trong những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đều nối tiếp nhau bị thất bại trước sự đàn áp man rợ của kẻ thù làm cho Người suy nghĩ rất nhiều.

Tuy khâm phục Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, nhưng không tán thành đường lối hoạt động của các cụ, Người quyết định tìm đường đi của mình.

Sau khi tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân Thừa Thiên – Huế (1908), Người đã bí mật lên đường vào Nam. Trên đường đi, Người tạm dừng chân dạy học tại trường Dục Thanh (Phan Thiết), một trường tự do của một số nhà nho yêu nước lập ra. Sau đó, Người vào Sài Gòn với ý định tìm cơ hội sang các nước Âu Tây, xem họ làm thế nào mà trở nên độc lập hùng cường, rồi sẽ "trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh tổ chức, đoàn kết, huấn luyện, rồi đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập" (2).

tuongxua.vn

?

- Những điều kiện nào đã khiến Nguyễn Ái Quốc sớm có chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào ?
- Tại sao Nguyễn Ái Quốc lại quyết định tìm đường cứu nước mới ?

2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước mới

Giữa năm 1911, tại cảng Nhà Rồng (Sài Gòn), Nguyễn Ái Quốc xuống làm phụ bếp cho một tàu buôn Pháp để có cơ hội đi nước ngoài.

Cuộc hành trình của Người kéo dài gần 6 năm. Đầu tiên Người đến cảng Mác-xây (Pháp) tháng 7-1911, sau đó qua nhiều nước châu

(1) Năm 1895, Người đã theo cha mẹ và anh vào sống và học ở Huế. Sau khi mẹ mất, cả gia đình trở về quê, đến cuối năm 1904 mới trở lại Huế.

(2) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T.1, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.174.

Phi, châu Mĩ, châu Âu, cuối cùng trở lại Pháp đầu tháng 12–1917, lúc này Chiến tranh thế giới thứ nhất đang bước vào giai đoạn ác liệt nhất. Mọi nơi, Người đều lao động chân tay để sống, làm nhiều nghề như bồi bàn, nấu bếp, làm vườn, quét tuyết, đốt lò... trực tiếp học tập và rèn luyện trong quần chúng lao động và giai cấp công nhân. Ở Anh, Người tham gia Công đoàn lao động hải ngoại. Tại Mĩ, Người làm thuê ở Bơ–rut–lin, dự mít tinh của người da đen ở phố Hac–lem. Trở về Pháp, Người hăng hái hoạt động trong phong trào yêu nước của Việt kiều và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp. Các phong trào này đang phát triển mạnh dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga. Người lập Hội những người Việt Nam yêu nước để tuyên truyền và giác ngộ Việt kiều. Người kết bạn với nhiều nhà hoạt động chính trị, xã hội và văn hóa có uy tín của nước Pháp. Người viết báo, truyền đơn tố cáo tội ác thực dân Pháp ở các nước thuộc địa, tranh thủ mọi diễn đàn, những buổi hội họp, mít tinh, sinh hoạt câu lạc bộ để tuyên truyền cho cách mạng Việt Nam và các nước Đông Dương. Người đã nhanh chóng trở thành người lãnh đạo phong trào Việt kiều và là một trong những người lãnh đạo phong trào các dân tộc thuộc địa của đế quốc Pháp ngay trên đất Pháp. Cuối năm 1918, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp, chính đảng lớn nhất và duy nhất lúc bấy giờ bênh vực quyền lợi của giai cấp công nhân.

Những hoạt động của Người tuy mới bước đầu, nhưng rất đúng hướng là những đóng góp tích cực của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam vào phong trào công nhân Pháp và quốc tế. Đó là điều kiện cần thiết và đầy đủ để ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cách mạng Việt Nam bắt gặp chân lí cứu nước của thời đại : chủ nghĩa Mác – Lênin.

?

– Hướng đi và cách đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác với những người đi trước ?

– Tại sao lại nói những hoạt động đúng hướng của Nguyễn Ái Quốc trước chiến tranh là điều kiện cần thiết và đầy đủ để cách mạng Việt Nam bắt gặp chân lí cứu nước sau chiến tranh ?

thuongmaitr

Bài 18

SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1858 ĐẾN 1918

Ngày 1-9-1858, thực dân Pháp tấn công Đà Nẵng. Dân tộc Việt Nam bước vào một thời kì lịch sử mới với những thử thách nặng nề trong cuộc chiến đấu quyết liệt với kẻ thù mới.

Giai cấp thống trị, triều đình nhà Nguyễn, đối phó bị động, đã đầu hàng từng bước rồi đầu hàng hoàn toàn bọn cướp nước.

Nhưng nhân dân cả nước, trước hết là nhân dân Nam Kì, đã sôi sục nổi dậy, bảo vệ xóm làng, quê hương.

Chính phong trào kháng chiến tự phát ấy đã làm cho thực dân Pháp không thể "đánh mau thắng mau" và phải mất gần ba mươi năm mới xâm chiếm xong Việt Nam với điều ước 1884.

Nhưng ngay sau đó, phong trào kháng chiến lại lan rộng. Song vì thiếu một đường lối kháng chiến đúng đắn, thiếu sự lãnh đạo thống nhất trong cả nước nên phong trào đấu tranh vũ trang lần lượt bị thất bại.

Bước vào thế kỉ XX, đế quốc Pháp bắt đầu tiến hành việc đầu tư sang Việt Nam. Dưới ảnh hưởng của đợt khai thác bóc lột thuộc địa lần thứ nhất của đế quốc Pháp, Việt Nam đã có nhiều biến đổi về cơ cấu kinh tế và phân hóa xã hội. Phong trào trong giai đoạn này đã bắt đầu mang tính chất dân chủ tư sản.

Lãnh đạo phong trào vẫn là những nhà nho yêu nước nhưng bước vào giai đoạn mới, họ đã từ bỏ con đường cũ Cần vương cứu nước, bắt đầu tiếp nhận tư tưởng mới : tư tưởng tư sản. Người tiêu biểu nhất là Phan Bội Châu.

Các hình thức đấu tranh trong thời kì này cũng khác trước tuy mục đích không thay đổi. Những hoạt động bí mật như lập hội, xuất dương cầu học hay công khai như lập trường học, ra sách báo, diễn thuyết, biểu tình... đã đánh dấu khá rõ sự chuyển biến mới.

ruongxua.vn

Nhưng cũng như phong trào đấu tranh vũ trang cuối thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh đầu thế kỉ XX cuối cùng đã bị thất bại trước sự đàn áp đẫm máu của đế quốc Pháp và phong kiến tay sai. Nguyên nhân thất bại chính là thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến cách mạng. Giai cấp công nhân tuy đã ra đời sớm cùng với sự khai thác đầu tiên của tư bản Pháp nhưng còn hạn chế về số lượng và chất lượng nên chưa trở thành một lực lượng chính trị độc lập, chưa thể đảm nhận vai trò lãnh đạo được.

Dân tộc Việt Nam cần có con đường giải phóng đúng đắn. Chính lúc đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bằng thiên tài trí tuệ và hoạt động cách mạng của mình đã kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử. Vượt qua sự hạn chế của chủ nghĩa yêu nước của các nhà nho và các nhà cách mạng có xu hướng tư sản, Người đã sớm tìm đường cứu nước mới để ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất bắt gặp chân lí của thời đại.

?

1. Giữa các phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX có những điểm gì khác nhau về tính chất và hình thức ?

2. Em hãy tìm những dẫn chứng lịch sử chứng minh lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã vượt qua sự hạn chế của những người cùng thời, đi tìm con đường cứu nước mới.

thuongmaitu

MỤC LỤC

Trang

Chương I – XÃ HỘI VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XVI ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Bài 1. Tình hình nhà nước phong kiến (thế kỉ XVI – XVII) ... 3

Bài 2. Tình hình kinh tế – văn hóa (thế kỉ XVI – XVII) ... 9

Bài 3. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài ... 16

Bài 4. Khởi nghĩa Tây Sơn ... 20

Bài 5. Tây Sơn đánh tan quân Thanh ... 28

Bài 6. Quang Trung xây dựng đất nước ... 36

Bài 7. Xã hội Việt Nam dưới thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX) ... 39

Bài 8. Sự phát triển của văn hóa dân tộc (thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX) ... 45

Bài 9. Sơ kết lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX ... 53

uongxua.vn

Chương II – CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ ĐÔ HỘ (NỬA SAU THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 10. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân miền Nam (1858 – 1873) ... 56

Bài 11. Phong trào kháng chiến mở rộng ra toàn quốc. Tình hình nhà nước phong kiến (1873 – 1884) ... 64

Bài 12. Phong trào chống Pháp trong những năm cuối thế kỉ XIX ... 73

Bài 13. Phong trào nông dân Yên Thế (1887 – 1913) ... 84

Bài 14. Xã hội Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX ... 88

Bài 15. Các phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX 91
Bài 16. Phong trào yêu nước trong thời kì
Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) 95
Bài 17. Những hoạt động cách mạng của lãnh tụ
Nguyễn Ái Quốc trước và trong Chiến tranh thế giới thứ nhất 98
Bài 18. Sơ kết lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1918. 101

thuongmaitr

ruongxua.vn

thuongmaitruongxua.vn

LỊCH SỬ 8

TẬP HAI

Mã số : 2H806T9

In 50.000 bản (QĐ1A), khổ 14,5 x 20,5
tại Nhà máy in Sách Giáo Khoa
Đông Anh - Hà Nội
Số in: 767/131 - Số XB: 767/131 - 98
In xong và nộp lưu chiểu
tháng 1 năm 1999

Giá : **2.400 đ**